

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI THƯƠNG**

LUẬN VĂN THẠC SĨ

**PHÁP LUẬT VỀ THÀNH LẬP VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA
CÔNG TY CỔ PHẦN – THỰC TIỄN TẠI TỔNG CÔNG TY
THỦY SẢN VIỆT NAM (SEAPRODEX)**

Chuyên Ngành: Luật Kinh tế

HÀ MẠNH CƯỜNG

Hà Nội – 2021

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI THƯƠNG**

LUẬN VĂN THẠC SĨ

**Pháp luật về thành lập và hoạt động của công ty cổ phần - thực
tiễn tại Tổng công ty thủy sản Việt Nam (Seaprodex)**

Ngành: Luật Kinh tế

Mã số:

Học viên cao học: Hà Mạnh Cường

Người hướng dẫn khoa học:

Hà Nội – 2021

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan đề tài “*Pháp luật về thành lập và hoạt động của công ty cổ phần - thực tiễn tại Tổng công ty thủy sản Việt Nam (Seaprodex)*” là đề tài nghiên cứu độc lập của riêng tôi, được đưa ra dựa trên cơ sở tìm hiểu, phân tích và đánh giá các số liệu pháp luật về thành lập và hoạt động của công ty cổ phần. Các số liệu là trung thực và chưa được công bố tại các công trình nghiên cứu có nội dung tương đồng nào khác.

Hà Nội, ngày tháng năm 2021

Tác giả

Hà Mạnh Cường

LỜI CẢM ƠN

Với lòng biết ơn sâu sắc nhất, em xin gửi đến quý thầy cô đang công tác tại trường Đại Ban giám hiệu trường Đại học Ngoại thương, Khoa Sau đại học của trường cùng tập thể các thầy cô giáo, những người đã cùng với tri thức và tâm huyết của mình tận tình dạy dỗ, chỉ bảo và truyền đạt vốn kiến thức quý báu cho em trong suốt bốn năm học vừa qua tại trường.

Trong quá trình nghiên cứu và hoàn thành luận văn tốt nghiệp, em đã nhận được sự hướng dẫn và chỉ bảo tận tình của người đã trực tiếp hướng dẫn tôi trong suốt quá trình nghiên cứu và hoàn thiện đề tài.

Do thời gian nghiên cứu và kiến thức còn hạn chế, luận văn được hoàn thiện không thể tránh khỏi những sơ suất thiếu sót, tác giả rất mong nhận được những ý kiến của các thầy cô giáo cùng các bạn.

Xin chân thành cảm ơn!

Hà Nội, ngày tháng năm 2021

TÁC GIẢ LUẬN VĂN

Hà Mạnh Cường

MỤC LỤC

LỜI CAM ĐOAN	i
LỜI CẢM ƠN	ii
MỤC LỤC	iii
DANH MỤC CHỮ VIẾT TẮT	vi
DANH MỤC BẢNG, BIỂU ĐỒ	viii
DANH MỤC SƠ ĐỒ, HÌNH VẼ	viii
TÓM TẮT LUẬN VĂN	ix
LỜI MỞ ĐẦU	1
<i>1. Tính cấp thiết của đề tài</i>	<i>1</i>
<i>2. Tình hình nghiên cứu</i>	<i>2</i>
<i>3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu của đề tài</i>	<i>4</i>
3.1. Mục đích nghiên cứu	4
3.2. Nhiệm vụ nghiên cứu	4
<i>4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu</i>	<i>5</i>
4.1. Đối tượng nghiên cứu	5
4.2. Phạm vi nghiên cứu	5
<i>5. Phương pháp nghiên cứu</i>	<i>6</i>
5.1. Phương pháp luận	6
5.2. Phương pháp nghiên cứu	6
<i>6. Kết cấu của đề tài</i>	<i>7</i>
CHƯƠNG 1: NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CHUNG VỀ THÀNH LẬP VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN	8
<i>1.1. Khái quát về Công ty cổ phần</i>	<i>8</i>
1.1.1. Khái niệm Công ty cổ phần	8

1.1.2. Đặc điểm Công ty cổ phần	12
1.1.3. Cơ cấu tổ chức và quản lý Công ty cổ phần	14
1.1.4. Vai trò của Công ty cổ phần trong nền kinh tế	18
1.2. Nội dung cơ bản của pháp luật về thành lập và hoạt động của công ty cổ phần	19
1.2.1. Các quy định của pháp luật về thành lập Công ty cổ phần	19
1.2.1.1. Quy định về điều kiện thành lập Công ty cổ phần	19
1.2.1.2. Quy định về vốn của Công ty cổ phần	21
1.2.1.3. Quy định về cổ đông trong Công ty cổ phần	22
1.2.1.4. Trình tự, thủ tục thành lập Công ty cổ phần	23
1.2.2. Các quy định của pháp luật về hoạt động của Công ty cổ phần	23
1.2.2.1. Quy định về cơ cấu tổ chức, bộ máy của Công ty cổ phần	23
1.2.2.2. Quy định về hoạt động của tổ chức, bộ máy trong Công ty cổ phần	24
1.2.2.3. Quy định về chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, giải thể, chấm dứt hoạt động của Công ty cổ phần	25
1.2.2.4. Các quy định khác có liên quan	25
1.3. Các yếu tố ảnh hưởng đến pháp luật về thành lập và hoạt động của công ty cổ phần	25
1.3.1. Quan điểm, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước	26
1.3.2. Trình độ phát triển kinh tế	27
1.3.3. Trình độ, kỹ thuật luật pháp	29
1.3.4. Quá trình hội nhập kinh tế quốc tế	30
1.4. Kinh nghiệm của một số nước trong việc hoàn thiện pháp luật về Công ty cổ phần và bài học rút ra cho Việt Nam	31
1.4.1. Kinh nghiệm của một số nước	31
1.4.1.1. Kinh nghiệm của Hoa Kỳ	31
1.4.1.2. Kinh nghiệm của Nhật bản	32

1.4.1.3. Kinh nghiệm của Trung Quốc	35
1.4.2. Bài học kinh nghiệm rút ra cho Việt Nam	36
CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG PHÁP LUẬT VỀ THÀNH LẬP VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA MÔ HÌNH CÔNG TY CỔ PHẦN Ở VIỆT NAM – THỰC TIỄN TẠI TỔNG CÔNG TY THỦY SẢN VIỆT NAM (SEAPRODEX)	39
2.1. Thực trạng các quy định của pháp luật về thành lập Công ty cổ phần	39
2.1.1. Thực trạng quy định về thành lập Công ty cổ phần	39
2.1.2. Thực trạng quy định về vốn của Công ty cổ phần	41
2.1.3. Thực trạng quy định về cổ đông trong Công ty cổ phần	43
2.1.4. Thực trạng quy định về trình tự, thủ tục thành lập Công ty cổ phần	44
2.2. Thực trạng các quy định của pháp luật về hoạt động của Công ty cổ phần	46
2.2.1. Thực trạng quy định pháp luật về cơ cấu tổ chức, bộ máy của Công ty cổ phần	46
2.2.2. Thực trạng quy định pháp luật về hoạt động của tổ chức, bộ máy trong Công ty cổ phần	47
2.2.3. Thực trạng quy định pháp luật về chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, giải thể, chấm dứt hoạt động của Công ty cổ phần	49
2.2.4. Một số vấn đề khác	50
2.3. Thực trạng các yếu tố tác động đến việc hoàn thiện pháp luật về Công ty cổ phần	52
2.3.1. Quan điểm, chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước	52
2.3.2. Trình độ phát triển kinh tế của Việt Nam	52
2.3.3. Trình độ, kỹ thuật lập pháp ở Việt Nam	53
2.3.4. Quan điểm lập pháp của Việt Nam	54
2.3.5. Quá trình hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam	55
2.4. Nghiên cứu thực tiễn tại Tổng công ty Thủy sản Việt Nam – CTCP (Seaprodex)	55

2.4.1. Tổng quan sơ lược về Tổng công ty Thủy sản Việt Nam – CTCP (Seaprodex)	55
2.4.2. Về thành lập Tổng công ty Thủy sản Việt Nam – CTCP (Seaprodex)	57
2.4.3. Về hoạt động của Tổng công ty Thủy sản Việt Nam – CTCP (Seaprodex)	60
2.5. Đánh giá thực trạng pháp luật về thành lập và hoạt động của công ty cổ phần tại Việt Nam	63
2.5.1. Thành công	64
2.5.2. Hạn chế	66
2.5.3. Nguyên nhân	69
3.1. Định hướng chung nhằm tiếp tục hoàn thiện pháp luật về thành lập và hoạt động của Công ty cổ phần	72
3.1.1. Xu hướng hoàn thiện	72
3.1.2. Định hướng, quan điểm của Đảng	74
3.2. Một số đề xuất về giải pháp nhằm tiếp tục hoàn thiện pháp luật về thành lập và hoạt động của công ty cổ phần	76
3.2.1. Đề xuất về giải pháp nhằm hoàn thiện pháp luật về thành lập Công ty cổ phần	76
3.2.2. Đề xuất về giải pháp nhằm hoàn thiện pháp luật về hoạt động của Công ty cổ phần	78
3.3. Một số kiến nghị cụ thể	83
3.3.1. Kiến nghị đối với Quốc hội	83
3.3.2. Kiến nghị đối với Chính phủ	84
3.3.3. Kiến nghị đối với Hiệp hội doanh nghiệp Việt Nam	86
KẾT LUẬN	88
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO	90

DANH MỤC CHỮ VIẾT TẮT

Từ viết tắt	Từ được viết tắt
CTCP	Công ty cổ phần
HĐQT	Hội đồng quản trị
BKS	Ban Kiểm soát

DANH MỤC BẢNG, BIỂU ĐỒ

	Trang
Bảng 2.1. Doanh thu của công ty mẹ SEAPRODEX từ 2016-2019	62
Biểu đồ 2.3. Doanh thu của công ty mẹ SEAPRODEX từ 2016-2019	63

DANH MỤC SƠ ĐỒ, HÌNH VẼ

	Trang
Hình 2.1. Mô hình quản lý của công ty	58
Hình 2.2. Sơ đồ tổ chức Tổng công ty Thủy sản Việt Nam	59

TÓM TẮT LUẬN VĂN

Trong quá trình chuyển sang nền kinh tế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa, vấn đề phát triển cơ cấu kinh tế nhiều thành phần được đặt ra như một tất yếu đối với nền kinh tế Việt Nam. Kinh tế tư bản tư nhân (trong đó có công ty cổ phần) là một bộ phận trong cơ cấu ấy đã có một thời kỳ bị coi là đối lập với kinh tế xã hội chủ nghĩa. Song thực tiễn đã chứng minh quan niệm như vậy là cực đoan và sự xuất hiện của kinh tế tư bản tư nhân đã góp phần không nhỏ vào sự phát triển lớn mạnh của nền kinh tế nước nhà. Đường lối đổi mới kinh tế do Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI của Đảng cộng sản Việt Nam đề ra được hoàn thiện và phát triển, Đảng và Nhà nước ta khẳng định chủ trương xây dựng nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần vận hành theo cơ chế thị trường có sự quản lý của nhà nước. các thành phần kinh tế theo nguyên tắc cùng có lợi, bình đẳng trước pháp luật.

Thực hiện đường lối, chính sách đổi mới của Đảng và Nhà nước, được sự đồng tình hưởng ứng tích cực của nhân dân, công ty cổ phần đã phát triển rộng khắp trong cả nước; đóng góp quan trọng vào phát triển kinh tế, huy động các nguồn lực xã hội vào sản xuất, kinh doanh, tạo thêm việc làm, cải thiện đời sống nhân dân, tăng ngân sách nhà nước, góp phần giữ vững ổn định chính trị - xã hội của đất nước. Cùng với các loại hình kinh doanh khác, sự phát triển của công ty cổ phần đã góp phần giải phóng lực lượng sản xuất, thúc đẩy phân công lao động xã hội, chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa, phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, tăng thêm số lượng công nhân, lao động và doanh nhân Việt Nam, thực hiện các chủ trương xã hội hóa y tế, văn hóa, giáo dục... Như vậy, trong những năm qua bộ phận kinh tế này ở nước ta đã phát triển nhanh chóng và ngày càng khẳng định là một bộ phận không thể thiếu được của nền kinh tế quốc dân. Tuy nhiên, trên thực tế hoạt động của các công ty cổ phần của Việt Nam hiện nay chưa phát huy được hết các tiềm năng của mình, còn gặp nhiều khó khăn từ nhiều nguyên nhân, mà chủ yếu là do khung pháp lý còn bộc lộ nhiều hạn chế. Luật doanh nghiệp 2020 ra đời thay thế cho Luật doanh nghiệp 2014 có nhiều tư tưởng mở rộng tạo môi trường kinh doanh thuận lợi cho mô hình công ty cổ phần, tuy nhiên trong thực tiễn kinh doanh hiện nay có những rào cản nhất định

do quy định pháp luật đặt ra chưa thống nhất và chặt chẽ, đặc biệt trong lĩnh vực thành lập và hoạt động của công ty cổ phần, dẫn đến nhiều bất cập và hạn chế khi thực hiện.

Chính vì vậy, tác giả đã lựa chọn đề tài: “*Pháp luật về thành lập và hoạt động của công ty cổ phần - thực tiễn tại Tổng công ty thủy sản Việt Nam (Seaprodex)*” nhằm đánh giá thực trạng của pháp luật về thành lập và hoạt động của công ty cổ phần qua đó làm rõ những điểm mới, điểm hạn chế còn tồn tại và đề ra phương án giải quyết góp phần nâng cao hiệu quả của quản lý nhà nước trong lĩnh vực này, tạo một môi trường cạnh tranh và cởi mở cho các chủ thể kinh doanh phát triển nền kinh tế trong nước.

Nội dung của luận văn thể hiện qua 03 chương:

Chương 1: Những vấn đề lý luận chung về thành lập và hoạt động của công ty cổ phần. Trong chương 1 tác giả trực tiếp đề cập đến những vấn đề lý luận chung nhất về thành lập và hoạt động của công ty cổ phần để đến nội dung của chương 2 đi sâu phân tích các quy định pháp luật có liên quan. Chương 1 khái quát lên các khái niệm, đặc điểm, lý luận cơ bản có liên quan.

Chương 2: Thực trạng pháp luật về thành lập và hoạt động của công ty cổ phần. Tập trung đi sâu phân tích các quy định về thành lập và hoạt động công ty cổ phần và thực tiễn áp dụng tại công ty SEAPRODEX. Trên cơ sở đó chỉ ra các kết quả đã đạt được. Những khó khăn, vướng mắc và nguyên nhân trong quá trình thi hành.

Chương 3: Giải pháp nhằm hoàn thiện pháp luật về thành lập và hoạt động của công ty cổ phần. Trên cơ sở kết quả của chương 1 và chương 2, trong chương 3 tác giả tiến hành nghiên cứu xu hướng và quan điểm của Đảng về vấn đề này. Từ đó, đề xuất các giải pháp về pháp luật và quá trình áp dụng pháp luật trong thực tế. Đồng thời, mạnh dạn xây dựng các kiến nghị đối với Quốc Hội, Chính phủ và các hiệp hội doanh nghiệp để từ đó hoàn thiện hơn các giải pháp mà người viết đã nghiên cứu.

LỜI MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Trong quá trình chuyển sang nền kinh tế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa, vấn đề phát triển cơ cấu kinh tế nhiều thành phần được đặt ra như một tất yếu đối với nền kinh tế Việt Nam. Kinh tế tư bản tư nhân (trong đó có công ty cổ phần) là một bộ phận trong cơ cấu ấy đã có một thời kỳ bị coi là đối lập với kinh tế xã hội chủ nghĩa. Song thực tiễn đã chứng minh quan niệm như vậy là cực đoan và sự xuất hiện của kinh tế tư bản tư nhân đã góp phần không nhỏ vào sự phát triển lớn mạnh của nền kinh tế nước nhà.

Đường lối đổi mới kinh tế do Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI của Đảng cộng sản Việt Nam đề ra được hoàn thiện và phát triển, Đảng và Nhà nước ta khẳng định chủ trương xây dựng nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần vận hành theo cơ chế thị trường có sự quản lý của nhà nước. Nghị quyết Đại hội VI của Đảng đưa ra giải pháp : “Khuyến khích phát triển kinh tế gia đình. Sử dụng khả năng tích cực của kinh tế tiểu sản xuất hàng hóa, đồng thời vận dụng và tổ chức những người lao động cá thể vào các hình thức làm ăn tập thể để nâng cao hiệu quả sản xuất, kinh doanh; sắp xếp, cải tạo và sử dụng tiểu thương, giúp đỡ những người không cần thiết trong lĩnh vực lưu thông chuyển sang sản xuất và dịch vụ. Sử dụng kinh tế tư bản tư nhân trong một số ngành nghề, đi đôi với cải tạo họ từng bước bằng nhiều hình thức tư bản nhà nước, xóa bỏ thương nghiệp tư bản tư nhân. Mở rộng nhiều hình thức liên kết giữa các thành phần kinh tế theo nguyên tắc cùng có lợi, bình đẳng trước pháp luật”¹.

Thực hiện đường lối, chính sách đổi mới của Đảng và Nhà nước, được sự đồng tình hưởng ứng tích cực của nhân dân, công ty cổ phần đã phát triển rộng khắp trong cả nước; đóng góp quan trọng vào phát triển kinh tế, huy động các nguồn lực xã hội vào sản xuất, kinh doanh, tạo thêm việc làm, cải thiện đời sống nhân dân, tăng ngân sách nhà nước, góp phần giữ vững ổn định chính trị - xã hội của đất nước. Cùng với các loại hình kinh doanh khác, sự phát triển của công ty cổ phần đã góp

¹Nghị quyết Đại hội VI của Đảng

phần giải phóng lực lượng sản xuất, thúc đẩy phân công lao động xã hội, chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa, phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, tăng thêm số lượng công nhân, lao động và doanh nhân Việt Nam, thực hiện các chủ trương xã hội hóa y tế, văn hóa, giáo dục...

Như vậy, trong những năm qua bộ phận kinh tế này ở nước ta đã phát triển nhanh chóng và ngày càng khẳng định là một bộ phận không thể thiếu được của nền kinh tế quốc dân. Tuy nhiên, trên thực tế hoạt động của các công ty cổ phần của Việt Nam hiện nay chưa phát huy được hết các tiềm năng của mình, còn gặp nhiều khó khăn từ nhiều nguyên nhân, mà chủ yếu là do khung pháp lý còn bộc lộ nhiều hạn chế. Luật doanh nghiệp 2020 ra đời thay thế cho Luật doanh nghiệp 2014 có nhiều tư tưởng mở rộng tạo môi trường kinh doanh thuận lợi cho mô hình công ty cổ phần. Tuy nhiên, trong thực tiễn kinh doanh hiện nay có những rào cản nhất định do quy định pháp luật đặt ra chưa thống nhất và chặt chẽ, đặc biệt trong lĩnh vực thành lập và hoạt động của công ty cổ phần, dẫn đến nhiều bất cập và hạn chế khi thực hiện.

Chính vì vậy, tác giả đã lựa chọn đề tài: *“Pháp luật về thành lập và hoạt động của công ty cổ phần - thực tiễn tại Tổng công ty thủy sản Việt Nam (Seaprodex)”* nhằm đánh giá thực trạng của pháp luật về thành lập và hoạt động của công ty cổ phần và thực tiễn tại Tổng công ty Thủy sản Việt Nam (Seaprodex) – một trong những doanh nghiệp đầu ngành trong lĩnh vực thủy sản mà tác giả có quan tâm nghiên cứu. Qua đó làm rõ những điểm mới, điểm hạn chế còn tồn tại và đề ra phương án giải quyết góp phần nâng cao hiệu quả của quản lý nhà nước trong lĩnh vực này, tạo một môi trường cạnh tranh và cởi mở cho các chủ thể kinh doanh phát triển nền kinh tế trong nước.

2. Tình hình nghiên cứu

Cho đến nay, ở Việt Nam cũng đã có các công trình khoa học nghiên cứu về công ty cổ phần nhưng phần lớn tiếp cận vấn đề này ở những mức độ khía cạnh, pháp lý kinh tế khác nhau.

Qua nghiên cứu bản thân nhận thấy rằng sự quan tâm và nghiên cứu của các nhà khoa học pháp lý thể hiện ở những mức độ khác nhau:

Thứ nhất: Ở các trung tâm, trường Đại học đào tạo cử nhân luật trong chương trình đào tạo của mình vấn đề công ty cổ phần là một bộ phận nằm trong quá trình giảng dạy về luật kinh tế và quản lý kinh tế mặc dù mức độ nghiên cứu chưa sâu. Chúng ta có thể tìm thấy một số vấn đề về công ty cổ phần trong Giáo trình Luật thương mại của Trường Đại học Luật Hà Nội - Nxb Công an nhân dân, Hà Nội, 2006; Giáo trình Luật kinh tế của Khoa Luật Đại học Quốc gia Hà Nội - Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội, 2001; Chuyên khảo Một số quy định mới về công ty cổ phần nhỏ, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2003. Hay các bài viết được công bố trên các tạp chí chuyên ngành pháp lý, nổi bật như bài viết: Phân tích pháp luật về công ty cổ phần để tìm ra các bất cập của TS. Ngô Huy Cương - Tạp chí Khoa học, Đại học Quốc gia Hà Nội, số 25 (2009)...

Thứ hai: Một số công trình luận văn, đề tài có nghiên cứu về chủ thể công ty cổ phần của các học giả như:

- “*Pháp luật về thành lập và hoạt động của công ty cổ phần ở Việt Nam thực trạng và phương hướng hoàn thiện*” - Luận văn Thạc sĩ Luật học của tác giả Trần Tố Uyên (Khoa Luật Đại học Quốc gia Hà Nội, năm 2005).

- “*Pháp luật về công ty cổ phần ở Việt Nam*” - Luận văn Thạc sĩ luật học của tác giả Hoàng Minh Sơn (Khoa luật Đại học Quốc gia Hà Nội, năm 2012)

- “*Bảo đảm quyền cổ đông thiểu số trong mua bán, sáp nhập công ty cổ phần theo pháp luật Việt Nam*” - Luận án tiến sĩ luật học của tác giả Cao Đình Lành (Học viện Khoa học xã hội – Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam, năm 2014).

- “*Quản trị công ty cổ phần theo mô hình có Ban kiểm soát theo Luật Doanh nghiệp 2014*” - Luận văn Thạc sĩ luật học của tác giả Nguyễn Nữ Huyền (Học viện Khoa học xã hội, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam, năm 2016).

- “*Sự phát triển của pháp luật về bảo vệ cổ đông thiểu số trong công ty cổ phần ở Việt Nam*” - Luận văn Thạc sĩ luật học của tác giả Trịnh Thị Lành (Khoa luật Đại học Quốc gia Hà Nội, năm 2016).

- “*Tổ chức quản lý công ty cổ phần theo pháp luật Việt Nam*” - Luận văn Thạc sĩ luật học của tác giả Hoàng Công Minh (Trường đại học Luật, Đại học Huế, năm 2018).

- “*Pháp luật về cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước qua thực tiễn tại tỉnh Quảng Trị*” – Luận văn thạc sĩ luật học của tác giả Trần Công Thương (Trường đại học Luật, Đại học Huế, năm 2019).

Thứ ba: Trong những năm qua một số cơ quan nghiên cứu về kinh tế đã có một số cuộc điều tra về thực trạng và tình hình phát triển của công ty cổ phần như: Kết quả điều tra cơ sở sản xuất kinh doanh cá thể phi nông năm 2010 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư; Kết quả điều tra, khảo sát tình hình phát triển của công ty cổ phần tại tỉnh Bắc Ninh và Vĩnh Phúc năm 2011 của Viện Chính sách và Chiến lược phát triển nông nghiệp nông thôn (Ipsard) thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Như vậy, với nhiều mức độ và cách tiếp cận khác nhau, các công trình nghiên cứu nêu trên đã đi sâu phân tích những đặc điểm, bản chất và vai trò của công ty cổ phần trong nền kinh tế - xã hội ở nước ta. Song, cho đến nay chưa có nhiều công trình khoa học đi sâu nghiên cứu và trình bày một cách có hệ thống và chi tiết về pháp luật công ty cổ phần ở Việt Nam nói chung và pháp luật về thành lập và hoạt động của công ty cổ phần của công ty cổ phần nói riêng. Bên cạnh đó, trong bối cảnh Luật Doanh nghiệp 2020 mới có hiệu lực từ 01/01/2021 nên hầu hết các công trình nghiên cứu chưa cập nhật hoặc cập nhật chưa đầy đủ những đổi mới trong việc thành lập và hoạt động của mô hình Công ty cổ phần tại Việt Nam – mặc dù Luật Doanh nghiệp được coi là hành lang pháp lý quan trọng cho việc thành lập và hoạt động của Công ty cổ phần. Do vậy, Luận văn là những cập nhật, những phát hiện về những mặt tích cực và hạn chế còn sót của những quy định pháp luật được ghi nhận trong Luật doanh nghiệp 2020 nhằm hoàn thiện - xây dựng thủ tục thành lập và hoạt động của công ty cổ phần đơn giản gọn nhẹ phù hợp với xu thế hiện nay.

Vì vậy, trên cơ sở kế thừa có chọn lọc các công trình khoa học đã có trước, người viết hy vọng góp phần làm sáng tỏ hơn vấn đề pháp lý của công ty cổ phần ở

Việt Nam đặc biệt là trong lĩnh vực thành lập và hoạt động của công ty cổ phần, thực tiễn tại Tổng công ty thủy sản Việt Nam (Seaprodex)” để thể hiện tâm huyết và đóng góp của bản thân đối với vấn đề này.

3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu của đề tài

3.1. Mục đích nghiên cứu

Luận văn đi vào nghiên cứu những vấn đề lý luận và các quy định của pháp luật về thành lập, hoạt động của mô hình Công ty cổ phần; thực tiễn áp dụng các quy định pháp luật này tại Việt Nam. Từ đó đi vào phân tích, đánh giá, tổng hợp nhằm tìm ra các giải pháp hoàn thiện pháp luật và nâng cao hiệu quả trong thành lập, hoạt động của các Công ty cổ phần tại Việt Nam.

3.2. Nhiệm vụ nghiên cứu

Nhằm thực hiện các mục đích nêu trên, luận văn có nhiệm vụ nghiên cứu cụ thể như sau:

Góp phần làm sáng tỏ những vấn đề lý luận liên quan đến thành lập, hoạt động của mô hình Công ty cổ phần và pháp luật về thành lập, hoạt động của Công ty cổ phần.

Phân tích, đánh giá thực trạng pháp luật về thành lập, hoạt động của mô hình Công ty cổ phần ở Việt Nam hiện nay để chỉ ra những kết quả đạt được cũng như những tồn tại, hạn chế và lý giải nguyên nhân của chúng.

Phân tích, đánh giá thực tiễn áp dụng pháp luật về thành lập, hoạt động của Công ty cổ phần tại Tổng công ty Thủy sản Việt Nam – CTCP (Seaprodex).

Góp phần hoàn thiện pháp luật về thành lập, hoạt động của mô hình Công ty cổ phần ở Việt Nam thông qua việc đề xuất một số phương hướng cũng như giải pháp.

Có giá trị áp dụng thực tiễn trong thành lập, hoạt động của mô hình Công ty cổ phần ở Việt Nam.

Có giá trị tham khảo cho công tác nghiên cứu và giảng dạy về thành lập, hoạt

động của mô hình Công ty cổ phần ở Việt Nam.

4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

4.1. Đối tượng nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu của đề tài là những vấn đề lý luận và thực tiễn liên quan đến thành lập, hoạt động của mô hình Công ty cổ phần tại Việt Nam qua các giai đoạn. Cụ thể, đề tài sẽ nghiên cứu tập trung những quy phạm pháp luật liên quan đến việc thành lập, hoạt động của Công ty cổ phần được quy định trong Luật Doanh nghiệp 2020 và các văn bản pháp luật có liên quan.

4.2. Phạm vi nghiên cứu

Đề tài tập trung đi vào nghiên cứu tổng quan các vấn đề lý luận cũng như pháp luật về thành lập, hoạt động của mô hình Công ty cổ phần; nghiên cứu một số kinh nghiệm thành lập, hoạt động của mô hình Công ty cổ phần trên thế giới – từ đó rút ra bài học kinh nghiệm cho Việt Nam; đánh giá thực trạng pháp luật về thành lập, hoạt động của mô hình Công ty cổ phần tại Việt Nam; đề xuất các giải pháp nhằm hoàn thiện pháp luật về thành lập, hoạt động của mô hình Công ty cổ phần tại Việt Nam; góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động của Công ty cổ phần tại Việt Nam.

Về không gian: Đề tài tập trung nghiên cứu về lý luận và thực tiễn thành lập, hoạt động của mô hình Công ty cổ phần ở Việt Nam.

Về thời gian: Đề tài chủ yếu tập trung đi vào nghiên cứu những vấn đề pháp lý liên quan đến thành lập, hoạt động của mô hình Công ty cổ phần tại Việt Nam theo Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước CHXH chủ nghĩa Việt Nam khóa XIV, kỳ họp thứ 9 thông qua ngày 17/6/2020 (có hiệu lực từ 01/01/2021). Quá trình nghiên cứu có đề cập đến pháp luật về thành lập, hoạt động của mô hình Công ty cổ phần trước khi Luật Doanh nghiệp 2020 có hiệu lực để phục vụ cho công tác so sánh, đánh giá và nhằm mang lại cái nhìn về bức tranh toàn cảnh.

5. Phương pháp nghiên cứu

5.1. Phương pháp luận

Luận văn được thực hiện dựa trên cơ sở quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, các quan điểm, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về phát triển mô hình công ty cổ phần để phân tích, lý giải các vấn đề.

5.2. Phương pháp nghiên cứu

- Phương pháp nghiên cứu tài liệu: tác giả sử dụng phương pháp này để nghiên cứu các văn bản pháp luật có liên quan đến kiện toàn hệ thống pháp luật về công ty cổ phần; các đề tài khoa học, chương trình, dự án, các bài báo đăng trên các tạp chí khoa học chuyên ngành.

- Phương pháp phân tích, tổng hợp: tác giả sử dụng phương pháp này để nêu lên cơ sở lý thuyết về vai trò phát triển mô hình công ty cổ phần thông qua kết quả áp dụng vào thực tiễn. Từ đó, đánh giá, khái quát thành những quan điểm, luận điểm làm nền tảng lý luận cho luận văn.

- Phương pháp thống kê: tác giả sử dụng phương pháp này chủ yếu ở chương 2 của luận văn, các số liệu thu thập, điều tra được tổng hợp, phân tích làm cơ sở đánh giá thực trạng qua đó đánh giá về thành tựu, hạn chế để đưa ra những giải pháp giải quyết vấn đề một cách cụ thể.

6. Kết cấu của đề tài

Ngoài phần mở đầu, kết luận, danh mục tài liệu tham khảo, danh mục các từ viết tắt, nội dung của đề tài được kết cấu thành 03 chương:

Chương 1: Những vấn đề lý luận chung về thành lập và hoạt động của công ty cổ phần.

Chương 2: Thực trạng pháp luật về thành lập và hoạt động của công ty cổ phần.

Chương 3: Giải pháp nhằm hoàn thiện pháp luật về thành lập và hoạt động của công ty cổ phần.

CHƯƠNG 1: NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CHUNG VỀ THÀNH LẬP VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN

1.1. Khái quát về Công ty cổ phần

1.1.1. Khái niệm Công ty cổ phần

Có rất nhiều định nghĩa về doanh nghiệp và mỗi định nghĩa đều mang một nội dung nhất định, bởi lẽ mỗi tác giả đứng trên nhiều quan điểm khác nhau khi tiếp cận doanh nghiệp để đưa ra những khái niệm khác nhau, song tựu chung lại thì đa phần các khái niệm đều hiểu: *Doanh nghiệp là một cộng đồng người sản xuất ra những của cải. Nó sinh ra, phát triển, có những thất bại, có những thành công, có lúc vượt qua những thời kỳ nguy kịch, đôi khi tiêu vong do gặp phải những khó khăn khăn không vượt qua được*². Dưới góc độ ngôn ngữ học: “Doanh nghiệp” được hiểu là “*một đơn vị kinh doanh được thành lập để thực hiện hoạt động kinh doanh nhằm mục đích sinh lời. Doanh nghiệp là một tổ chức kinh tế có tên riêng, có trụ sở giao dịch ổn định, được đăng ký kinh doanh theo qui định của pháp luật nhằm thực hiện ổn định các hoạt động kinh doanh*”³.

Dưới góc độ của pháp lý, doanh nghiệp được tạo nên bởi một sự kiện pháp lý (*thành lập doanh nghiệp*). Theo quy định thì doanh nghiệp được hình thành bằng thủ tục được pháp luật quy định và tham gia vào các mối quan hệ xã hội được luật pháp điều chỉnh. Việc hình thành và phát triển phải thỏa mãn những yêu cầu mà pháp luật quy định và dưới một hình thức mà doanh nghiệp lựa chọn. Năm 1991, thuật ngữ “*doanh nghiệp nhà nước*” được chính thức sử dụng trong Nghị định số 388-HĐBT năm 1991⁴. Năm 1995, Luật Doanh nghiệp nhà nước 1995 đã đưa ra định nghĩa “*Doanh nghiệp nhà nước là tổ chức kinh tế do nhà nước đầu tư vốn, thành lập và tổ chức quản lý, hoạt động kinh doanh hoặc hoạt động công ích nhằm*

²Trích từ sách ‘ Kinh tế doanh nghiệp của D.Larua.A Caillat – Nhà xuất bản Khoa học xã hội (1992)

³Viện Ngôn Ngữ (2007), *Từ điển Tiếng Việt*, Nxb Từ điển bách khoa, Hà Nội.

⁴Nghị định số 388/HĐBT ngày 20/11/1991 ban hành quy chế thành lập và giải thể doanh nghiệp nhà nước. Doanh nghiệp được định nghĩa “*Doanh nghiệp Nhà nước là tổ chức kinh doanh do Nhà nước thành lập, đầu tư vốn và quản lý với tư cách chủ sở hữu. Doanh nghiệp Nhà nước là một pháp nhân kinh tế; hoạt động theo pháp luật và bình đẳng trước pháp luật*”

thực hiện các mục tiêu kinh tế xã hội do nhà nước giao”⁵. Đến Luật Doanh nghiệp nhà nước 2003 đã đưa ra một định nghĩa rõ ràng hơn khi xem “doanh nghiệp nhà nước là tổ chức kinh tế do nhà nước sở hữu toàn bộ vốn điều lệ hoặc có cổ phần, phần góp vốn chi phối được tổ chức dưới hình thức công ty nhà nước, công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn.” Luật doanh nghiệp 2005, mới có cách hiểu thống nhất về doanh nghiệp “Doanh nghiệp là tổ chức kinh tế có tên riêng, có tài sản, có trụ sở giao dịch ổn định, được thành lập và hoạt động của công ty cổ phần theo quy định của pháp luật nhằm mục đích thực hiện các hoạt động kinh doanh”⁶. Định nghĩa này cho thấy chỉ những chủ thể kinh doanh thoả mãn những điều kiện trên mới có tư cách doanh nghiệp, nhưng lại chưa bao hàm hết các đặc điểm của doanh nghiệp bởi doanh nghiệp có thể là tổ chức kinh tế hoặc xã hội, do vậy nhằm có thể đưa ra một định nghĩa mang tính chất bao quát nên tại Luật Doanh nghiệp 2014 đã định nghĩa “Doanh nghiệp là tổ chức có tên riêng, có tài sản, có trụ sở giao dịch, được đăng ký thành lập theo quy định của pháp luật nhằm mục đích kinh doanh”⁷ đã khái quát được nội hàm về định nghĩa doanh nghiệp. Trải qua từng giai đoạn thì các khái niệm về *doanh nghiệp* được quy định rất khác nhau song phải khẳng định rằng doanh nghiệp có vai trò rất quan trọng trong quá trình phát triển của đất nước và nền kinh tế thế giới. Việc định hình, định nghĩa về doanh nghiệp rất quan trọng bởi đây là nền tảng của những quy định pháp lý của Cơ quan Nhà nước trong hoạt động quản lý đối với nền kinh tế nói chung và doanh nghiệp nói riêng.

Hiện nay, có nhiều khái niệm về công ty cổ phần để phát triển nền kinh tế trên thực tế. Tuy nhiên, trong các khái niệm chưa có một khái niệm mang tính pháp lý để thể hiện về công ty cổ phần trên thực tế. Có thể kể đến một số khái niệm về công ty cổ phần như sau:

Theo Từ điển Tiếng Việt: “Công ty cổ phần là công ty do các cổ đông góp cổ phần thông qua hình thức mua cổ phiếu”⁸.

Cũng có khái niệm cho rằng: “Công ty cổ phần là hình thức phát triển của sở

⁵Luật doanh nghiệp 1995

⁶Luật doanh nghiệp 2005

⁷Luật doanh nghiệp 2014

⁸Từ điển Tiếng Việt, Trung tâm Từ điển học, GS Hoàng Phê (chủ biên)

hữu hỗn hợp, từ hình thức vốn của một chủ sang hình thức vốn của nhiều chủ diễn ra trên phạm vi công ty. Nó là sản phẩm tất yếu của quá trình xã hội hoá về mặt kinh tế xã hội (mặt sở hữu) và cũng là sản phẩm tất yếu của quá trình tích tụ và tập trung hoá sản xuất của nền sản xuất lớn hiện đại”⁹

Ở Việt Nam, trước năm 1986, do thực hiện cơ chế quản lý quan liêu bao cấp nên hình thức công ty cổ phần cũng như các loại hình công ty thương mại khác không tồn tại. Chỉ từ khi nghị quyết đại hội Đảng VI được thông qua (1986) trong đó nhấn mạnh đường lối đổi mới nền kinh tế nước ta sang nền kinh tế thị trường đã thực sự là chìa khóa mở cửa cho các loại hình doanh nghiệp phát triển. Đối với công ty cổ phần, hiện nay ở Việt Nam đang tồn tại ba loại hình được điều chỉnh bởi Luật Doanh Nghiệp Việt Nam năm 2005, đó là doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài hoạt động theo hình thức công ty cổ phần (bao gồm các công ty cổ phần của nước ngoài vào Việt Nam hoạt động và các công ty của nước ngoài hoạt động ở Việt Nam được chuyển đổi thành công ty cổ phần), công ty cổ phần mới thành lập (gồm cả công ty của Nhà nước và các công ty của tổ chức, cá nhân ngoài Nhà nước) và công ty cổ phần do cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước. Tất cả các loại hình công ty cổ phần trên mới chỉ thực sự bắt đầu ở Việt Nam từ những năm đầu thập niên 90 của thế kỷ trước hoặc mới có gần đây xong đã có những đóng góp không nhỏ cho nền kinh tế Việt Nam. Thực tế, Luật Doanh nghiệp 2005 đã có sự tiến bộ đặc biệt khi đưa ra định nghĩa cụ thể về công ty cổ phần trong Luật Doanh nghiệp năm 1999 (Điều 51) và được nhắc lại trong Luật Doanh nghiệp năm 2005 (Điều 77) như sau:

“ 1. Công ty cổ phần là doanh nghiệp, trong đó:

- a) Vốn điều lệ được chia thành nhiều phần bằng nhau gọi là cổ phần;*
- b) Có thể là tổ chức, cá nhân; số lượng cổ đông tối thiểu là ba và không hạn chế số lượng tối đa;*
- c) Cổ đông chỉ chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của doanh nghiệp trong phạm vi số vốn đã góp vào doanh nghiệp;*
- d) Cổ đông có quyền tự do chuyển nhượng cổ phần của mình cho người*

⁹ Từ điển Luật học (2015) Nhà xuất bản tư pháp

khác, trừ cổ phần ưu đãi biểu quyết thì không được chuyển nhượng và cổ phần của cổ đông sáng lập chỉ được chuyển nhượng hạn chế (theo khoản 3 điều 81 và khoản 5 điều 84);

2. Công ty cổ phần có tư cách pháp nhân kể từ ngày được cấp giấy chứng nhận thành lập và hoạt động của công ty cổ phần;

3. Công ty cổ phần có quyền phát hành chứng khoán các loại ra công chúng để huy động vốn.”¹⁰.

Đến luật doanh nghiệp 2014 quy định về công ty cổ phần như sau: “Công ty cổ phần (CTCP) là doanh nghiệp, trong đó: Vốn điều lệ được chia thành nhiều phần bằng nhau gọi là cổ phần; Cổ đông có thể là tổ chức, cá nhân; số lượng cổ đông tối thiểu là 03 và không hạn chế số lượng tối đa; Cổ đông chỉ chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của doanh nghiệp trong phạm vi số vốn đã góp vào doanh nghiệp; Cổ đông có quyền tự do chuyển nhượng cổ phần của mình cho người khác, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 119 và khoản 1 Điều 126 của Luật doanh nghiệp. CTCP có tư cách pháp nhân kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp. CTCP có quyền phát hành cổ phần các loại để huy động vốn”¹¹. Trong xu thế phát triển thì quy định về công ty cổ phần tại Luật doanh nghiệp 2020 quy định như sau: “Công ty cổ phần là doanh nghiệp, trong đó: Vốn điều lệ được chia thành nhiều phần bằng nhau gọi là cổ phần; Cổ đông có thể là tổ chức, cá nhân; số lượng cổ đông tối thiểu là 03 và không hạn chế số lượng tối đa; Cổ đông chỉ chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của doanh nghiệp trong phạm vi số vốn đã góp vào doanh nghiệp; Cổ đông có quyền tự do chuyển nhượng cổ phần của mình cho người khác, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 120 và khoản 1 Điều 127 của Luật này. Công ty cổ phần có tư cách pháp nhân kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp. Công ty cổ phần có quyền phát hành cổ phần, trái phiếu và các loại chứng khoán khác của công ty”¹². Trên cơ sở đó có thể rút ra kết luận: *Công ty cổ phần là loại hình doanh*

¹⁰Xem điều 77 Luật doanh nghiệp 2005

¹¹Xem điều 110 Luật doanh nghiệp 2014

¹²Xem điều 111 Luật doanh nghiệp 2020

nghiệp mà vốn điều lệ được chia thành nhiều phần bằng nhau là cổ phần và được phát hành ra ngoài thị trường nhằm huy động vốn tham gia đầu tư từ mọi thành phần kinh tế. Người sở hữu cổ phần được gọi là các cổ đông.

Công ty cổ phần là loại hình đặc trưng của công ty đối vốn, nghĩa là khi thành lập và trong suốt quá trình hoạt động các thành viên công ty hoàn toàn không quan tâm đến thân nhân người góp vốn mà chỉ quan tâm đến phần vốn góp của họ bởi vì đối với loại hình công ty này tư cách thành viên công ty và các quyền của cổ đông trong việc quyết định các vấn đề liên quan đến cơ cấu tổ chức và hoạt động của công ty được quyết định trước hết bởi số lượng các cổ phiếu của công ty mà người đó nắm giữ. Công ty cổ phần có tư cách pháp nhân độc lập, mang tính chất tổ chức cao, có cấu trúc vốn phức tạp. Công ty cổ phần được quyền phát hành chứng khoán ra công chúng. Với tính chất này, công ty cổ phần là hình thức tổ chức đặc biệt năng động có thể sử dụng để huy động vốn thông qua các giao dịch trên thị trường chứng khoán.

1.1.2. Đặc điểm Công ty cổ phần

Từ khái niệm pháp lý nêu trên thì công ty cổ phần phải có các đặc điểm sau đây:

Thứ nhất, xuất phát từ số lượng thành viên của công ty có thể hiểu rằng công ty cổ phần là loại hình công ty đối vốn nên truyền thống pháp luật quy định số thành viên tối thiểu phải có khi thành lập công ty. Công ty đối vốn là những công ty chỉ quan tâm đến phần vốn góp mà không cần quan tâm đến thân nhân người góp vốn. Do việc thành lập chỉ quan tâm đến vốn góp nên thành viên công ty thường rất đông, những người không hiểu biết về kinh doanh cũng có thể tham gia vào công ty đối vốn. Theo quy định của pháp luật doanh nghiệp hiện hành thì số lượng cổ đông trong CTCP tối thiểu là 3 cổ đông và không giới hạn số lượng tối đa (có thể là cá nhân hoặc tổ chức là cổ đông).

Thứ hai, vốn điều lệ được chia thành các phần bằng nhau gọi là cổ phần, giá trị cổ phần gọi là mệnh giá cổ phần. Mua cổ phần là hình thức chính để góp vốn vào công ty cổ phần. Cổ phần mang bản chất là quyền tài sản, nó là phần chia nhỏ nhất

của vốn điều lệ của công ty. Cổ phần là đơn vị biểu hiện quyền sở hữu tài sản trong công ty, là căn cứ để xác lập tư cách thành viên của công ty. Mệnh giá cổ phần do công ty quyết định và ghi vào cổ phiếu. Theo quy định của Luật Chứng khoán thì mệnh giá cổ phiếu chào bán lần đầu tiên là mười nghìn đồng Việt Nam. Vì vậy trước khi CTCP chào bán cổ phiếu ra công chúng thì phải quy mệnh giá cổ phần về mười nghìn đồng. Do đó có thể khẳng định việc chia vốn của công ty thành các cổ phần là vấn đề căn bản nhất của hình thức CTCP.

Thứ ba, cổ đông là người nắm giữ cổ phần và chỉ chịu trách nhiệm về các khoản nợ công ty trong phạm vi số vốn đã góp. Việc góp vốn vào CTCP có thể được thực hiện bằng cách mua cổ phần, mỗi cổ đông có thể mua nhiều cổ phần. Tuy nhiên pháp luật có thể giới hạn số lượng tối đa cổ phần mà một cổ đông có thể mua nhằm chống lại việc nắm quyền kiểm soát của công ty dựa vào phần vốn góp. Cổ đông có quyền chuyển nhượng phần vốn góp của mình cho cổ đông hoặc các nhân, tổ chức khác một cách tự do.

Thứ tư, chuyển nhượng phần vốn góp. Việc tự do chuyển nhượng phần vốn góp là bản chất của công ty đối vốn. Phần vốn góp của cổ đông được thể hiện bằng cổ phiếu. Cổ phiếu là một loại hàng hóa dân sự nên người sở hữu cổ phiếu sẽ được tự do chuyển nhượng theo cách thông thường như mua bán, tặng cho, thừa kế hoặc thông qua giao dịch trên thị trường chứng khoán.

Thứ năm, trách nhiệm tài sản. CTCP chịu trách nhiệm bằng chính toàn bộ tài sản của mình đối với các khoản nợ và nghĩa vụ của công ty. Vì khi thực hiện việc góp vốn thì các cổ đông tiến hành chuyển nhượng tài sản thuộc sở hữu của mình sang tên công ty. Các cổ đông chỉ chịu trách nhiệm tài sản hữu hạn về các nghĩa vụ tài sản của công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào công ty.

Thứ sáu, về tư cách pháp nhân. Vì CTCP thỏa mãn các dấu hiệu của pháp nhân nên mô hình công ty này có tư cách pháp nhân từ ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp. Do đó thì CTCP cũng có tư cách thương nhân. Với tính chất đại chúng nên việc tách bạch tư cách giữa CTCP và thành viên công ty là rất quan trọng.

Thứ bảy, về vấn đề huy động vốn. Trong quá trình hoạt động thì CTCP có quyền phát hành cổ phần các loại, phát hành trái phiếu, trái phiếu chuyển đổi và các loại trái phiếu khác để huy động vốn. Việc phát hành được thực hiện theo Điều lệ công ty và theo quy định của pháp luật. Công ty cổ phần có thể phát hành chứng khoán theo quy định pháp luật;

1.1.3. Cơ cấu tổ chức và quản lý Công ty cổ phần

So với các loại hình công ty phổ biến hiện nay ở Việt Nam và trên thế giới, công ty cổ phần (CTCP) luôn “có số lượng thành viên rất đông. Có CTCP có tới hàng vạn cổ đông ở hầu khắp các nước trên thế giới, vì vậy có khả năng huy động vốn rộng rãi nhất trong công chúng để đầu tư vào nhiều lĩnh vực khác nhau”¹³. Hơn nữa, CTCP là loại hình công ty “có khả năng mở rộng quy mô vốn thông qua thị trường chứng khoán”¹⁴. Theo dòng chảy thời gian, các vấn đề pháp lý liên quan đến công ty cổ phần trong thực tế đã được kiện toàn từng bước.

Trước sức ép của việc gia nhập WTO, Luật Doanh nghiệp 2005 (hay còn được gọi là Luật Doanh nghiệp thống nhất) đã hoàn thiện hơn, rõ ràng hơn và bảo vệ mạnh mẽ hơn quyền và lợi ích của cổ đông, đặc biệt là các cổ đông thiểu số, xác định rõ hơn các nghĩa vụ của người quản lý, nhất là đối với thành viên HĐQT và Giám đốc/Tổng giám đốc, đặc biệt là nghĩa vụ trung thành, trung thực và cẩn trọng, quy định rõ điều kiện, và tiêu chuẩn của các chức danh quản lý trong công ty, tăng thêm quy định về công khai và minh bạch hoá, nhất là đối với những người quản lý, nâng cao, tăng cường và quy định cụ thể hơn vai trò, vị trí và trách nhiệm của Ban kiểm soát... Điều 95 Luật doanh nghiệp 2005 quy định mô hình quản trị CTCP như sau: “Công ty cổ phần có Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và Giám đốc hoặc Tổng giám đốc; đối với công ty cổ phần có trên mười một cổ đông là cá nhân hoặc có cổ đông là tổ chức sở hữu trên 50% tổng số cổ phần của công ty phải có Ban kiểm soát.” Như vậy, theo Luật doanh nghiệp 2005, cơ cấu tổ chức quản lý CTCP được thiết kế theo một trong hai mô hình sau: Mô hình 1: Mô hình phải có

¹³Báo điện tử Vneconomy.vn, *Ban kiểm soát bị vô hiệu hóa như thế nào?*, nguồn truy cập: <http://vneconomy.vn/doanh-nhan/ban-kiem-soat-bi-vo-hieu-hoa-nhu-the-nao-20100330111055423.htm>, truy cập ngày: 06/4/2019.

¹⁴Friedrich Fubler, Jurgen Simon (1992), *Mấy vấn đề pháp luật kinh tế Cộng hòa Liên bang Đức*, Nhà xuất bản Pháp lý.

Ban Kiểm soát (áp dụng đối với những CTCP có trên 11 cổ đông hoặc có cổ đông là tổ chức sở hữu trên 50% tổng số cổ phần công ty). Mô hình 2: Mô hình không bắt buộc phải có Ban Kiểm soát.

- ĐHĐCĐ (trên 11 cổ đông hoặc có cổ đông là tổ chức sở hữu trên 50% tổng số cổ phần)
 - Ban Kiểm soát
- Hội đồng quản trị
 - Giám đốc/ Tổng giám đốc

Sơ đồ 1. 1. Mô hình CTCP phải có Ban Kiểm soát

- ĐHĐCĐ (có dưới 11 cổ đông hoặc không có cổ đông là tổ chức sở hữu trên 50% tổng số cổ phần)
 - Hội đồng quản trị
 - Giám đốc/ Tổng giám đốc

Sơ đồ 1. 2. Mô hình CTCP không có Ban Kiểm soát

Đối với mô hình 1 (mô hình bắt buộc phải có Ban Kiểm soát), việc tổ chức quản lý công ty có sự phân công, phân nhiệm và chế ngự lẫn nhau giữa các cơ quan

quản lý, điều hành và kiểm soát. Về mặt lý thuyết, đây là mô hình truyền thống và điển hình của các CTCP. Đây là bộ máy tổ chức quản lý phù hợp và hiệu quả trong trường hợp CTCP mang tính “đại chúng”, tức là có sự tham gia đông đảo của các cổ đông khác nhau. Trong những trường hợp khác, bộ máy này sẽ trở nên chồng chéo, khiên cưỡng. Có lẽ xuất phát từ cách nhìn nhận đó mà Luật doanh nghiệp 2005 quy định đối với những CTCP có trên 11 cổ đông là cá nhân phải có Ban kiểm soát. Tuy nhiên, cũng theo Luật doanh nghiệp 2005 thì cả trong trường hợp CTCP có cổ đông là tổ chức sở hữu trên 50% tổng số cổ phần của công ty thì cũng bắt buộc phải có BKS.

Luật doanh nghiệp 2014 thiết kế hai mô hình cơ cấu tổ chức của CTCP để các cổ đông khi thành lập công ty này có quyền lựa chọn: (i) Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ), HĐQT, Ban kiểm soát, Giám đốc/Tổng giám đốc; và (ii) ĐHĐCĐ, HĐQT (bao gồm các thành viên độc lập và Ban kiểm toán nội bộ); Giám đốc/Tổng giám đốc. Như vậy, có thể nhận thấy, sự khác biệt căn bản giữa hai mô hình tổ chức thể hiện qua việc có hay không sự tham gia của Ban kiểm soát hay Ban kiểm toán nội bộ và thành viên độc lập. Thứ nhất, mô hình tổ chức của CTCP có sự tham gia của Ban kiểm soát: Theo quy định tại điểm a, khoản 1, Điều 134 Luật Doanh nghiệp năm 2014, mô hình này bao gồm các thiết chế: ĐHĐCĐ, HĐQT, Ban kiểm soát và Giám đốc/Tổng giám đốc. Trường hợp CTCP có dưới 11 cổ đông và các cổ đông là tổ chức sở hữu dưới 50% tổng số cổ phần của công ty thì không bắt buộc phải có Ban kiểm soát. Thực chất, mô hình này cũng chính là mô hình tổ chức của CTCP được quy định tại Điều 95 Luật Doanh nghiệp năm 2005 trước đây. Thứ hai, mô hình tổ chức của CTCP có sự tham gia của Ban kiểm toán nội bộ và thành viên độc lập. So với Luật Doanh nghiệp năm 2005, “mô hình quản trị công ty này mới được Luật Doanh nghiệp năm 2014 quy định”. Cụ thể, theo quy định tại điểm b, khoản 1, Điều 134 của Luật Doanh nghiệp năm 2014, CTCP có mô hình tổ chức bao gồm: ĐHĐCĐ, HĐQT, Giám đốc/Tổng giám đốc. Trong đó, HĐQT phải có hai loại thành viên khác nhau đó là thành viên chịu trách nhiệm điều hành mọi hoạt động của công ty (thành viên điều hành); và thành viên độc lập. Ngoài ra, trong mô hình này, còn có sự tham gia của Ban kiểm toán nội bộ và đây là cơ quan trực thuộc của

HĐQT. So với mô hình cơ cấu tổ chức truyền thống của CTCP bên trên thì đối với mô hình tổ chức mới này, các vấn đề cơ bản như vị trí, vai trò, nhiệm vụ, quyền hạn và các quy định khác của các cơ quan ĐHĐCĐ, HĐQT, Giám đốc/Tổng giám đốc là tương tự như nhau. Tuy vậy, sự khác biệt chỉ thể hiện khi trong cơ cấu tổ chức của HĐQT còn có thêm sự tham gia của Ban kiểm toán nội bộ và thành viên độc lập.

Theo quy định tại Điều 137 Luật Doanh nghiệp 2020, trừ trường hợp pháp luật về chứng khoán có quy định khác, công ty cổ phần có quyền lựa chọn tổ chức quản lý và hoạt động theo một trong hai mô hình sau đây:

- Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Giám đốc hoặc Tổng giám đốc. Trường hợp công ty cổ phần có dưới 11 cổ đông và các cổ đông là tổ chức sở hữu dưới 50% tổng số cổ phần của công ty thì không bắt buộc phải có Ban kiểm soát;

- Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và Giám đốc hoặc Tổng giám đốc. Trường hợp này ít nhất 20% số thành viên Hội đồng quản trị phải là thành viên độc lập và có Ủy ban kiểm toán trực thuộc Hội đồng quản trị. Cơ cấu tổ chức, chức năng, nhiệm vụ của Ủy ban kiểm toán quy định tại Điều lệ công ty hoặc quy chế hoạt động của Ủy ban kiểm toán do Hội đồng quản trị ban hành.

1.1.4. Vai trò của Công ty cổ phần trong nền kinh tế

Công ty cổ phần trong sự phát triển của nền kinh tế Việt Nam đã khẳng định vai trò to lớn của Đảng và Nhà nước trong vạch ra đường lối, chiến lược nói chung. Các thành phần kinh tế nói chung thông qua công cuộc đổi mới đã khẳng định vai trò, vị trí của mình trong nền kinh tế nhiều thành phần dưới sự quản lý của Nhà nước. Công ty cổ phần là loại hình kinh tế có thể nói là tương đối phổ biến và được phát triển ở nhiều nước trên thế giới. Sự ra đời và phát triển của loại hình thành phần kinh tế này có thể khẳng định được vị trí, vai trò quan trọng trong nền kinh tế nước ta, điều này thể hiện ở một số phương diện như sau:

Một là, công ty cổ phần đã và đang tự chuyển mình để trở thành một thành phần kinh tế của xã hội phát triển - xã hội, góp phần quan trọng vào sự phát triển

kinh tế-xã hội của mỗi nước. Ở Việt Nam, công ty cổ phần cũng có vai trò và ý nghĩa to lớn, bởi vì nước ta bước vào nền kinh tế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa, việc ra đời và phát triển công ty cổ phần chính là đáp ứng với đặc điểm của đất nước ta trong giai đoạn hiện nay. Công ty cổ phần có đóng góp quan trọng trong nhiều ngành nghề, đặc biệt là tại các thành thị, do đó nó có khả năng đóng góp vào quá trình phát triển kinh tế - xã hội của đất nước. Công ty cổ phần có một tiềm năng to lớn về trí tuệ, sáng kiến, được phân bố rộng rãi ở mọi nơi, mọi lúc. Thông qua hoạt động tự chủ về kinh doanh thì bản thân công ty cổ phần có thể phát huy được sáng kiến của mình vào việc sản xuất và tìm tòi ra những hình thức kinh doanh thích hợp với nền kinh tế phát triển hiện nay.

Hai là, công ty cổ phần có tiềm năng về kinh nghiệm quản lý, tổ chức sản xuất, những bí quyết sản xuất truyền thống được tích lũy từ nhiều thế hệ. Điều này cho phép phát huy những ngành nghề truyền thống để tạo ra những sản phẩm phục vụ cho nhu cầu xã hội và xuất khẩu. Nó có ý nghĩa quan trọng trong điều kiện đất nước còn thiếu vốn như hiện nay. Trong khi nguồn vốn của Nhà nước, của tập thể còn hạn hẹp thì nguồn vốn tiềm năng trong dân lại rất lớn. Do đó, nếu có các chính sách kinh tế hợp lý sẽ mở đường cho các công ty cổ phần có khả năng bỏ vốn vào sản xuất, tiết kiệm trong tiêu dùng để tích lũy, mở rộng tái sản xuất góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế nhanh chóng. Đây là mô hình kinh tế có vị trí quan trọng trong quá trình chuyển dịch cơ cấu nền kinh tế vĩ mô, nhằm huy động mọi nguồn lực tiến hành sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước.

Ba là, cùng với việc quan tâm phát triển thành phần công ty cổ phần đã tạo điều kiện đã thu hút một lực lượng lao động đáng kể, góp phần giải quyết vấn đề việc làm cho xã hội. Thông qua việc phát triển hộ gia đình thì tạo khả năng thu hút lao động dư thừa tạo khả năng tận dụng lao động dôi thừa trong xã hội.

Bốn là, phát triển công ty cổ phần tạo sự đa dạng trong loại hình sản xuất kinh doanh của khu vực kinh tế này cho phép tạo ra nhiều chủng loại sản phẩm, dịch vụ ở mọi nơi, mọi lúc, đáp ứng nhu cầu của xã hội, đóng vai trò vệ tinh cho các doanh nghiệp trong nền kinh tế. Trên thực tế, có những ngành nghề nếu tổ chức sản xuất tập thể hoặc do Nhà nước đảm nhiệm với quy mô lớn sẽ không có hiệu quả

hoặc hiệu quả thấp hơn so với việc tổ chức sản xuất nhỏ ở các hộ gia đình. Tăng cường sự năng động của thành phần kinh tế tư nhân mang tính tự chủ theo thị trường. Từ đó, trở thành một thành phần kinh tế trọng điểm đem lại hiệu quả kinh tế và xã hội cho đất nước ta trong giai đoạn hội nhập và phát triển.

1.2. Nội dung cơ bản của pháp luật về thành lập và hoạt động của công ty cổ phần

1.2.1. Các quy định của pháp luật về thành lập Công ty cổ phần

1.2.1.1. Quy định về điều kiện thành lập Công ty cổ phần

Điều kiện thành lập là những quy định nhằm cho ra đời tư cách pháp lý của CTCP. Tùy vào điều kiện kinh tế xã hội của mình mà pháp luật mỗi nước đặt ra các điều kiện có thể khác nhau. Một trong những điều kiện tiên quyết để thành lập một doanh nghiệp nói chung, một CTCP nói riêng là điều kiện về vốn. Sở dĩ điều kiện này được đặt ra nhằm hạn chế tình trạng các công ty khai không vốn để tham gia thị trường, tạo ra vô số “công ty ma”, không có vốn. Ngoài điều kiện về vốn, CTCP phải có Điều lệ phù hợp với quy định của pháp luật và các điều kiện khác mà pháp luật từng nước quy định. Nhìn chung, pháp luật các nước quy định về điều kiện thành lập các CTCP là tương đối đơn giản và nhanh chóng, tạo điều kiện cho chủ đầu tư sớm gia nhập thị trường kinh doanh. Như vậy, các quy phạm về điều kiện thành lập và hoạt động của công ty cổ phần đối với CTCP có vai trò quan trọng trong pháp luật về CTCP. Đây là cơ sở pháp lý để CTCP có thể ra đời và hoạt động.

Mỗi loại hình doanh nghiệp đều có những điều kiện thành lập riêng nhất định nhưng tựu chung để thành lập doanh nghiệp cá nhân, tổ chức phải thỏa mãn 6 yêu cầu dưới đây:

Thứ nhất, điều kiện về chủ thể thành lập doanh nghiệp: Trước tiên, cá nhân, tổ chức muốn mở công ty phải thuộc đối tượng được quyền thành lập doanh nghiệp. Theo đó, tất cả tổ chức, cá nhân đều có quyền thành lập và quản lý doanh nghiệp tại Việt Nam trừ các trường hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 17 Luật Doanh nghiệp năm 2020.

Thứ hai, điều kiện về ngành, nghề đăng ký kinh doanh: Một trong những điều kiện để doanh nghiệp được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là ngành, nghề đăng ký kinh doanh không bị cấm đầu tư kinh doanh (điểm a khoản 1 Điều 27 Luật Doanh nghiệp).

Thứ ba, điều kiện về tên doanh nghiệp dự kiến thành lập: Tên của doanh nghiệp dự kiến thành lập phải thỏa mãn các quy định từ Điều 37 - Điều 41 Luật Doanh nghiệp.

Thứ tư, điều kiện về trụ sở chính của doanh nghiệp: Theo Điều 42 Luật Doanh nghiệp, trụ sở chính của doanh nghiệp là địa điểm liên lạc của doanh nghiệp.

Thứ năm, điều kiện về hồ sơ đăng ký doanh nghiệp hợp lệ: Hồ sơ đăng ký doanh nghiệp hợp lệ theo khoản 20 Điều 4 Luật Doanh nghiệp là hồ sơ có đầy đủ giấy tờ theo quy định của Luật này, có nội dung được kê khai đầy đủ theo quy định của pháp luật. Người thành lập doanh nghiệp chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của các nội dung kê khai trong hồ sơ đăng ký. Cơ quan đăng ký kinh doanh chỉ chịu trách nhiệm về tính hợp lệ của hồ sơ. Tùy thuộc vào loại hình doanh nghiệp mà tổ chức, cá nhân dự kiến thành lập, thành phần hồ sơ đăng ký kinh doanh sẽ khác nhau.

Thứ sáu, điều kiện về nộp đủ lệ phí đăng ký doanh nghiệp: Người thành lập doanh nghiệp phải nộp lệ phí đăng ký doanh nghiệp tại thời điểm nộp hồ sơ đăng ký doanh nghiệp (trừ một số trường hợp được miễn lệ phí đăng ký doanh nghiệp).

Ngoài ra, riêng đối với Công ty cổ phần, luật pháp chỉ quy định Công ty cổ phần khi thành lập phải có tối thiểu 03 cổ đông sáng lập nhưng không giới hạn số lượng cổ đông tối đa. Trên thực tế, cổ đông chỉ cần cung cấp chứng minh thư nhân dân hoặc hộ chiếu công chứng để thực hiện thủ tục thành lập công ty cổ phần.

1.2.1.2. Quy định về vốn của Công ty cổ phần

Cũng như những chủ thể kinh doanh khác, để thực hiện hoạt động kinh doanh, CTCP phải có vốn. Vốn của CTCP không chỉ liên quan đến bản chất kinh tế, khả năng tài chính mà còn là yếu tố xác định vị thế, năng lực cạnh tranh của CTCP trên thị trường, liên quan đến các vấn đề pháp lý như quyền sở hữu, chuyển nhượng,

thể chấp. Chính vì vậy, pháp luật về CTCP quy định cụ thể về vấn đề này. Các quy phạm pháp lý về vốn trong pháp luật về CTCP của Việt Nam cũng như các quốc gia khác trên thế giới chủ yếu bao gồm cơ chế góp vốn, chuyển nhượng và mua lại cổ phần, các trường hợp thay đổi vốn. Công ty cổ phần là loại hình doanh nghiệp mà vốn điều lệ của nó được chia thành các phần bằng nhau gọi là cổ phần. Từ đó ta hiểu vốn điều lệ của công ty cổ phần là tổng giá trị mệnh giá cổ phần đã bán các loại. Vốn điều lệ của công ty cổ phần tại thời điểm đăng ký thành lập doanh nghiệp là tổng giá trị mệnh giá cổ phần các loại đã được đăng ký mua và được ghi trong Điều lệ công ty. Theo đó, vốn điều lệ của công ty cổ phần tại thời điểm đăng ký sẽ là vốn điều lệ của công ty khi các cổ đông góp đủ vốn trong thời hạn góp vốn.

Cá nhân, tổ chức có quyền thành lập công ty cổ phần khi đáp ứng các điều kiện mà pháp luật quy định. Theo quy định của pháp luật doanh nghiệp hiện hành, cá nhân, tổ chức tự do quyết định mức vốn điều lệ cụ thể khi đăng ký thành lập công ty. Cá nhân, tổ chức có thể xác định vốn điều lệ của công ty dựa trên các căn cứ sau: (i) Khả năng tài chính của mình; (ii) Phạm vi, quy mô hoạt động của công ty; (iii) Chi phí hoạt động thực tế của công ty sau khi thành lập (vì vốn điều lệ của công ty để sử dụng cho các hoạt động của công ty sau khi thành lập); (iv) Dự án ký kết với đối tác...

Việc xác định vốn điều lệ còn phụ thuộc vào ngành nghề kinh doanh mà công ty dự định hoạt động. Đối với một số ngành nghề kinh doanh có điều kiện về vốn pháp định và ký quỹ thì vốn điều lệ của công ty phải đáp ứng điều kiện của pháp luật. Cụ thể:

* Đối với ngành nghề kinh doanh yêu cầu vốn pháp định: Trước tiên ta phải hiểu vốn pháp định là gì? Vốn pháp định là số vốn tối thiểu để công ty được thành lập theo quy định của nhà nước. Chỉ một số ngành nghề cụ thể nhà nước quy định vốn pháp định mới phải áp dụng. Khi công ty đăng ký hoạt động ngành nghề kinh doanh yêu cầu vốn pháp định thì vốn điều lệ của công ty không được thấp hơn mức vốn pháp định đối với ngành nghề kinh doanh đó. Nhà nước không quy định mức vốn tối đa.

* Đối với ngành nghề kinh doanh yêu cầu ký quỹ: Vốn ký quỹ khi đăng ký thành lập công ty là số vốn trong vốn bắt buộc tuy nhiên doanh nghiệp của bạn phải có một khoản tiền ký quỹ thực tế trong ngân hàng, nhằm đảm bảo sự hoạt động của công ty. Theo đó, khi đăng ký kinh doanh những ngành nghề yêu cầu ký quỹ thì công ty phải có tài liệu chứng minh đã ký quỹ số tiền mà pháp luật quy định. Nhà nước quy định mức ký quỹ cụ thể đối với từng ngành nghề tại các văn bản pháp luật.

Vốn điều lệ của công ty có thể được thay đổi trong quá trình hoạt động kinh doanh. Khi thay đổi vốn điều lệ, công ty phải thực hiện thủ tục đăng ký thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp với cơ quan có thẩm quyền.

1.2.1.3. Quy định về cổ đông trong Công ty cổ phần

Trong hoạt động tổ chức của doanh nghiệp nói chung và công ty cổ phần nói riêng thì các quy định về thành viên trong công ty là nền tảng cơ bản cho quá trình áp dụng trong thực tế. Tại công ty cổ phần thì các quy định về cổ đông chính là hình thành nền tảng pháp lý cơ bản cho quá trình hoạt động của doanh nghiệp. Theo luật doanh nghiệp 2005 khoản 11 điều 4 quy định: Cổ đông là người sở hữu ít nhất một cổ phần đã phát hành của công ty cổ phần. Tiếp đó, khoản 2 Điều 4 Luật Doanh nghiệp năm 2014 quy định như sau: “2. Cổ đông là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần của công ty cổ phần. Cổ đông sáng lập là cổ đông sở hữu ít nhất một cổ phần phổ thông và ký tên trong danh sách cổ đông sáng lập công ty cổ phần.”. Luật doanh nghiệp 2020 quy định Điều 115 Luật Doanh nghiệp năm 2020 có quy định về quyền của cổ đông phổ thông, theo đó Luật Doanh nghiệp 2020 kế thừa hoàn toàn tinh thần của Luật Doanh nghiệp năm 2014 về quy định quyền chung của cổ đông phổ thông.

1.2.1.4. Trình tự, thủ tục thành lập Công ty cổ phần

Có thể thấy, bên cạnh các biện pháp cải cách thủ tục hành chính trong thành lập doanh nghiệp, các quy định pháp lý của Luật Doanh nghiệp năm 2020 và Luật Đầu tư năm 2014, sửa đổi bổ sung đã góp phần đáng kể trong việc cải thiện môi trường đầu tư và phát huy quyền tự do kinh doanh của doanh nghiệp. Hiện nay, thủ

tục xét duyệt cho các đối tượng được hưởng ưu đãi tương đối đầy đủ và quy định rõ ràng về trình tự, thủ tục thành lập công ty cổ phần. Từ đó, giảm bớt thủ tục phức tạp, rườm rà giúp cho các doanh nghiệp hào hứng tham gia. Rất nhiều doanh nghiệp đã cho ý kiến về các thủ tục hành chính gọn nhẹ, không gây phiền toái và không mất thời gian của doanh nghiệp. Thời gian thực hiện các trình tự thủ tục đầu tư đã rút ngắn là một trong những bước tiến lớn đối với việc triển khai nhanh các dự án cũng như mở rộng quy mô của nó cho phù hợp với sự chuyển biến năng động và liên tục của thị trường và của doanh nghiệp.

Theo đó, trình tự thủ tục thành lập Công ty cổ phần cụ thể như sau:

Bước thứ nhất, để thành lập Công ty cổ phần cần chuẩn bị hồ sơ thành lập bao gồm:

- Giấy đề nghị đăng ký doanh nghiệp theo mẫu quy định tại Phụ lục I-4 Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT;

- Điều lệ công ty (có họ, tên và chữ ký của Cổ đông sáng lập là cá nhân và người đại diện theo pháp luật hoặc người đại diện theo ủy quyền của cổ đông sáng lập là tổ chức);

- Danh sách cổ đông sáng lập và cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài. Danh sách người đại diện theo ủy quyền đối với cổ đông nước ngoài là tổ chức.

- + Danh sách cổ đông sáng lập công ty cổ phần lập theo mẫu quy định tại Phụ lục I-7 Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT.

- + Danh sách cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài theo mẫu quy định tại Phụ lục I-8 Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT.

- + Danh sách người đại diện theo ủy quyền (của cổ đông là tổ chức nước ngoài) theo mẫu quy định tại Phụ lục I-10 Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT.

- Bản sao hợp lệ các giấy tờ sau đây:

- + Một trong các giấy tờ chứng thực cá nhân quy định tại Điều 10 Nghị định số 78/2015/NĐ-CP đối với trường hợp người thành lập doanh nghiệp là cá nhân;

+ Quyết định thành lập hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy tờ tương đương khác, một trong các giấy tờ chứng thực cá nhân quy định tại Điều 10 Nghị định số 78/2015/NĐ-CP của người đại diện theo ủy quyền và văn bản ủy quyền tương ứng đối với trường hợp người thành lập doanh nghiệp là tổ chức;

+ Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với trường hợp doanh nghiệp được thành lập hoặc tham gia thành lập bởi nhà đầu tư nước ngoài hoặc tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài theo quy định tại Luật Đầu tư và các văn bản hướng dẫn thi hành.

Bước thứ hai, sau khi chuẩn bị đầy đủ hồ sơ, người thành lập doanh nghiệp hoặc người được ủy quyền thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp nộp hồ sơ đăng ký doanh nghiệp trực tiếp tại Phòng Đăng ký kinh doanh nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính hoặc Người đại diện theo pháp luật nộp hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử theo quy trình trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp. Theo quy định tại Khoản 2 Điều 27 Luật doanh nghiệp thì thời hạn cơ quan đăng ký kinh doanh có trách nhiệm xem xét tính hợp lệ của hồ sơ đăng ký doanh nghiệp và cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ. Lệ phí: 200.000 đồng/lần (Thông tư số 176/2012/TT-BTC)

Bước thứ ba, Sau khi xem xét hồ sơ thì Phòng Đăng ký kinh doanh kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ và giải quyết hồ sơ của doanh nghiệp:

- Thông báo về việc sửa đổi, bổ sung hồ sơ đăng ký doanh nghiệp (nếu hồ sơ chưa hợp lệ)

- Cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (nếu hồ sơ hợp lệ)

Bước thứ tư, sau khi được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, công ty cổ phần phải thực hiện các hoạt động sau:

- Báo cáo thành lập công ty cổ phần: Đăng trên cổng thông tin điện tử quốc gia về doanh nghiệp

- Khắc con dấu công ty và đăng tải mẫu dấu lên Cổng thông tin quốc gia; Thông báo sử dụng con dấu. Nội dung của con dấu phải thể hiện tên của doanh

nghiệp, mã số doanh nghiệp. Công ty tự quyết định về mẫu con dấu (hình thức, kích cỡ, nội dung, màu mực); về số lượng; về quản lý và sử dụng con dấu.

- Lập biên hiệu, mở tài khoản ngân hàng, mua chữ ký số, kê khai thuế điện tử và khai tờ nộp lệ phí môn bài, in hóa đơn.

1.2.2. Các quy định của pháp luật về hoạt động của Công ty cổ phần

1.2.2.1. Quy định về cơ cấu tổ chức, bộ máy của Công ty cổ phần

Quản lý công ty đã trở thành một vấn đề đặc biệt quan trọng và được quan tâm không chỉ ở các nước phát triển mà còn ở các nền kinh tế đang phát triển, nhất là sau cuộc khủng hoảng tài chính Châu Á ở thập niên cuối của thế kỷ XX và đặc biệt là sự phá sản của nhiều tập đoàn tài chính, nhiều công ty đa quốc gia ở Mỹ và châu Âu do tác động của cuộc khủng hoảng tài chính. Các công ty trên thế giới đều có bộ máy quản trị, điều hành nội bộ để thực hiện những mục tiêu đã đặt ra. Cơ cấu tổ chức quản lý của một công ty luôn phải tuân theo những qui tắc nhất định theo pháp luật. Tuy pháp luật của mỗi quốc gia quy định về cơ cấu tổ chức quản lý nội bộ của CTCP có những điểm khác nhau nhất định tùy thuộc vào điều kiện kinh tế, xã hội của quốc gia đó nhưng nhìn một cách tổng quan cơ cấu tổ chức quản lý nội bộ của các CTCP trên thế giới có hai mô hình cơ bản: cấu trúc hội đồng kép hay còn gọi là hội đồng hai tầng và mô hình hội đồng đơn hay còn gọi là hội đồng một tầng. Với vai trò quan trọng trong việc đảm bảo vận hành của công ty cũng như bảo vệ quyền lợi của cổ đông và các chủ thể có liên quan nên những quy phạm về cơ cấu tổ chức quản lý nội bộ của CTCP luôn chiếm tỷ lệ lớn nhất trong hệ thống các quy phạm pháp luật về CTCP. Nói đến cấu trúc hội đồng đơn hay kép là nói đến cấu trúc của bộ máy quản lý – điều hành của công ty, chứ không phải của toàn bộ cấu trúc quản trị công ty.

Cấu trúc hội đồng một tầng hay hội đồng đơn có trong luật công ty của hầu hết các nước thuộc hệ thống thông luật (common law) như Mỹ, Anh, Australia, New Zealand, Canada v.v.; một số nước thuộc dòng họ luật thành văn (civil law). Theo luật công ty Anh–Mỹ, cấu trúc quản trị nội bộ của một CTCP gồm có: đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) và hội đồng giám đốc (HĐGD). Bộ phận quản trị – điều hành

của CTCP chỉ do một cơ quan đảm nhiệm là HĐQT – cấu trúc hội đồng đơn. ĐHĐCĐ sẽ bầu chọn các thành viên của HĐQT, được gọi là các directors. Mọi quyền lực và các vấn đề của công ty được pháp luật đặt vào tay của HĐQT, trừ những vấn đề mà pháp luật hoặc điều lệ công ty qui định phải thuộc về ĐHĐCĐ. Luật công ty của các nước thuộc dòng họ Anglo-American thường có một qui định rất quan trọng rằng: công việc kinh doanh của công ty được quản lý bởi, hay dưới sự chỉ đạo của hội đồng giám đốc (hay các giám đốc). HĐQT bổ nhiệm các thành viên của mình hoặc người khác đảm nhiệm các công việc điều hành hoạt động kinh doanh hàng ngày của công ty. Người đứng đầu của bộ phận điều hành là tổng giám đốc (TGD). Quyền lực của TGD sẽ do HĐQT quyết định trên cơ sở ủy nhiệm, vì thế, không phải các TGD đều có quyền lực như nhau. Mô hình quản trị CTCP theo cấu trúc hội đồng đơn kiểu Anh-Mỹ không có một cơ quan chuyên trách làm nhiệm vụ giám sát những người quản lý – điều hành công ty mà do các thành viên độc lập không điều hành của HĐQT sẽ đảm nhiệm chức năng xem xét, đánh giá một cách độc lập về các quyết sách quản trị của HĐQT và giám sát hoạt động của bộ phận điều hành.

Cấu trúc hội đồng kép hay hội đồng hai tầng có nguồn gốc từ nước Đức, xứ sở của dòng họ luật German civil law. Nếu mô hình quản trị công ty Anh-Mỹ tập trung vào bảo vệ nhà đầu tư, chủ yếu là cổ đông; thì cấu trúc quản trị của người Đức và châu Âu, và cả Nhật Bản thường hướng vào việc bảo vệ cả người lao động và chủ nợ. Ở Đức, người lao động có thể được tham gia trực tiếp vào công việc quản trị CTCP; và người làm thuê ở Nhật cũng luôn được quan tâm trong thực tiễn quản trị với chế độ lao động suốt đời và có nhiều nhà quản trị là những người lao động lâu năm trong công ty. Cấu trúc hội đồng kép theo luật công ty Đức có hai đặc điểm quan trọng nhất: (i) cấu trúc quản trị- điều hành có hai hội đồng theo thứ bậc, và (ii) có thể có sự tham gia nhất định của đại diện người lao động vào hội đồng phía trên. Cấu trúc quản trị nội bộ của CTCP theo luật Đức gồm có: đại hội đồng cổ đông, hội đồng giám sát (HĐGS) và hội đồng quản trị (BQT). Theo luật Đức, việc quản lý-điều hành CTCP được phân chia cho hai cơ quan là: HĐGS và BQT, như một thiết chế hai tầng, mà ở đó, HĐGS nằm ở tầng trên nên được gọi là cấu trúc hội

đồng kép hay hội đồng hai tầng. Về nguyên tắc, ĐHĐCĐ sẽ bầu chọn thành viên của HĐGS. Song, người lao động cũng có quyền lựa chọn thành viên của HĐGS theo đạo luật về sự tham gia của người lao động vào quản trị công ty năm 1952 và 1976. Về thẩm quyền của HĐGS là chọn, bổ nhiệm, cách chức các thành viên của BQT; tham gia trực tiếp vào việc đưa ra các quyết định quan trọng trong việc quản trị công ty và giám sát các hoạt động của BQT. BQT thực hiện chức năng điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của công ty. Các thành viên của BQT cùng nhau chịu trách nhiệm về việc điều hành, phát triển chiến lược kinh doanh của công ty trong mối liên hệ thường xuyên và báo cáo thường xuyên với HĐGS.

Theo pháp luật Việt Nam thì cấu trúc quản trị nội bộ của CTCP ở Việt Nam không phải là cấu trúc hội đồng một tầng theo mô hình luật công ty Anh – Mỹ, cũng không phải cấu trúc hai tầng như mô hình của luật Đức, mà là cấu trúc mang tính pha trộn giữa hai mô hình nói trên. HĐQT của CTCP theo pháp luật Việt Nam không giống với HĐGD trong luật công ty Anh – Mỹ, cũng không phải là HĐGS hay BQT theo mô hình luật công ty của Đức. HĐQT theo luật Việt Nam là cơ quan quản lý công ty do ĐHĐCĐ bầu chọn, và chỉ bao gồm các thành viên do cổ đông bầu chọn mà thôi. Khác với ở Đức, người lao động trong các CTCP ở Việt Nam không có quyền lựa chọn và cử đại diện của mình tham gia HĐQT cũng như BKS. HĐQT của CTCP ở Việt Nam có quyền hạn hẹp hơn HĐGD trong cấu trúc hội đồng đơn ở nhiều nước common law nhưng lại rộng hơn so với BQT của cấu trúc hai tầng như mô hình của luật Đức. Đó là HĐQT có thẩm quyền bổ nhiệm, miễn nhiệm TGD, cùng những chức danh quản lý quan trọng khác trong công ty và giám sát bộ máy điều hành, nhưng nó không có chức năng giám sát rộng như HĐGS theo luật Đức. BKS là cơ quan do ĐHĐCĐ bầu và có chức năng hẹp hơn cấu trúc hai tầng như mô hình của luật Đức, đó là chỉ có chức năng giám sát công tác quản lý, điều hành của bộ máy quản trị. Thành viên của HĐGS theo luật Đức không thể đồng thời có mặt trong BQT, trong khi thành viên của HĐQT trong CTCP của Việt Nam thì có thể nắm giữ các chức vụ điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của công ty

1.2.2.2. Quy định về hoạt động của tổ chức, bộ máy trong Công ty cổ phần

Công ty cổ phần là một mô hình kinh doanh điển hình nhất về loại công ty

đổi vốn, ở đó các cổ đông góp vốn bằng cách mua cổ phần để trở thành đồng chủ sở hữu của công ty. Là loại hình đặc trưng của công ty đổi vốn, cấu trúc vốn của công ty cổ phần cũng rất linh hoạt, có thể đáp ứng được nhu cầu đa dạng của các nhà đầu tư. Công ty cổ phần là hình thức tổ chức kinh doanh có khả năng huy động một số lượng vốn lớn ngấm chảy trong các tầng lớp dân cư, khả năng tích tụ và tập trung vốn với quy mô khổng lồ, có thể coi là lớn nhất trong các loại hình doanh nghiệp hiện nay.

Có thể nói, cùng với quá trình đổi mới kinh tế đất nước là sự không ngừng đòi hỏi và phát triển các loại hình doanh nghiệp, nhất là công ty cổ phần. Sự phát triển như vũ bão các loại hình doanh nghiệp đó đã kéo theo những tranh chấp trong và xung quanh doanh nghiệp. Với việc ban hành Luật Doanh nghiệp hiện hành thì hệ thống cơ cấu tổ chức, quản lý của công ty cổ phần đã hình thành cơ bản các yếu tố đòn bẩy khuyến khích những người trong nội bộ doanh nghiệp; hạn chế những hành vi lợi dụng quyền hạn và chức vụ để thu lợi cho cá nhân tổn hại tới lợi ích chung; tạo điều kiện để những người trong nội bộ bao gồm cả chủ sở hữu thực hiện đầy đủ nhiệm vụ và quyền hạn của mình góp phần tiết kiệm chi phí, thực hiện được chỉ tiêu lợi nhuận và nâng cao hiệu quả hoạt động của công ty. Tuy nhiên, thực tế thì hành cho thấy, trong thời gian qua đã xảy ra nhiều vụ tranh chấp nội bộ của công ty cổ phần, cũng như hoạt động của các cơ quan trong CTCP bị đình trệ do những bất cập của các quy định điều chỉnh về tổ chức quản lý CTCP. Để CTCP giữ vững vai trò là trung tâm trong tiến trình phát triển kinh tế thị trường, để đảm bảo tư cách, quyền lợi cổ đông - một thành tố đóng vai trò nòng cốt trong CTCP là một trong những giải pháp góp phần thực hiện chủ trương xây dựng nền kinh tế theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

Theo quy định của Luật Doanh nghiệp năm 2020 thì công ty cổ phần có quyền

lựa chọn tổ chức quản lý và hoạt động theo một trong hai mô hình sau đây: Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Giám đốc hoặc Tổng giám đốc. Trường hợp công ty cổ phần có dưới 11 cổ đông và các cổ đông là tổ chức sở hữu dưới 50% tổng số cổ phần của công ty thì không bắt buộc phải có

Ban kiểm soát; Trường hợp này ít nhất 20% số thành viên Hội đồng quản trị phải là thành viên độc lập và có Ủy ban kiểm toán trực thuộc Hội đồng quản trị. Cơ cấu tổ chức, chức năng, nhiệm vụ của Ủy ban kiểm toán quy định tại Điều lệ công ty hoặc quy chế hoạt động của Ủy ban kiểm toán do Hội đồng quản trị ban hành. Trường hợp chỉ có một người đại diện theo pháp luật, thì Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc Giám đốc hoặc Tổng giám đốc là người đại diện theo pháp luật của công ty; trường hợp Điều lệ không có quy định khác thì Chủ tịch Hội đồng quản trị là người đại diện theo pháp luật của công ty. Trường hợp có hơn một người đại diện theo pháp luật, thì Chủ tịch Hội đồng quản trị và Giám đốc hoặc Tổng giám đốc đương nhiên là người đại diện theo pháp luật của công ty.

* Đại hội đồng cổ đông là cơ quan quyết định cao nhất của công ty cổ phần. Bao gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết. Đại hội đồng cổ đông họp thường niên mỗi năm một lần. Ngoài cuộc họp thường niên, Đại hội đồng cổ đông có thể họp bất thường. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp và phải ở trên lãnh thổ Việt Nam. Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn 04 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác, Hội đồng quản trị quyết định gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá 06 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

Đại hội đồng cổ đông có các quyền và nghĩa vụ sau:

- Thông qua định hướng phát triển của công ty;
- Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hằng năm của từng loại cổ phần;
- Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên;
- Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty, trừ trường hợp Điều lệ công ty quy định một tỷ lệ hoặc một giá trị khác;
- Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty;

- Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;
- Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;
- Xem xét, xử lý vi phạm của thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên gây thiệt hại cho công ty và cổ đông công ty;
- Quyết định tổ chức lại, giải thể công ty;
- Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
- Phê duyệt quy chế quản trị nội bộ; quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
- Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán độc lập; quyết định công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm tra hoạt động của công ty, bãi miễn kiểm toán viên độc lập khi xét thấy cần thiết;
- Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

* Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý công ty, có toàn quyền nhân danh công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông. Hội đồng quản trị họp ít nhất mỗi quý một lần và có thể họp bất thường. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ ba phần tư tổng số thành viên trở lên dự họp. Trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định tỷ lệ khác cao hơn, nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản hoặc hình thức khác do Điều lệ công ty quy định; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Hội đồng quản trị có từ 03 đến 11 thành viên. Điều lệ công ty quy định cụ thể số lượng thành viên Hội đồng quản trị. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên độc lập Hội đồng quản trị của một công ty không quá 02 nhiệm kỳ liên tục. Điều lệ công ty quy định cụ thể số lượng,

quyền, nghĩa vụ, cách thức tổ chức và phối hợp hoạt động của các thành viên độc lập Hội đồng quản trị.

Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây:

- Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hàng năm của công ty;
- Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;
- Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;
- Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của công ty;
- Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 133 của Luật này;
- Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;
- Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;
- Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty, trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định tỷ lệ hoặc giá trị khác và hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 của Luật này;
- Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Giám đốc hoặc Tổng giám đốc và người quản lý quan trọng khác do Điều lệ công ty quy định; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;

- Giám sát, chỉ đạo Giám đốc hoặc Tổng giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của công ty;

- Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của công ty, quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;

- Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết;

- Trình báo cáo tài chính hằng năm lên Đại hội đồng cổ đông;

- Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;

- Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể công ty; yêu cầu phá sản công ty;

- Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị đó. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây: Có đề nghị của Ban kiểm soát hoặc thành viên độc lập Hội đồng quản trị; Có đề nghị của Giám đốc hoặc Tổng giám đốc hoặc ít nhất 05 người quản lý khác; Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên Hội đồng quản trị; Trường hợp khác do Điều lệ công ty quy định. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây:

- Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;

- Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;

- Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;

- Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;

- Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;
- Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

* Giám đốc hoặc Tổng giám đốc do Hội đồng quản trị bổ nhiệm một thành viên Hội đồng quản trị hoặc thuê người khác làm. Giám đốc hoặc Tổng giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ được giao. Nhiệm kỳ của Giám đốc hoặc Tổng giám đốc không quá 05 năm và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

Giám đốc hoặc Tổng giám đốc có quyền và nghĩa vụ sau đây:

- Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hằng ngày của công ty mà không thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;
- Tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
- Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của công ty;
- Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của công ty;
- Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý trong công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;
- Quyết định tiền lương và lợi ích khác đối với người lao động trong công ty, kể cả người quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Giám đốc hoặc Tổng giám đốc;
- Tuyển dụng lao động;
- Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;
- Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

* Ban kiểm soát thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc trong việc quản lý và điều hành công ty; Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động

kinh doanh; tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính; Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hằng năm và 06 tháng của công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị và trình báo cáo thẩm định tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên; Rà soát hợp đồng, giao dịch với người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông và đưa ra khuyến nghị về hợp đồng, giao dịch cần có phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông;...Ban kiểm soát có từ 03 đến 05 Kiểm soát viên. Nhiệm kỳ của Kiểm soát viên không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Trưởng Ban kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các Kiểm soát viên; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số. Quyền và nghĩa vụ của Trưởng Ban kiểm soát do Điều lệ công ty quy định. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số Kiểm soát viên thường trú tại Việt Nam.

Như vậy, Cơ quan tối cao của các CTCP là ĐHĐCĐ. Các cổ đông sẽ tiến hành bầu ra HĐQT, đây là cơ quan quyền lực của CTCP. HĐQT sẽ tiếp tục bầu ra với Chủ tịch HĐQT, các Phó Chủ tịch; thuê, bổ nhiệm Giám đốc (Tổng giám đốc) và/hoặc Giám đốc điều hành. Quan hệ giữa HĐQT và Ban giám đốc là quan hệ quản trị công ty. Quan hệ giữa Ban giám đốc và cấp dưới, người lao động nói chung là quan hệ quản lý. Ban kiểm soát là cơ quan chịu trách nhiệm thường xuyên giám sát mọi hoạt động của HĐQT và các chức danh lãnh đạo khác của CTCP.

1.2.2.3. Quy định về chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, giải thể, chấm dứt hoạt động của Công ty cổ phần

Trong suốt quá trình tổ chức hoạt động, CTCP có thể thực hiện các biện pháp tổ chức lại công ty như chia, tách, hợp nhất, sáp nhập và chuyển đổi hình thức công ty. Những quy định về tổ chức lại công ty là cơ sở pháp lý tạo điều kiện cho công ty phát triển thuận lợi, hiệu quả và đa dạng. Đồng thời, pháp luật cũng có các quy định về chấm dứt hoạt động đối với CTCP theo các cách: một là các cổ đông tự nguyện chấm dứt hoạt động khi thấy CTCP hoạt động không hiệu quả, không đạt được mục tiêu đề ra hay khi sự tồn tại của CTCP là không cần thiết; hai là trong quá trình hoạt

động CTCP có những hành vi vi phạm pháp luật, bị cơ quan nhà nước có thẩm quyền thu hồi giấy phép kinh doanh và buộc phải chấm dứt hoạt động.

CTCP có thể chia các tài sản, quyền và nghĩa vụ, cổ đông của công ty hiện có (sau đây gọi là công ty bị chia) để thành lập hai hoặc nhiều công ty mới; Sau khi chia thì công ty bị chia chấm dứt tồn tại, hình thành nên hai hay nhiều công ty mới.

Khác với chia thì CTCP có thể tách bằng cách chuyển một phần tài sản, quyền, nghĩa vụ, cổ đông của công ty hiện có (sau đây gọi là công ty bị tách) để thành lập một hoặc một số CTCP mới mà không chấm dứt tồn tại của công ty bị tách.

Hợp nhất CTCP được thực hiện khi hai hoặc một số CTCP (sau đây gọi là công ty bị hợp nhất) có thể hợp nhất thành một công ty mới, đồng thời chấm dứt tồn tại của các công ty bị hợp nhất.

Một hoặc một số CTCP (sau đây gọi là công ty bị sáp nhập) có thể sáp nhập vào một công ty khác (sau đây gọi là công ty nhận sáp nhập) bằng cách chuyển toàn bộ tài sản, quyền, nghĩa vụ và lợi ích hợp pháp sang công ty nhận sáp nhập, đồng thời chấm dứt sự tồn tại của công ty bị sáp nhập mà giữ nguyên sự tồn tại của công ty nhận sáp nhập.

CTCP bị giải thể trong trường hợp sau đây: Kết thúc thời hạn hoạt động đã ghi trong Điều lệ công ty mà không có quyết định gia hạn; Theo nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông đối với công ty cổ phần; Công ty không còn đủ số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của Luật này trong thời hạn 06 tháng liên tục mà không làm thủ tục chuyển đổi loại hình doanh nghiệp; Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, trừ trường hợp Luật Quản lý thuế có quy định khác. CTCP chỉ được giải thể khi bảo đảm thanh toán hết các khoản nợ, nghĩa vụ tài sản khác và không trong quá trình giải quyết tranh chấp tại Tòa án hoặc Trọng tài.

CTCP bị chấm dứt hoạt động trong các trường hợp sau: bị chia, bị hợp nhất, bị sáp nhập, bị giải thể, bị phá sản hoặc chuyển đổi CTCP sang loại hình khác.

1.2.2.4. Các quy định khác có liên quan

Trong quá trình hoạt động, cổ đông và CTCP có thể không tránh khỏi những hành vi vi phạm pháp luật và vi phạm Điều lệ công ty đề ra. Những hành vi vi phạm này có khả năng ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của cổ đông, CTCP cũng như các chủ thể khác có liên quan. Do vậy, trong chế định pháp luật về CTCP, không thể thiếu các quy định pháp luật về xử lý công ty và xử lý cổ đông CTCP khi rơi vào trường hợp này. Tùy tính chất của từng hành vi vi phạm, các chế tài được áp dụng có thể là chế tài dân sự, chế tài hành chính hoặc chế tài hình sự nếu cấu thành tội phạm. Các quy phạm pháp luật này là thực sự cần thiết nhằm xử lý những hành vi trái luật của CTCP người quản lý điều hành CTCP và các cổ đông.

1.3. Các yếu tố ảnh hưởng đến pháp luật về thành lập và hoạt động của công ty cổ phần

1.3.1. Quan điểm, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước

Doanh nghiệp có vai trò quan trọng trong việc phát triển kinh tế - xã hội của mỗi một quốc gia, ngoài ra vì tính chất nhạy cảm của doanh nghiệp nên những vấn đề liên quan đến lĩnh vực này luôn có sự chỉ đạo sát sao, sự quan tâm cụ thể của Đảng và cơ quan Nhà nước có thẩm quyền. Việc đưa ra đường lối chính sách về pháp luật về thành lập và hoạt động của công ty cổ phần là điều cần thiết.

Trong tiến trình thực hiện Nghị quyết Hội nghị Trung ương 7 khóa IX chúng ta đã đạt nhiều kết quả tích cực, góp phần quản lý chặt chẽ về vấn đề quản lý nhà nước về doanh nghiệp nói chung và thành lập và hoạt động của công ty cổ phần nói riêng trong giai đoạn hiện nay.

Thông qua việc thực hiện Nghị quyết số 35/NQ-CP, ngày 16/5/2016 của Chính phủ về hỗ trợ và phát triển doanh nghiệp đến năm 2020, hiệu quả quản lý nhà nước về doanh nghiệp từng bước được tăng cường; chính sách pháp luật về doanh nghiệp ngày càng được hoàn thiện, nhất là trong vấn đề thành lập và hoạt động của công ty cổ phần trong giai đoạn hiện nay. Đó là việc chấp hành kỷ luật, kỷ cương trong quản lý, nâng cao hiệu quả và trách nhiệm về thành lập và hoạt động của công ty cổ phần tránh việc kéo dài thời gian trong quá trình thành lập doanh nghiệp trong giai đoạn hiện nay nhằm đáp ứng với việc góp phần hoàn thiện pháp luật về doanh

nghiệp nói chung. Đồng thời, quan điểm chỉ đạo của Đảng và Nhà nước ta là cần kiện toàn về công tác quản lý hành chính Nhà nước trong lĩnh vực doanh nghiệp, nâng cao vai trò của các cơ quan Nhà nước trong quản lý, giải quyết các vấn đề về doanh nghiệp nói chung đáp ứng với tình hình mới của đất nước. Các cơ quan nhà nước phải nâng cao hiệu lực, hiệu quả thành lập và hoạt động của công ty cổ phần. Cơ chế giải quyết tranh chấp về doanh nghiệp cần đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của các chủ thể. Bên cạnh đó đề cao trách nhiệm, tập trung giải quyết kịp thời, những vướng mắc trong hoạt động thành lập và hoạt động của doanh nghiệp cổ phần là điều cần thiết và quan trọng.

Tại nghị quyết hội nghị trung ương 6 Ban chấp hành trung ương Đảng khóa 11 quan điểm chỉ đạo của Đảng và Nhà nước ta là tiếp tục kế thừa những định hướng, chính sách pháp luật doanh nghiệp đã nêu trong Nghị quyết hội nghị lần thứ 7 Ban chấp hành trung ương Đảng khóa IX cần tiếp tục đổi mới và hoàn thiện chính sách pháp luật về doanh nghiệp như cải cách hành chính trong lĩnh vực doanh nghiệp cần phân định rõ chức năng nhiệm vụ cho các cấp, các ngành, địa phương trong quản lý Nhà nước về doanh nghiệp. Đảm bảo sự quản lý thống nhất không chồng chéo, củng cố kiện toàn hệ thống thanh tra doanh nghiệp, nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ xét xử, cán bộ thành lập và hoạt động của công ty cổ phần nhằm đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ được giao.

Dưới sự chỉ đạo của Đảng và Nhà nước thì việc hoàn thiện cơ chế doanh nghiệp nói chung và thành lập và hoạt động của công ty cổ phần nói riêng ở nước ta là yếu tố quan trọng trong việc hình thành nên các quy định của pháp luật và thực hiện có hiệu quả những quy định này trong thực tế. Một trong những đóng góp lớn nhất mà Nhà nước có thể tạo ra để vận hành tốt hơn chính sách doanh nghiệp trong thời gian tới là cung cấp quyền về doanh nghiệp có đảm bảo, giảm các chi phí liên quan đến những giao dịch có liên quan đến hoạt động của doanh nghiệp.

1.3.2. Trình độ phát triển kinh tế

Doanh nghiệp là một trong những lĩnh vực quan trọng và có nhiều ảnh hưởng đến quá trình phát triển kinh tế - xã hội của mỗi một quốc gia. Xã hội ngày

càng phát triển, nhu cầu sử dụng đất để làm nhà ở, kinh doanh ngày càng tăng thị trường về thành lập doanh nghiệp đáp ứng với yêu cầu trong thực tế trở nên sôi động, hoạt động về thành lập và hoạt động của công ty cổ phần cũng gia tăng. Khi giá trị của công ty cổ phần tăng cao các chủ thể tham gia quan hệ chuyển nhượng, không thực hiện đầy đủ các điều khoản đã thỏa thuận theo hợp đồng nên kéo theo thành lập và hoạt động của công ty cổ phần tăng. Để giải quyết các vấn đề này cần lựa chọn các quy định của pháp luật để làm căn cứ cho việc giải quyết được đảm bảo.

Sự phát triển kinh tế xã hội ảnh hưởng đến các quy định của pháp luật, khi xã hội phát triển nhu cầu điều chỉnh các quan hệ mới phát sinh. Do đó, cần phải có pháp luật để điều chỉnh các quan hệ xã hội đó, các quy định của pháp luật phải phù hợp với thực tiễn phát triển kinh tế - xã hội. Vì vậy, việc ban hành các quy định của pháp luật trong lĩnh vực thành lập và hoạt động của công ty cổ phần cần phải dựa trên sự phát triển của nền kinh tế, xã hội để kịp thời điều chỉnh các tranh chấp xảy ra.

Quá trình đô thị hóa, công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước cũng có nhiều tác động đến sự phát triển kinh tế xã hội của đất nước và quy định của pháp luật, sự phát triển và kế thừa những thành tựu về khoa học công nghệ và áp dụng khoa học công nghệ vào thực tiễn đã nâng cao hiệu quả phát triển kinh tế và tri thức con người trong điều kiện mới, trong tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế của nước ta như hiện nay, đòi hỏi phải có một nền pháp chế phù hợp để thúc đẩy kinh tế trong nước phát triển, phù hợp với pháp luật quốc tế để mở rộng giao lưu, hợp tác trong các lĩnh vực của đời sống kinh tế xã hội. Muốn thúc đẩy sự phát triển của quá trình đô thị hóa, công nghiệp hóa, hiện đại hóa và quá trình hội nhập kinh tế quốc tế trong lĩnh vực thành lập doanh nghiệp cần phải có những quy định pháp luật phù hợp với điều kiện trong nước và quốc tế nhằm kịp thời điều chỉnh đối với thành lập và phát triển doanh nghiệp công ty cổ phần, nâng cao hiệu quả quản lý của Nhà nước và thúc đẩy kinh tế xã hội phát triển.

Mỗi thời kỳ phát triển kinh tế - xã hội đều có sự điều chỉnh của pháp luật, khi kinh tế xã hội phát triển thì pháp luật cũng phải được ban hành, sửa đổi để phù hợp

với sự phát triển của nền kinh tế để thúc đẩy kinh tế phát triển và đảm bảo pháp luật được thực thi trong đời sống xã hội. Vì vậy, sự phát triển kinh tế - xã hội có ảnh hưởng rất lớn đến chính sách pháp luật của Nhà nước. Pháp luật và sự phát triển kinh - tế xã hội có mối quan hệ mật thiết thúc đẩy qua lại lẫn nhau, pháp luật phù hợp sẽ thúc đẩy kinh tế xã hội phát triển và thông qua pháp luật để Nhà nước thống nhất quản lý các lĩnh vực của đời sống.

Ngoài ra, chính sách cải cách hành chính, cải cách tư pháp cũng được Đảng, Nhà nước ta quan tâm và ngày càng có tác động tiêu cực đến hoạt động giao dịch chuyển nhượng và giải quyết tranh chấp doanh nghiệp. Trình độ năng lực của của đội ngũ cán bộ, công chức trong các cơ quan hành chính, cơ quan tư pháp cũng ngày càng được nâng cao nhằm giải quyết có hiệu quả và kịp thời các tranh chấp doanh nghiệp xảy ra trong thực tiễn đời sống xã hội. Trong thời gian tới, để đưa kinh tế xã hội ngày càng phát triển và hội nhập quốc tế, công tác cải cách nền hành chính - tư pháp và nâng cao kinh nghiệm năng lực của đội ngũ cán bộ, công chức cũng như trình độ và nhận thức pháp luật của người dân cần tiếp tục đẩy mạnh. Thực hiện chương trình tổng thể về cải cách hành chính nhà nước theo hướng xây dựng nền hành chính dân chủ, hiện đại, phục vụ nhân dân, hoàn thiện thể chế hành chính dân chủ - pháp quyền. Tiếp tục sửa đổi, bổ sung và hoàn thiện pháp luật về tổ chức, hoạt động của các cơ quan tư pháp cũng như các thủ tục tố tụng để tạo cơ sở pháp lý cần thiết cho hoạt động của các cơ quan này đạt hiệu quả. Tăng cường hơn nữa công tác đào tạo bồi dưỡng nâng cao kiến thức và năng lực cho đội ngũ cán bộ, tuyên truyền, giáo dục pháp luật sâu rộng trong quần chúng nhân dân.

1.3.3. Trình độ, kỹ thuật luật pháp

Thành lập và hoạt động của công ty cổ phần là giải quyết những bất đồng mâu thuẫn giữa các chủ thể tham gia hợp đồng, bảo vệ quyền lợi hợp pháp của các chủ thể và đảm bảo ổn định tình hình chính trị địa phương. Trên cơ sở các quy định của pháp luật về nội dung như Bộ luật dân sự, Luật doanh nghiệp, Luật công chứng và các quy định của pháp luật hình thức như Bộ luật tố tụng dân sự để các cơ quan có thẩm quyền trong quản lý thành lập và hoạt động doanh nghiệp lựa chọn các quy định phù hợp để làm căn cứ áp dụng trong quá trình giải quyết vụ án. Các quy định

của pháp luật là căn cứ là cơ sở pháp lý để giúp các cơ quan có thẩm quyền thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ của mình.

Giao dịch thành lập và hoạt động của công ty cổ phần được pháp luật ghi nhận và cho phép thực hiện theo quy định của Hiến pháp, Luật doanh nghiệp, Luật đầu tư và các văn bản hướng dẫn thi hành. Các quy định đó của pháp luật đã đáp ứng được những mong muốn của người dân, tổ chức về nhu cầu thành lập doanh nghiệp và thực hiện các quyền của công dân về thành lập doanh nghiệp, cũng đảm bảo sự quản lý của Nhà nước bằng pháp luật trong lĩnh vực doanh nghiệp. Pháp luật có vai trò quan trọng và có sự ảnh hưởng lớn đến mọi mặt của đời sống kinh tế xã hội, các quy định của pháp luật là cơ sở pháp lý bắt buộc các bên phải tôn trọng và tuân thủ.

Khi pháp luật được ban hành, quy định một cách chặt chẽ và thống nhất thì sẽ điều chỉnh được các quan hệ trong thành lập doanh nghiệp, các quy định của pháp luật phù hợp với thực tiễn sẽ góp phần giải quyết nhanh chóng và hiệu quả các mối quan hệ liên quan, thúc đẩy kinh tế xã hội phát triển, đảm bảo ổn định tình hình chính trị địa phương cũng như phát huy được vai trò của pháp luật trong đời sống xã hội, đảm bảo mọi công dân sống và làm việc theo hiến pháp và pháp luật. Do đó, để đáp ứng nhu cầu điều chỉnh của pháp luật đối với các quan hệ trong lĩnh vực thành lập doanh nghiệp, Nhà nước đã ban hành các quy định pháp luật phù hợp với thực tiễn tình hình phát triển của đất nước, trên cơ sở kế thừa và phát huy những quy định của pháp luật mang tính nền tảng. Vì vậy, pháp luật về thành lập và hoạt động của công ty cổ phần được ban hành gắn với từng giai đoạn phát triển của kinh tế, chính trị, xã hội và ngày càng được hoàn thiện nhằm đáp ứng nhu cầu điều chỉnh các tranh chấp xảy ra.

1.3.4. Quá trình hội nhập kinh tế quốc tế

Doanh nghiệp là yếu tố quan trọng trong quá trình phát triển của đất nước. Cùng với quá trình phát triển doanh nghiệp nói chung thì bên cạnh các yếu tố trong nước thì các yếu tố ngoài nước tác động rất mạnh mẽ đến việc kiện toàn pháp luật về doanh nghiệp nói chung và đối với yêu cầu thành lập và hoạt động của doanh

ngành cổ phần nói riêng là hết sức cần thiết. Một trong những vấn đề hiện nay mà các cơ quan nhà nước tăng cường quản lý về doanh nghiệp đó chính là việc bắt buộc phải hoàn thiện và xây dựng hành lang pháp lý hoàn thiện. Thông qua hoạt động nghiên cứu, tiếp thu các kinh nghiệm hoặc từ đó xây dựng quy định pháp lý mang tính điều chỉnh, dự báo cao là mục tiêu hướng đến của các các cơ quan nhà nước ta. Bên cạnh đó, quá trình hội nhập kinh tế, quốc tế còn có những tác động không ít của các doanh nghiệp nước ngoài. Từ đó đặt ra yêu cầu về việc kiện toàn pháp luật và các công cụ có liên quan nhằm tăng cường điều chỉnh pháp luật đối với các doanh nghiệp nước ngoài khi vào đầu tư vào Việt Nam trong giai đoạn hiện nay. Ngoài ra, cũng xem xét các trường hợp để xây dựng doanh nghiệp nhằm mục tiêu là xây dựng khung xương sống cho mạnh mẽ đáp ứng với yêu cầu định hướng để doanh nghiệp phát triển trong và ngoài nước. Toàn cầu hóa nền kinh tế thế giới đem lại tính đa dạng của phát triển doanh nghiệp cũng mang tính toàn cầu. Bất kỳ doanh nghiệp nào đều có thể và cần phải nhanh chóng tiến tới sử dụng lực lượng và tăng cường hoạt động quản lý nhà nước nói chung.

1.4. Kinh nghiệm của một số nước trong việc hoàn thiện pháp luật về Công ty cổ phần và bài học rút ra cho Việt Nam

1.4.1. Kinh nghiệm của một số nước

1.4.1.1. Kinh nghiệm của Hoa Kỳ

Một công ty cổ phần là một thực thể pháp lý được thành lập bởi một hoặc nhiều cá nhân theo quy định của pháp luật một bang để thực hiện một hình thức kinh doanh hoặc giao dịch cụ thể. Có 2 loại công ty cổ phần:

Công ty cổ phần kinh doanh;

Công ty cổ phần phi lợi nhuận;

Công ty cổ phần kinh doanh thành lập với mục đích thực hiện giao dịch kinh doanh; tức là kinh doanh để tạo ra lợi nhuận cho doanh nghiệp.

Công ty phi lợi nhuận mục đích là thúc đẩy mục tiêu nào đó nhưng không tạo ra lợi nhuận. Nói chung, loại này bao gồm các tổ chức từ thiện, nhân từ và giáo dục.

Các công ty kinh doanh và công ty phi lợi nhuận là các tập đoàn trong hoặc ngoài nước. Một công ty trong nước là một trong những thành lập theo pháp luật của 1 tiểu bang. Một công ty nước ngoài là công ty đã được thành lập theo luật pháp của một tiểu bang hoặc quốc gia khác và bằng cách đăng ký với một tiểu bang khác ở Hoa Kỳ, có thể được phép kinh doanh trong tiểu bang đó. Như vậy, các doanh nghiệp muốn tiến bước sang Hoa Kỳ thì cần nắm rõ các loại hình doanh nghiệp ở Hoa Kỳ; từ đó lựa chọn loại hình phù hợp cho doanh nghiệp mình để có thể phát triển một cách bền vững tại Hoa Kỳ¹⁵. Hoa Kỳ là một quốc gia cộng hòa lập hiến liên bang, gồm có 50 bang và một đặc khu liên bang. Hệ thống pháp luật của Hoa Kỳ bao gồm hệ thống pháp luật liên bang, hệ thống pháp luật bang. Do đó, khi thực hiện hoạt động kinh doanh của quốc gia này, doanh nghiệp phải tuân thủ một loạt các quy định của địa phương, tiểu bang và của liên bang.

Pháp luật Thành lập và hoạt động của công ty cổ phần Hoa Kỳ cũng có những quy định về điều kiện kinh doanh gắn liền với loại hình doanh nghiệp hoặc một số loại ngành nghề nhất định. Ở Hoa Kỳ có hai hệ thống cấp phép: Giấy phép và sự chấp thuận của Liên bang; Giấy phép và sự chấp thuận của tiểu bang. Hai hệ thống này song song tồn tại và chi phối đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. Đầu tiên bản thân doanh nghiệp đó phải đáp ứng được các yêu cầu để xin phép kinh doanh tại địa phương, tiểu bang – nơi mà doanh nghiệp có trụ sở. Nếu như doanh nghiệp đó kinh doanh lĩnh vực, ngành nghề có sự kiểm soát của liên bang thì doanh nghiệp chỉ được thực hiện hoạt động kinh doanh đó khi được chính quyền liên bang chấp thuận hoặc cấp giấy phép kinh doanh. Bên cạnh đó, mỗi một địa phương, tiểu bang lại có quy định khác nhau về việc cấp giấy phép và cho phép kinh doanh đối với doanh nghiệp, tùy thuộc vào điều kiện kinh tế xã hội và chính sách của các nhà cầm quyền. Có những địa phương đòi hỏi doanh nghiệp phải có giấy phép chung, có những nơi quy định giấy phép theo ngành nghề kinh doanh, có những nơi quy định giấy phép theo loại hình doanh nghiệp.

Bên cạnh giấy phép kinh doanh cấp cho doanh nghiệp, Hoa Kỳ cũng tồn tại

¹⁵<https://diendanphapluat.vn/cac-loai-hinh-doanh-nghiep-o-hoa-ky/>

ơ chế cấp phép cho cá nhân thực hiện hoạt động kinh doanh liên quan đến năng lực, chuyên môn của cá nhân này nhằm bảo đảm lợi ích công cộng. Việc Thành lập và hoạt động của công ty cổ phần tại Hoa Kỳ sẽ được tiến hành thông qua hoạt động của các cơ quan có thẩm quyền, Các cơ quan có thẩm quyền sẽ lập một danh sách, cung cấp những điều kiện nhất định để được có tên trong danh sách này, sau đó các chủ thể có nhu cầu đăng ký tên và địa chỉ, trình độ với các cơ quan quản lý. Ngoài những quy định cụ thể về Thành lập và hoạt động của công ty cổ phần này, ở mỗi bang, tùy từng thời kỳ khác nhau, doanh nghiệp sẽ phải đáp ứng các điều kiện khác mà cơ quan quản lý đưa ra chẳng hạn như: chứng minh vốn pháp định (bang Delaware, bang NewYork), chứng minh khoản nợ của doanh nghiệp (ở Columbia)...

1.4.1.2. Kinh nghiệm của Nhật bản

Ở Nhật Bản, CTCP được coi là trụ cột của nền kinh tế. Luật thương mại Nhật Bản với bề dày lịch sử hàng trăm năm đã công nhận sự tồn tại của loại hình công ty này. Qua nhiều lần sửa đổi, Luật Thương mại đã hoàn thiện để điều chỉnh phù hợp với thực tế phát sinh. Năm 2005, Luật công ty đã được hiện đại hóa về ngôn ngữ, được tách ra khỏi Luật Thương mại trở thành một đạo luật độc lập. Mô hình tổ chức công ty cổ phần được thể hiện rõ:

+ “ *Mô hình tổ chức nội bộ truyền thống trong đó CTCP có thiết lập Đại hội đồng cổ đông, HĐQT và BKS được pháp luật Nhật Bản công nhận. Cổ đông góp vốn vào CTCP, thông qua Đại hội đồng cổ đông quyết định phương hướng kinh doanh và những vấn đề quan trọng của công ty như bầu và bãi miễn thành viên HĐQT. Theo Luật Doanh nghiệp Việt Nam, cổ đông thực hiện quyền biểu quyết và gây ảnh hưởng bằng thực hiện biểu quyết trong đó các vấn đề quyết định tại Đại hội đồng cổ đông được thông qua khi tỉ lệ biểu quyết trên 65% và 75% tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, đặc biệt cổ đông có khả năng thực hiện quyền hữu hiệu hơn thông qua nguyên tắc cộng dồn phiếu khi biểu quyết bầu thành viên HĐQT và KSV (Điều 104 Khoản 3 Điểm c). Theo Luật Công ty Nhật Bản, về nguyên tắc trong CTCP không cần thiết lập HĐQT. Tuy nhiên, Luật Công ty qui định có 3 loại CTCP phải thiết lập HĐQT đó là công ty đại chúng, công ty có thiết*

lập BKS và công ty có thiết lập các ủy ban (Điều 327 Khoản 1). Còn công ty có thiết lập BKS là CTCP buộc phải thiết lập BKS là công ty đại chúng trừ công ty có thiết lập các ủy ban (Điều 328 Khoản 1). Còn đối với những CTCP không cần thiết phải thiết lập BKS thì cũng có thể thỏa thuận thành lập BKS (Điều 326 Khoản 2). Trong CTCP có thiết lập HĐQT thì phải bầu một thành viên làm đại diện HĐQT (Điều 362 Khoản 3). Trong CTCP có thiết lập các ủy ban thì có đại diện điều hành, còn trong CTCP chỉ có một người điều hành thì người này trở thành đại diện điều hành (Luật Công ty Điều 420 Khoản 1). Trong trường hợp công ty có nhiều người điều hành, thì HĐQT sẽ xác định mối quan hệ giữa những người điều hành, xác định công việc và nhiệm vụ của từng người trong thực hiện Nghị quyết của HĐQT (Điều 416 Khoản 1 Mục 1)”¹⁶.

“Ở Nhật Bản, hoạt động giám sát của HĐQT tồn tại bất cập. HĐQT có nghĩa vụ giám sát đại diện HĐQT điều hành hoạt động kinh doanh nhưng không phát huy tác dụng, bởi vì quá nửa các thành viên HĐQT là cấp dưới của đại diện HĐQT nên cho nên HĐQT khó có thể giám sát có hiệu quả hoạt động của đại diện HĐQT. Đối với công ty lớn, có qui mô lớn, số thành viên HĐQT có khi lên tới 30, 40 người, việc quyết định các vấn đề rất khó khăn, bởi vậy, các thành viên HĐQT thường nhóm họp bàn bạc trước sau đó, triệu tập phiên họp HĐQT để quyết định chính thức, do vậy, sự tồn tại của HĐQT trở nên hình thức. Ở Nhật Bản, Luật cấm thành viên HĐQT và người lao động kiêm KSV, trên thực tế, KSV là cấp dưới của người quản lý công ty, KSV thường là người chủ sử dụng lao động cũ nên việc giám sát khách quan rất khó được thực hiện. Ở Nhật Bản, trong một thời gian dài áp dụng mô hình truyền thống, bên cạnh duy trì chế độ giám sát của HĐQT và BKS đối với hoạt động quản lý điều hành, trên thực tế, người lao động và ngân hàng chủ đạo là chủ thể giám sát trong CTCP. Cả người lao động và ngân hàng chủ đạo đều có mối quan hệ lợi ích”¹⁷.

+ “*Ngoài mô hình trên thì mô hình công ty có thiết lập ủy ban ở công ty này*

¹⁶Nguyễn Thị Lan Hương (2009) Một số so sánh về công ty cổ phần theo Luật công ty Nhật Bản và Luật doanh nghiệp Việt Nam

¹⁷Nguyễn Thị Lan Hương (2009) Một số so sánh về công ty cổ phần theo Luật công ty Nhật Bản và Luật doanh nghiệp Việt Nam

được du nhập vào Nhật Bản năm 2002. Khác với CTCP có thiết lập BKS, mô hình CTCP có thiết lập ủy ban bao gồm Đại hội đồng cổ đông, HĐQT, các ủy ban, bên cạnh đó có người điều hành, giám sát viên kế toán. Việc du nhập mô hình công ty có thiết lập ủy ban trong hoàn cảnh HĐQT, BKS trong mô hình truyền thống bị hình thức hóa, không phát huy được vai trò giám sát phát hiện ra những gian lận tài chính trong công ty. Về cơ bản, quyền hạn của Đại hội đồng cổ đông trong CTCP có thiết lập ủy ban giống như trong CTCP có thiết lập BKS. HĐQT bao gồm các thành viên HĐQT, các thành viên này được Đại hội đồng cổ đông bầu ra, các thành viên đều có chức danh điều hành nhưng mỗi người có chức trách khác nhau. Trong công ty có thiết lập ủy ban, có chức danh thành viên HĐQT bên ngoài. Vai trò của thành viên này không chỉ đảm bảo cho hoạt động kinh doanh an toàn mà còn tiếp nhận tư vấn từ bên ngoài và có vai trò trong nâng cao kết quả hoạt động kinh doanh của công ty. Trong HĐQT có các ủy ban bao gồm: Ủy ban bổ nhiệm, Ủy ban quyết định thù lao và Ủy ban giám sát. Ủy ban bổ nhiệm đề xuất việc bổ nhiệm và bãi miễn thành viên HĐQT cho Đại hội đồng cổ đông (Điều 404). Trong Ủy ban này, số thành viên HĐQT bên ngoài chiếm một nửa nên người có quyền lực cao nhất của công ty cho dù có định lạm dụng quyền hạn lựa chọn người có lợi cho họ chẳng nữa, thì cũng không thể độc đoán quyết định. Ủy ban bổ nhiệm có quyền đề nghị còn HĐQT là cơ quan có thẩm quyền bổ nhiệm và bãi nhiệm người điều hành và người đại diện điều hành”¹⁸.

1.4.1.3. Kinh nghiệm của Trung Quốc

“Công ty cổ phần là loại hình công ty mà vốn công ty được phân chia thành nhiều phần bằng nhau gọi là cổ phần, người sở hữu cổ phần gọi là cổ đông, chỉ chịu trách nhiệm về các khoản nợ của công ty trong phạm vi giá trị cổ phần mà họ sở hữu. Về thành viên công ty, Luật Công ty Trung Quốc 2005 có quy định về giới hạn cổ đông sáng lập của công ty cổ phần là từ 2 đến 200 người (Điều 79). Về chế độ trách nhiệm, các cổ đông chịu trách nhiệm về nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của công ty trong phạm vi số vốn mà mình đã góp vào công ty. Trong quá trình hoạt

¹⁸Nguyễn Thị Lan Hương (2009) Một số so sánh về công ty cổ phần theo Luật công ty Nhật Bản và Luật doanh nghiệp Việt Nam

động, công ty cổ phần có quyền phát hành chứng khoán ra công chúng để huy động vốn. Về vốn điều lệ, pháp luật Trung Quốc quy định mức vốn đăng ký tối thiểu để thành lập công ty cổ phần là 5.000.000 Nhân dân tệ và trong đó, cổ đông sáng lập phải nắm giữ ít nhất 35% vốn điều lệ”¹⁹.

“Trong quá trình hoạt động kinh doanh, công ty cổ phần chỉ được thanh toán cổ tức cho các cổ đông khi công ty kinh doanh có lãi và đã hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế cũng như các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật. Về mô hình tổ chức quản lý, Luật Công ty 2005 của Trung Quốc quy định Đại hội cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty cổ phần, có quyền xem xét và quyết định những vấn đề chủ chốt và quan trọng nhất của Công ty. Cơ quan này chỉ hoạt động thông qua các cuộc họp và ra quyết định trên cơ sở biểu quyết của các cổ đông. Điều 101 Luật Công ty Trung Quốc 2005 cũng khuyến nghị Đại hội đồng cổ đông nên tiến hành họp hai tháng một lần trong một số trường hợp ảnh hưởng quan trọng tới hoạt động kinh doanh của Công ty. Như vậy, pháp luật không giới hạn số lần họp đại hội đồng mà để cho các cổ đông tự do định đoạt, đảm bảo quyền tự chủ của doanh nghiệp trong kinh doanh”²⁰.

“Cơ quan quản lý thứ hai trong công ty cổ phần là Hội đồng quản trị. Theo quy định điều 109 Luật công ty Trung Quốc thì thành viên Hội đồng quản trị do Đại hội đồng bầu ra và số lượng thành viên là từ 5 đến 19 người. Hội đồng quản trị có quyền và nhiệm vụ cụ thể theo quy định của pháp luật hoặc điều lệ Công ty. Giám đốc (Tổng giám đốc) là người điều hành hoạt động hàng ngày của công ty và chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị về việc thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao. Trong công ty cổ phần có thể có Ban kiểm soát. Theo quy định tại điều 118 Luật Công ty 2005, “Công ty cổ phần có thể thành lập một ban kiểm soát và ban kiểm soát có ít nhất 3 thành viên”. Ban kiểm soát thực hiện việc kiểm tra các công việc tài chính của Công ty; giám sát các hoạt động của những người có nghĩa vụ quản lý doanh nghiệp”²¹.

¹⁹<http://poi.htu.edu.vn/nghien-cuu/mo-hinh-cong-ty-co-phan-theo-phap-luat-trung-quoc.html>

²⁰<http://poi.htu.edu.vn/nghien-cuu/mo-hinh-cong-ty-co-phan-theo-phap-luat-trung-quoc.html>

²¹<http://poi.htu.edu.vn/nghien-cuu/mo-hinh-cong-ty-co-phan-theo-phap-luat-trung-quoc.html>

Qua những phân tích khái quát trên đây, có thể thấy, pháp luật doanh nghiệp của Trung Quốc và luật Doanh nghiệp Việt Nam có rất nhiều điểm tương đồng khi quy định về công ty cổ phần. Tuy nhiên, bên cạnh đó, có những quy định về mô hình công ty này giữa hai hệ thống pháp luật lại tồn tại sự khác biệt căn bản. Thực tiễn hiện nay, có rất nhiều nhà đầu tư Trung Quốc lựa chọn áp dụng mô hình công ty cổ phần khi đầu tư vào Việt Nam. Do đó, việc tìm hiểu các quy định liên quan đến các loại hình doanh nghiệp theo pháp luật Trung Quốc trong đó có công ty cổ phần là hết sức cần thiết nhằm giúp các nhà đầu tư hiểu rõ hơn về các quy định pháp luật của nhau để hạn chế những rủi ro trong kinh doanh.

1.4.2. Bài học kinh nghiệm rút ra cho Việt Nam

Ở Việt Nam, quy định về thành lập và hoạt động của công ty cổ phần cũng đã có nhiều thay đổi với sự ra đời của Luật doanh nghiệp năm 2020 và Luật Đầu tư năm 2014, sửa đổi bổ sung. Toàn bộ yêu cầu về thành lập và hoạt động của công ty cổ phần được đưa về khâu hậu kiểm thay vì phải đáp ứng ngay từ khi thành lập doanh nghiệp như trước đây. Trên thực tế của việc xem xét các quy trình thành lập và hoạt động của công ty cổ phần của một số nước thì ta có một số kinh nghiệm cho nước ta như sau:

Thứ nhất, cần phải học tập các quốc gia khác trên thế giới thiết lập cổng thông tin điện tử cung cấp toàn bộ các nội dung liên quan đến quy trình thành lập và hoạt động của công ty cổ phần. Với tiến bộ về khoa học kỹ thuật, việc thiết lập quản lý quy trình thành lập và hoạt động của công ty cổ phần qua mạng điện tử là một việc rất cần thiết và thiết nghĩ sẽ mang lại hiệu quả quản lý cao.

Thứ hai, xem xét, học tập và xây dựng cơ chế về thành lập và hoạt động của công ty cổ phần cho cá nhân ở Việt Nam. Vì hiện nay, các cá nhân thực hiện hoạt động kinh doanh ở Việt Nam phải đáp ứng yêu cầu về chứng chỉ hành nghề khi kinh doanh trong các ngành nghề kinh doanh có điều kiện nhưng cơ chế đào tạo và cấp chứng chỉ hành nghề ở Việt Nam hiện nay rất nặng về hình thức và không được quản lý chặt chẽ.

Thứ ba, phải xác định rõ căn cứ thiết lập các quy định có liên quan đến hoạt

động thành lập và hoạt động của công ty cổ phần. Thực tế, các quy định về thành lập và hoạt động của công ty cổ phần chỉ được đặt ra khi thực sự cần thiết để bảo vệ nền kinh tế và an ninh xã hội. Ở các quốc gia đã trình bày ở trên, đặc biệt là ở Mỹ, có rất nhiều các quy định về thành lập và hoạt động của công ty cổ phần nhưng đều đưa ra được căn cứ thật cần thiết để thiết lập điều kiện kinh doanh và quy định cụ thể việc quản lý nó như thế nào. Ở Việt Nam, việc đưa ra căn cứ thiết lập thành lập và hoạt động của công ty cổ phần còn chưa mang tính thống nhất và có sự quản lý sát sao của các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền. Vì vậy, trong thời gian tới, các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cần xem xét quy trình thành lập và hoạt động của công ty cổ phần để xóa bỏ những rào cản, tiếp thu những kinh nghiệm trong hoạt động thành lập và hoạt động của công ty cổ phần nhằm tạo điều kiện cho các chủ thể kinh doanh khi gia nhập thị trường kinh doanh ở nước ta trong giai đoạn mới.

Thành lập và hoạt động doanh nghiệp nói chung và thành lập và hoạt động của công ty cổ phần nói riêng là một chế định pháp lý quan trọng, là cơ sở cần thiết trong việc thiết lập và hoàn chỉnh một hệ thống pháp luật về thành lập và hoạt động của công ty cổ phần ở nước ta hiện nay. Việc xác định đặc điểm, cũng như nội dung có liên quan trong hoạt động quản lý Nhà nước sẽ hỗ trợ một phần lớn trong việc thiết lập các quy phạm pháp luật chặt chẽ nhằm hoàn thiện hơn nữa hệ thống pháp luật về thành lập và hoạt động của công ty cổ phần tại Việt Nam. Đây là nhiệm vụ quan trọng đối với nước ta trong quá trình xây dựng và phát triển đất nước, đảm bảo hài hoà giữa phát triển kinh tế và phát triển các thành phần kinh tế. Đồng thời, còn bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho các chủ thể khi tham gia vào quan hệ xã hội trong lĩnh vực kinh doanh. Qua đó, đảm bảo hoạt động thực hiện pháp luật là quá trình đưa pháp luật vào đời sống, áp dụng những quy định trong văn bản vào hiện thực, góp phần đảm bảo tính nghiêm minh của pháp luật. Chương I của Luận văn đã phân tích một cách khái quát cơ sở lý luận của về công ty cổ phần, thành lập và hoạt động của công ty cổ phần ở nước ta hiện nay, bao gồm: Khái niệm và đặc điểm, vị trí, vai trò của công ty cổ phần trong phát triển nền kinh tế - xã hội, pháp luật thành lập và hoạt động doanh nghiệp, nội dung pháp luật thành lập và hoạt động doanh nghiệp. Đồng thời, trên cơ sở xem xét kinh nghiệm một số quốc gia trên thế giới

vận dụng vào nước ta trong tình hình mới. Trên cơ sở lý luận ở Chương I, tác giả vận dụng thực tiễn về vấn đề này ở nước ta nói chung và tại công ty thủy sản Việt Nam – CTCP nói riêng. Từ đó, đánh giá kết quả đạt được và những hạn chế, qua đó, tìm ra nguyên nhân được trình bày trong Chương 2 của luận văn.

**CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG PHÁP LUẬT VỀ THÀNH LẬP
VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA MÔ HÌNH CÔNG TY CỔ PHẦN Ở VIỆT NAM –
THỰC TIỄN TẠI TỔNG CÔNG TY THỦY SẢN VIỆT NAM (SEAPRODEX)**

2.1. Thực trạng các quy định của pháp luật về thành lập Công ty cổ phần

2.1.1. Thực trạng quy định về thành lập Công ty cổ phần

*** Đối tượng được thành lập công ty cổ phần**

Với nguyên tắc đảm bảo quyền tự do kinh doanh, trong đó có quyền tự do góp vốn thành lập công ty, Luật Doanh nghiệp 2020 đã có những quy định cụ thể về đối tượng được thành lập doanh nghiệp nói chung và CTCP nói riêng. Theo đó, tất cả các tổ chức, cá nhân không phân biệt quốc tịch, nếu không thuộc trường hợp bị pháp luật cấm đều có quyền thành lập và quản lý CTCP tại Việt Nam (Khoản 1 Điều 17). Tuy nhiên trong một số trường hợp có một số đối tượng không được thành lập công ty theo quy định tại khoản 2 Điều 17 Luật doanh nghiệp 2020²². Bằng phương pháp loại trừ, Khoản 2 Điều 17 Luật Doanh nghiệp 2020 quy định các tổ chức, cá nhân không được quyền thành lập và quản lý CTCP tại Việt Nam. So với các quốc gia khác trên thế giới, Luật Doanh nghiệp 2020 quy định khá cụ thể và chi tiết những đối tượng không được thành lập CTCP. Đây là nền tảng cơ bản trong quá trình áp dụng trên thực tế.

*** Đối với điều kiện riêng khi thành lập công ty cổ phần**

Thành lập công ty cổ phần phải có tối thiểu 3 cổ đông sáng lập, không giới hạn số lượng cổ đông tối đa. Cổ đông chỉ cần cung cấp chứng minh thư nhân dân nhân hoặc hộ chiếu công chứng để thực hiện thủ tục thành lập công ty cổ phần. Theo quy định của Luật Doanh nghiệp 2020, số lượng cổ đông CTCP tối thiểu phải là 03 (Điều 111). Như vậy, số lượng thành viên tối thiểu của CTCP không có sự thay đổi kể từ Luật doanh nghiệp 2005.

*** Điều kiện chung khi thành lập công ty cổ phần**

- Điều kiện về tên công ty cổ phần: Được quy định cụ thể tại Điều 38 Luật

²²Xem khoản 2 Điều 17 Luật doanh nghiệp 2020

doanh nghiệp năm 2020, phải đáp ứng một số điều kiện, ví dụ như: tên công ty không được trùng hoặc gây nhầm lẫn với tên của doanh nghiệp đã đăng ký trước trong toàn quốc gia... Tuy nhiên, có một điều kiện cấm là “Sử dụng từ ngữ, ký hiệu vi phạm truyền thống lịch sử, văn hóa, đạo đức và thuần phong mỹ tục của dân tộc” thì vẫn chưa có hướng dẫn cụ thể thế nào là từ ngữ, ký hiệu vi phạm truyền thống lịch sử, văn hóa, đạo đức và thuần phong mỹ tục của dân tộc dẫn đến trong việc xét duyệt hồ sơ thành lập công ty còn phụ thuộc ý chí chủ quan của cơ quan xét duyệt.

- Điều kiện về trụ sở: Trụ sở chính của doanh nghiệp đặt trên lãnh thổ Việt Nam, là địa chỉ liên lạc của doanh nghiệp và được xác định theo địa giới đơn vị hành chính.

- Điều kiện về ngành nghề kinh doanh: khi thành lập công ty cổ phần, ngành nghề sẽ phải áp theo mã hệ thống ngành nghề kinh tế quốc dân. Đối với những ngành nghề có điều kiện phải thỏa mãn các điều kiện để được thành lập. Theo quy định tại Điều 28 Luật doanh nghiệp năm 2020 thì không ghi ngành nghề kinh doanh trong Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp nhưng theo quy định của Điều 7 Nghị định 78/2015/NĐ-CP thì khi đăng ký thành lập doanh nghiệp, nhà đầu tư vẫn phải đăng ký ngành nghề kinh doanh theo mã ngành cấp IV trong Hệ thống ngành, nghề kinh tế Việt Nam như quy định tại Nghị định 43/2010/NĐ-CP trước đây. Tuy nhiên trong thực tế, nhiều trường hợp nhà đầu tư dự định đăng ký kinh doanh trong những ngành, nghề mà pháp luật không cấm hoặc không hạn chế hay kinh doanh có điều kiện nhưng không có trong mã ngành kinh tế. Nguyên nhân là do Hệ thống ngành kinh tế của Việt Nam vẫn chưa bao quát hết các ngành kinh tế. Vì thế dẫn tới hiện tượng doanh nghiệp cũng như cơ quan Nhà nước không biết xác định ngành, nghề kinh doanh thuộc mã nào. Mặt khác, việc Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp không ghi ngành nghề kinh doanh sẽ gây khó khăn, mất thời gian cho các cơ quan chức năng sau này khi kiểm tra xem doanh nghiệp có hoạt động theo đúng ngành nghề đăng ký kinh doanh hay không thì không thể xem Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp để biết mà phải tra cứu trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.

- Điều kiện về vốn điều lệ/ vốn pháp định: Vốn điều lệ của công ty cổ phần

là tổng mệnh giá cổ phần các loại đã bán; Cổ phần đã bán là cổ phần được quyền chào bán đã được các cổ đông thanh toán đủ cho công ty. Vốn điều lệ của công ty cổ phần khi đăng ký thành lập doanh nghiệp là tổng mệnh giá cổ phần các loại đã được đăng ký mua và được ghi trong Điều lệ công ty. Vốn pháp định là mức vốn tối thiểu phải có theo quy định của pháp luật để thành lập doanh nghiệp. Vốn pháp định áp dụng với một số ngành nghề kinh doanh có điều kiện.

- Điều kiện về Cổ đông Công ty: Công ty cổ phần mới thành lập phải có ít nhất 03 cổ đông sáng lập. Công ty cổ phần được chuyển đổi từ doanh nghiệp nhà nước hoặc từ công ty trách nhiệm hữu hạn hoặc được chia, tách, hợp nhất, sáp nhập từ công ty cổ phần khác không nhất thiết phải có cổ đông sáng lập; trường hợp này, Điều lệ công ty trong hồ sơ đăng ký doanh nghiệp phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật hoặc các cổ đông phổ thông của công ty đó. Các cổ đông sáng lập phải cùng nhau đăng ký mua ít nhất 20% tổng số cổ phần phổ thông được quyền chào bán khi đăng ký thành lập doanh nghiệp.

2.1.2. Thực trạng quy định về vốn của Công ty cổ phần

Công ty cổ phần là loại hình doanh nghiệp mà vốn điều lệ của nó được chia thành các phần bằng nhau gọi là cổ phần. Từ đó ta hiểu vốn điều lệ của công ty cổ phần là tổng giá trị mệnh giá cổ phần đã bán các loại. Vốn điều lệ của công ty cổ phần tại thời điểm đăng ký thành lập doanh nghiệp là tổng giá trị mệnh giá cổ phần các loại đã được đăng ký mua và được ghi trong Điều lệ công ty. Theo đó, vốn điều lệ của công ty cổ phần tại thời điểm đăng ký sẽ là vốn điều lệ của công ty khi các cổ đông góp đủ vốn trong thời hạn góp vốn. Vốn điều lệ của công ty có thể được thay đổi trong quá trình hoạt động kinh doanh. Khi thay đổi vốn điều lệ, công ty phải thực hiện thủ tục đăng ký thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp với cơ quan có thẩm quyền.

CTCP Là loại hình đặc trưng của công ty đối vốn, nên các quy định về vốn và tài chính có ý nghĩa đặc biệt quan trọng với CTCP. Khi thành lập, công ty phải có vốn điều lệ, Khoản 34 Điều 4 Luật Doanh nghiệp năm 2020 quy định, “Vốn điều lệ là tổng giá trị tài sản do các thành viên công ty, chủ sở hữu công ty đã góp hoặc cam

kết góp khi thành lập công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty hợp danh; là tổng mệnh giá cổ phần đã bán hoặc được đăng ký mua khi thành lập công ty cổ phần.”. Đây là quy định tạo lợi thế huy động vốn cho loại hình công ty này. Theo đó, vốn điều lệ tại thời điểm thành lập phải được hiểu là đã bao gồm cả giá trị của số cổ phần được quyền chào bán

Theo pháp luật doanh nghiệp 2020 thì đã quy định rõ mức pháp lý về vốn công ty cổ phần²³. Cổ đông phải chịu trách nhiệm hữu hạn trong phạm vi vốn góp của mình. Ở nước ta thì mức vốn điều lệ khi thành lập công ty cổ phần: Cá nhân, tổ chức có quyền thành lập công ty cổ phần khi đáp ứng các điều kiện mà pháp luật quy định. Theo quy định của pháp luật doanh nghiệp hiện hành, cá nhân, tổ chức tự do quyết định mức vốn điều lệ cụ thể khi đăng ký thành lập công ty. Cá nhân, tổ chức có thể xác định vốn điều lệ của công ty dựa trên các căn cứ sau:

- Khả năng tài chính của mình;
- Phạm vi, quy mô hoạt động của công ty;
- Chi phí hoạt động thực tế của công ty sau khi thành lập (vì vốn điều lệ của công ty để sử dụng cho các hoạt động của công ty sau khi thành lập);
- Dự án ký kết với đối tác...

Hiện nay, theo quy định tại Điều 112 Luật doanh nghiệp 2020²⁴

Việc xác định vốn điều lệ còn phụ thuộc vào ngành nghề kinh doanh mà công ty dự định hoạt động. Đối với một số ngành nghề kinh doanh có điều kiện về vốn pháp định và ký quỹ thì vốn điều lệ của công ty phải đáp ứng điều kiện của pháp luật. Cụ thể:

+ Đối với ngành nghề kinh doanh yêu cầu vốn pháp định: Vốn pháp định là số vốn tối thiểu để công ty được thành lập theo quy định của nhà nước. Chỉ một số ngành nghề cụ thể nhà nước quy định vốn pháp định mới phải áp dụng theo quy định của Luật đầu tư 2014, sửa đổi bổ sung và văn bản hướng dẫn thi hành. Khi công ty đăng ký hoạt động ngành nghề kinh doanh yêu cầu vốn pháp định thì vốn

²³Xem điều 112 Luật doanh nghiệp 2020

²⁴Xem Điều 112 Luật doanh nghiệp 2020

điều lệ của công ty không được thấp hơn mức vốn pháp định đối với ngành nghề kinh doanh đó. Nhà nước không quy định mức vốn tối đa.

+ Đối với ngành nghề kinh doanh yêu cầu ký quỹ: Vốn ký quỹ khi đăng ký thành lập công ty là số vốn trong vốn bắt buộc tuy nhiên doanh nghiệp của bạn phải có một khoản tiền ký quỹ thực tế trong ngân hàng, nhằm đảm bảo sự hoạt động của công ty. Theo đó, khi thành lập và hoạt động của công ty cổ phần những ngành nghề yêu cầu ký quỹ thì công ty phải có tài liệu chứng minh đã ký quỹ số tiền mà pháp luật quy định. Nhà nước quy định mức ký quỹ cụ thể đối với từng ngành nghề tại các văn bản pháp luật.

Thời hạn góp vốn được thực hiện theo quy định tại Khoản 1 Điều 113 Luật doanh nghiệp năm 2020 như sau: “Các cổ đông phải thanh toán đủ số cổ phần đã đăng ký mua trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, trừ trường hợp Điều lệ công ty hoặc hợp đồng đăng ký mua cổ phần quy định một thời hạn khác ngắn hơn. Trường hợp cổ đông góp vốn bằng tài sản thì thời gian vận chuyển nhập khẩu, thực hiện thủ tục hành chính để chuyển quyền sở hữu tài sản đó không tính vào thời hạn góp vốn này. Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm giám sát, đôn đốc cổ đông thanh toán đủ và đúng hạn các cổ phần đã đăng ký mua.” Tuy nhiên lại không có quy định chế tài xử lý trong trường hợp cổ đông thanh toán số cổ phần đã đăng ký sau thời hạn 90 ngày thì xử lý, dẫn đến vẫn xảy ra việc cố tình góp vốn chậm. Mặt khác, đối với trường hợp góp vốn bằng tài sản thì thời gian vận chuyển nhập khẩu không tính vào thời hạn góp vốn, quy định này phải chăng tạo kẽ hở để cổ đông góp vốn bằng tài sản cố tình góp vốn chậm thông qua kéo dài thời gian vận chuyển nhập khẩu. Theo tôi, việc vận chuyển nhập khẩu cần được cổ đông chủ động thực hiện có thể trước khi được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp để đảm bảo cho việc góp vốn đúng thời hạn quy định.

Khoản 3 Điều 35 Luật doanh nghiệp năm 2020 có quy định: “Việc góp vốn chỉ được coi là thanh toán xong khi quyền sở hữu hợp pháp đối với tài sản góp vốn đã chuyển sang công ty.”. Vậy, đối với trường hợp góp vốn bằng tài sản là quyền sử dụng đất thì khi nào được coi là thanh toán xong? Quy định như trên là không đầy đủ.

2.1.3. Thực trạng quy định về cổ đông trong Công ty cổ phần

Tại Khoản 3 Điều 4 Luật Doanh nghiệp năm 2020 quy định như sau : “3 . Cổ đông là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần của công ty cổ phần”. Như vậy có thể thấy:

Thứ nhất, cổ đông là cá nhân. Không phân biệt nơi cư trú và quốc tịch, nếu không thuộc đối tượng quy định tại khoản 3 Điều 22 Luật Doanh nghiệp năm 2020 đều có quyền thành lập, tham gia thành lập công ty cổ phần; nếu không thuộc đối tượng tại khoản 4 Điều 22 Luật Doanh nghiệp năm 2020 thì có quyền mua cổ phần của công ty cổ phần.

Thứ hai, cổ đông là tổ chức. Điều kiện tất cả các tổ chức là pháp nhân. Nhóm này bao gồm cả doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam không phân biệt nơi đăng ký đại chi trụ sở chính nếu không thuộc đối tượng bị cấm đều có quyền thành lập, tham gia thành lập công ty cổ phần, có quyền mua cổ phần của công ty cổ phần.

Tiếp theo, pháp luật doanh nghiệp quy định một chủ thể phải sở hữu ít nhất một cổ phần của công ty cổ phần thì mới được gọi là cổ đông. Như vậy, cổ đông có thể tham gia góp vốn trực tiếp theo mệnh giá cổ phần hoặc mua cổ phần phổ thông qua thị trường chứng khoán thì đều có cơ hội trở thành cổ đông của công ty cổ phần. Tuy nhiên trên thực tế, ít có chủ thể nào mà chỉ sở hữu 1 cổ phần của công ty cổ phần bởi mệnh giá cổ phần thường không cao đến mức không thể mua. Các quy định về chào bán cổ phần hiện nay không dẫn chiếu tới mệnh giá. Trường hợp giá thị trường tại thời điểm chào bán hoặc giá trị được ghi trong sổ sách của cổ phần tại thời điểm gần nhất thấp hơn mệnh giá thì có khả năng xảy ra là giá chào bán cổ phần thấp hơn mệnh giá. Trên thực tế đã có trường hợp ghi nhận tại thị trường Việt nam, một số công ty cổ phần phát hành thấp hơn mệnh giá được Ủy ban chứng khoán nhà nước chấp thuận. Tuy nhiên, hiện nay chưa có bất kỳ quy định nào của pháp luật hướng dẫn cụ thể về vấn đề này trên phương diện kế toán.

Cổ đông sáng lập là người góp vốn cổ phần, tham gia xây dựng, thông qua và ký tên vào bản Điều lệ đầu tiên của công ty cổ phần. Khi công ty cổ phần mới

thành lập phải có ít nhất ba cổ đông sáng lập; Công ty cổ phần được chuyển đổi từ 100% vốn nhà nước hoặc từ công ty trách nhiệm hữu hạn hoặc được chia, tách, hợp nhất, sáp nhập từ công ty cổ phần khác không nhất thiết phải có cổ đông sáng lập. Nếu trong trường hợp không có cổ đông sáng lập, Điều lệ công ty cổ phần trong hồ sơ đăng ký doanh nghiệp phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật hoặc các cổ đông phổ thông của công ty đó. Trong trường hợp có cổ đông sáng lập thì các cổ đông sáng lập phải cùng nhau đăng ký mua ít nhất 20% tổng số cổ phần phổ thông được quyền bán tại thời điểm đăng ký doanh nghiệp. Trong thời hạn 3 năm, kể từ ngày công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, cổ đông sáng lập có quyền tự do chuyên nhượng cổ phần của mình cho cổ đông sáng lập khác và chỉ được chuyên nhượng cổ phần của mình cho người không phải cổ đông sáng lập nếu được sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông.

Khoản 2 Điều 115 Luật doanh nghiệp năm 2020 có quy định về quyền của cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên hoặc một tỷ lệ khác nhỏ hơn theo quy định tại Điều lệ công ty là xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của công ty. Tuy nhiên thế nào là “bí mật thương mại” lại chưa được quy định và hướng dẫn cụ thể, rõ ràng dẫn đến việc công ty có thể lạm dụng loại trừ này để cho rằng một tài liệu nào đó là bí mật thương mại để từ chối không cho cổ đông tiếp cận.

Khoản 1 Điều 166 Luật doanh nghiệp năm 2020 cũng quy định về quyền khởi kiện như sau: “Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu ít nhất 01% tổng số cổ phần phổ thông có quyền tự mình hoặc nhân danh công ty khởi kiện trách nhiệm cá nhân, trách nhiệm liên đới đối với các thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc để yêu cầu hoàn trả lợi ích hoặc bồi thường thiệt hại cho công ty hoặc người khác trong trường hợp sau đây”. Trong trường hợp quyền, lợi ích của chính cổ đông, nhóm cổ đông này bị xâm phạm thì họ có quyền khởi kiện để yêu cầu hoàn trả lợi ích hoặc bồi thường thiệt hại cho mình theo quy định này hay không? Quy

định cũng không giải thích rõ “người khác” ở đây là ai và tại sao họ lại không tự khởi kiện mà phải cần đến cổ đông, nhóm cổ đông này. Mặt khác, khi cổ đông, nhóm cổ đông đó khởi kiện vì quyền lợi cho “người khác” nhưng lại nhân danh công ty thì chi phí liên quan đến việc khởi kiện và giải quyết vụ án ai là người chịu?

2.1.4. Thực trạng quy định về trình tự, thủ tục thành lập Công ty cổ phần

Trình tự, thủ tục thành lập công ty cổ phần thông qua các bước sau:

Bước 1: Tiếp nhận thông tin và soạn thảo hồ sơ thành lập công ty: Để thực hiện thủ tục thành lập doanh nghiệp. Nghiên cứu địa chỉ trụ sở chính; Ngành nghề kinh doanh; Vốn điều lệ.

Thông tin cổ đông: Yêu cầu tối thiểu 3 cổ đông.

Thành phần hồ sơ thành lập công ty cổ phần: Đơn đề nghị đăng ký thành lập công ty cổ phần (Theo mẫu Phụ lục I-4 Thông tư 02/2019/TT-BKHĐT); Điều lệ công ty cổ phần; Danh sách cổ đông sáng lập (Theo mẫu Phụ lục I-7 Thông tư 02/2019/TT-BKHĐT). Chứng minh thư nhân dân/Thẻ căn cước công dân hoặc hộ chiếu của cổ đông; Giấy CN Thành lập và hoạt động của công ty cổ phần/Giấy CN ĐKdoanh nghiệp đối với tổ chức (trừ trường hợp tổ chức là Bộ/UBND tỉnh, thành phố) và kèm theo giấy tờ chứng thực cá nhân, quyết định uỷ quyền của Người đại diện theo uỷ quyền của tổ chức; Quyết định góp vốn của cổ đông là tổ chức

Bước 2: Công bố nội dung đăng ký doanh nghiệp: Thủ tục công bố nội dung đăng ký doanh nghiệp là bắt buộc khi nhận kết quả đăng ký doanh nghiệp. Nội dung công bố bao gồm các nội dung Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và các thông tin về: Ngành, nghề kinh doanh của công ty; Thông tin các cổ đông sáng lập của công ty cổ phần.

Bước 3: Khắc dấu pháp nhân của doanh nghiệp và thông báo về mẫu con dấu của doanh nghiệp. Sau 01-03 ngày kể từ ngày nhận thông báo về mẫu con dấu của doanh nghiệp, Phòng Thành lập và hoạt động của công ty cổ phần trao Giấy biên nhận cho doanh nghiệp, thực hiện đăng tải thông báo của doanh nghiệp trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp và cấp Thông báo về việc đăng tải thông tin về mẫu con dấu của doanh nghiệp cho doanh nghiệp.

Thủ tục thành lập công ty mới hiện nay có thể thực hiện qua hai hình thức: Đăng ký trực tiếp qua mạng tại cổng thông tin điện tử quốc gia hoặc có thể thực hiện tại bộ phận một cửa phòng đăng ký kinh doanh. Những vướng mắc khi thực hiện các thủ tục thành lập công ty tại phòng đăng ký kinh doanh, quá trình thực thi còn xảy ra vướng mắc khi phải chờ đợi. Từ ngày 01/07/2015, các doanh nghiệp mới thành lập sẽ được tự khắc dấu và thông báo mẫu dấu tại phòng đăng ký kinh doanh. Và trước khi thực hiện việc thông báo, doanh nghiệp phải nộp hồ sơ báo cáo thành lập doanh nghiệp. Vì vậy, để thành lập xong công ty, các doanh nghiệp phải nộp hồ sơ đến 03 lần và còn phải chờ kết quả thêm 03 lần. Sự phát sinh thêm này đã tốn rất nhiều thời gian cho doanh nghiệp.

Theo luật Doanh nghiệp 2014, điều lệ công ty phải được cập nhật theo biểu mẫu mới khi nộp trong hồ sơ thành lập doanh nghiệp. Đây là điều thực sự không dễ dàng đối với người tự làm các thủ tục. Đối với công ty vốn nước ngoài, công ty liên doanh bắt buộc phải thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp như công ty trong nước. Việc này càng khiến cho phòng đăng ký kinh doanh trở nên quá tải khi phải thêm đối tượng yêu cầu dịch vụ. Và rất nhiều quy định mới trong Luật doanh nghiệp làm cho người thực hiện thủ tục khó xác định thông tin để có thể kê khai đúng mong muốn của mình, cụ thể như sau:

- Doanh nghiệp có thể có nhiều người cùng đại diện pháp luật: Việc người thực hiện không hiểu rõ được quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật dẫn đến không biết cách kê khai như thế nào để hợp lý

- Doanh nghiệp giờ đây có thể đăng ký nhiều con dấu cho công ty và quyết định hình thức con dấu riêng: trước đây việc khắc dấu sẽ do công an phụ trách nên người thực hiện thủ tục thành lập công ty sẽ không cần quan tâm quá nhiều đến hình thức con dấu, chỉ cần nhận và sử dụng. Với quy định mới này thì liệu ai cũng thực hiện thủ tục cũng sẽ nắm được hình thức về con dấu công ty?

Điều 1 Luật doanh nghiệp năm 2020 quy định: “Luật này quy định về việc thành lập, tổ chức quản lý, tổ chức lại, giải thể và hoạt động có liên quan của doanh nghiệp, bao gồm công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần, công ty hợp danh

và doanh nghiệp tư nhân; quy định về nhóm công ty.”. Tuy nhiên, Điều 3 lại quy định: “Trường hợp luật khác có quy định đặc thù về việc thành lập, tổ chức quản lý, tổ chức lại, giải thể và hoạt động có liên quan của doanh nghiệp thì áp dụng quy định của luật đó.”. Dẫn đến trên thực tế thì bên cạnh Sở Kế hoạch và Đầu tư cấp phép thành lập DN, còn nhiều cơ quan khác cũng tham gia vào vấn đề cấp giấy phép hoạt động cho DN. Ví dụ, công ty luật/văn phòng luật sư, công chứng (xin giấy phép hoạt động tại Sở Tư pháp), công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ (xin giấy phép của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước), DN kinh doanh bảo hiểm (xin giấy phép của Bộ Tài chính).... Do đó, đối với DN chịu sự điều chỉnh bởi các văn bản pháp luật chuyên ngành thì trình tự, thủ tục, hồ sơ thành lập DN vẫn chịu sự chi phối có tính quyết định bởi pháp luật chuyên ngành. Mà thường là các quy định của Luật chuyên ngành về thủ tục thành lập doanh nghiệp vẫn còn khá phức tạp, chưa tinh giản, thông thoáng như thủ tục đăng ký kinh doanh tại LDN nên các DN chịu sự điều chỉnh bởi các văn bản pháp luật chuyên ngành không được hưởng các cải cách thủ tục hành chính trong thành lập doanh nghiệp.

Việc đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử chính thức triển khai trên phạm vi cả nước kể từ ngày 15/4/2013 theo Thông tư số 01/2013/TT-BKHĐT ngày 21/01/2013 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư. Tuy nhiên, việc đăng ký doanh nghiệp trực tuyến tương đối phức tạp, để sử dụng công cụ trực tuyến để đăng ký doanh nghiệp thì nhà đầu tư phải đọc toàn bộ Hướng dẫn quy trình đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử gồm 77 trang tại cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia và phải nắm luật, phải biết điền chọn đúng ngành nghề trong hệ thống ngành nghề kinh doanh... Điều này khiến cho người dân lúng túng và không thực hiện được gây lãng phí nguồn lực và không đạt được những hiệu quả như kỳ vọng.

2.2. Thực trạng các quy định của pháp luật về hoạt động của Công ty cổ phần

2.2.1. Thực trạng quy định pháp luật về cơ cấu tổ chức, bộ máy của Công ty cổ phần

Để CTCP hoạt động trên thực tế, cần có một bộ máy quản lý hiệu quả. Để nhận biết và phân loại các hệ thống quản trị công ty, các nhà nghiên cứu trên thế

giới thường dựa vào mục đích quản trị công ty hoặc theo cấu trúc quản trị nội bộ của công ty theo luật định.

Thứ nhất, nếu căn cứ vào mục đích của quản trị công ty, các mô hình quản trị công ty thường được phân chia thành mô hình quản trị hướng tới cổ đông và mô hình quản trị công ty hướng tới lợi ích của tất cả những bên có quyền lợi liên quan của công ty, thậm chí người ta còn xác định cả mô hình quản trị công ty hướng tới lợi ích của người lao động hay nhà nước. Bên có quyền lợi liên quan của công ty có thể hiểu là các cá nhân, tổ chức có mối quan hệ liên quan đến quá trình quản trị, điều hành, kiểm soát công ty hoặc là những chủ thể bị ảnh hưởng bởi các hoạt động của công ty hay quyết định của công ty thông qua các cơ quan trong bộ máy quản trị.

Thứ hai, căn cứ theo cấu trúc quản trị nội bộ của công ty theo luật định, hiện nay, trên thế giới tồn tại chủ yếu hai mô hình cấu trúc quản trị nội bộ CTCP cơ bản là cấu trúc hội đồng kép hay còn gọi là hội đồng hai tầng và mô hình hội đồng đơn hay còn gọi là hội đồng một tầng. Cấu trúc quản trị theo mô hình hội đồng hai tầng có nguồn gốc từ nước Đức với các cơ quan: Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng giám sát và HĐQT. Sở dĩ mô hình này được gọi là hội đồng hai tầng bởi cấu trúc bộ máy quản trị công ty có hai hội đồng theo thứ bậc, trong đó Đại hội đồng cổ đông là hội đồng bậc trên còn HĐQT là hội đồng bên dưới. Về nguyên tắc, Đại hội đồng cổ đông sẽ bầu chọn thành viên Hội đồng giám sát nhưng người lao động cũng có quyền lựa chọn thành viên vào Hội đồng này. Chủ tịch Hội đồng giám sát do Đại hội đồng cổ đông bầu chọn và khi số phiếu biểu quyết trong Hội đồng giám sát ngang nhau, ý kiến cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng giám sát. Chức năng, quyền hạn của Hội đồng giám sát là lựa chọn, bổ nhiệm, cách chức thành viên HĐQT, đưa ra các quyết định quan trọng trong việc quản trị công ty cũng như giám sát hoạt động của HĐQT. Trong khi đó, HĐQT có thẩm quyền điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của công ty và báo cáo Hội đồng giám sát.

Theo Điều 95 Luật doanh nghiệp năm 2005 thì cơ cấu tổ chức quản lý của công ty cổ phần được quy định như sau: Công ty cổ phần có Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và Giám đốc hoặc Tổng giám đốc; đối với công ty cổ phần có

trên mười một cổ đông là cá nhân hoặc có cổ đông là tổ chức sở hữu trên 50% tổng số cổ phần của công ty phải có Ban kiểm soát. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc Giám đốc hoặc Tổng giám đốc là người đại diện theo pháp luật của công ty được quy định tại Điều lệ công ty. Người đại diện theo pháp luật của công ty phải thường trú ở Việt Nam; trường hợp vắng mặt trên ba mươi ngày ở Việt Nam thì phải uỷ quyền bằng văn bản cho người khác theo quy định tại Điều lệ công ty để thực hiện các quyền và nhiệm vụ của người đại diện theo pháp luật của công ty.”

Điều 134 Luật doanh nghiệp năm 2014 lại quy định như sau:

Công ty cổ phần có quyền lựa chọn tổ chức quản lý và hoạt động theo một trong hai mô hình sau đây, trừ trường hợp pháp luật về chứng khoán có quy định khác:

- Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Giám đốc hoặc Tổng giám đốc. Trường hợp công ty cổ phần có dưới 11 cổ đông và các cổ đông là tổ chức sở hữu dưới 50% tổng số cổ phần của công ty thì không bắt buộc phải có Ban kiểm soát;

- Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và Giám đốc hoặc Tổng giám đốc. Trường hợp này ít nhất 20% số thành viên Hội đồng quản trị phải là thành viên độc lập và có Ban kiểm toán nội bộ trực thuộc Hội đồng quản trị. Các thành viên độc lập thực hiện chức năng giám sát và tổ chức thực hiện kiểm soát đối với việc quản lý điều hành công ty.

Trường hợp chỉ có một người đại diện theo pháp luật, thì Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc Giám đốc hoặc Tổng giám đốc là người đại diện theo pháp luật của công ty; trường hợp Điều lệ không có quy định khác thì Chủ tịch Hội đồng quản trị là người đại diện theo pháp luật của công ty. Trường hợp có hơn một người đại diện theo pháp luật, thì Chủ tịch Hội đồng quản trị và Giám đốc hoặc Tổng giám đốc đương nhiên là người đại diện theo pháp luật của công ty.”

Kế thừa, phát huy và sửa đổi các quy định trên Điều 137 Luật doanh nghiệp năm 2020 quy định về cơ cấu tổ chức của công ty cổ phần như sau:

Trừ trường hợp pháp luật về chứng khoán có quy định khác, công ty cổ phần có quyền lựa chọn tổ chức quản lý và hoạt động theo một trong hai mô hình sau đây:

- Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Giám đốc hoặc Tổng giám đốc. Trường hợp công ty cổ phần có dưới 11 cổ đông và các cổ đông là tổ chức sở hữu dưới 50% tổng số cổ phần của công ty thì không bắt buộc phải có Ban kiểm soát;

- Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và Giám đốc hoặc Tổng giám đốc. Trường hợp này ít nhất 20% số thành viên Hội đồng quản trị phải là thành viên độc lập và có Ủy ban kiểm toán trực thuộc Hội đồng quản trị. Cơ cấu tổ chức, chức năng, nhiệm vụ của Ủy ban kiểm toán quy định tại Điều lệ công ty hoặc quy chế hoạt động của Ủy ban kiểm toán do Hội đồng quản trị ban hành.

Trường hợp công ty chỉ có một người đại diện theo pháp luật thì Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc Giám đốc hoặc Tổng giám đốc là người đại diện theo pháp luật của công ty. Trường hợp Điều lệ chưa có quy định thì Chủ tịch Hội đồng quản trị là người đại diện theo pháp luật của công ty. Trường hợp công ty có hơn một người đại diện theo pháp luật thì Chủ tịch Hội đồng quản trị và Giám đốc hoặc Tổng giám đốc đương nhiên là người đại diện theo pháp luật của công ty.”

Có thể thấy mô hình tổ chức thứ nhất của công ty cổ phần theo quy định tại Điều 137 Luật doanh nghiệp năm 2020 lại chính là mô hình tổ chức của CTCP được quy định tại Điều 95 Luật Doanh nghiệp năm 2005 trước đây. Thực hiện theo mô hình này bắt buộc phải có Ban kiểm soát đối với công ty cổ phần có từ 11 cổ đông và các cổ đông là tổ chức sở hữu từ 50% tổng số cổ phần của công ty trở lên. Việc có Ban kiểm soát nhằm thực hiện các công việc liên quan đến việc giám sát hoạt động của HĐQT, Giám đốc/Tổng giám đốc trong việc quản lý và điều hành của CTCP. Chính vì vậy, sự tham gia của Ban kiểm soát là rất cần thiết đối với việc giám sát mọi hoạt động của HĐQT. Tuy nhiên, hoạt động với mô hình này chỉ mới có thể giúp cho Ban kiểm soát thực hiện nhiệm vụ giám sát hoạt động của HĐQT chứ chưa có thể trực tiếp quản lý các thành viên của HĐQT. Vì vậy, theo mô hình này

thì quyền hạn của HĐQT rất lớn và gần như chi phối mọi thiết chế quyền lực khác trong CTCP.

Đối với mô hình tổ chức thứ hai của công ty cổ phần khác với mô hình thứ nhất là trong cơ cấu tổ chức của HĐQT còn có thêm sự tham gia của Ủy ban kiểm toán. Mô hình này mặc dù khá mới lạ nhưng đã tạo điều kiện thuận lợi cho CTCP có thể dễ dàng tổ chức bộ máy quản lý và giám sát. Tuy nhiên, hạn chế của mô hình này chính là việc Ủy ban kiểm toán không tách biệt với HĐQT mà lại là cơ quan phụ thuộc vào HĐQT. Điều này dễ dẫn đến tình trạng HĐQT thao túng Ủy ban kiểm toán nội bộ.

Trên thực tế, đa số các CTCP đều lựa chọn áp dụng theo mô hình tổ chức thứ nhất do Luật Doanh nghiệp năm 2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành cũng không có bất cứ quy định nào về cơ cấu tổ chức quản lý của Ủy ban kiểm toán, trách nhiệm của Ủy ban kiểm toán nội bộ, điều kiện, tiêu chuẩn thành viên và người đứng đầu Ủy ban kiểm toán nội bộ, các chế độ về lương lẫn các quyền lợi của thành viên Ủy ban kiểm toán nội bộ, việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm ;... Điều này khiến các công ty cổ phần gặp nhiều khó khăn, lung túng khi muốn áp dụng mô hình vào cơ cấu tổ chức quản lý công ty.

2.2.2. Thực trạng quy định pháp luật về hoạt động của tổ chức, bộ máy trong Công ty cổ phần

Theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, cơ cấu tổ chức quản lý Công ty Cổ phần bao gồm: Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị; Giám đốc (Tổng giám đốc); đối với công ty cổ phần có trên 11 cổ đông là cá nhân hoặc có cổ đông là tổ chức sở hữu trên 50% tổng số cổ phần của công ty phải có Ban kiểm soát.

* Đại hội đồng cổ đông: Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết (bao gồm cổ đông phổ thông và cổ đông ưu đãi biểu quyết), là cơ quan quyết định cao nhất của công ty cổ phần. Cổ đông là tổ chức có quyền cử một hoặc một số người đại diện theo uỷ quyền thực hiện các quyền cổ đông của mình theo quy định của pháp luật; trường hợp có nhiều hơn một người đại diện theo uỷ quyền được cử thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu của mỗi người đại

diện.Đánh giá về các quy định đối với điều kiện tiến hành họp và thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông, một số nhà nghiên cứu cho rằng tỷ lệ sở hữu cần thiết để tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông và thông qua các quyết định như quy định hiện hành đã tạo cho các cổ đông, nhất là cổ đông thiểu số, có được ảnh hưởng thực sự đến các quyết định tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Quy định này đã tạo điều kiện và khuyến khích các cổ đông tham gia tích cực, có hiệu quả vào quá trình ra quyết định; các cổ đông thiểu số có được ảnh hưởng thực sự vào nội dung các quyết định quan trọng của công ty; qua đó làm tăng hiệu lực giám sát bảo vệ quyền và lợi ích của cổ đông. Điều này là rất cần thiết và có ý nghĩa trong điều kiện hiện nay ở nước ta, khi các cơ chế kiểm soát bên ngoài còn chưa có đủ điều kiện để phát huy tác dụng; các dịch vụ của Tòa án còn chưa được ưa chuộng và chưa trở thành công cụ có hiệu quả giải quyết tranh chấp, bảo vệ công bằng lợi ích của các bên liên quan.

Về cuộc họp đại hội đồng cổ đông thì thời hạn mời họp được quy định tại Khoản 1 Điều 143 Luật doanh nghiệp năm 2020 là đến tất cả cổ đông trong danh sách cổ đông có quyền dự họpchậm nhất là 21 ngày trước ngày khai mạc nếu Điều lệ công ty không quy định thời hạn dài hơn. Tuy nhiên, thời hạn này tính từ ngày gửi đi hay tính từ ngày nhận được lại không được quy định rõ ràng, dẫn đến thực tế thường xảy ra tình trạng gửi chậm khi cổ đông ở xa mà lại tính thời hạn 21 ngày kể từ ngày gửi. Khoản 2 Điều luật cũng quy định thông báo mời họp được gửi bằng phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông, vậy như thế nào là đã được gửi đến địa chỉ liên lạc của cổ đông, trong trường hợp cổ đông vắng mặt hoặc thay đổi địa chỉ liên lạc thì sẽ giải quyết như thế nào cũng chưa được quy định cụ thể.

Điều 151 Luật doanh nghiệp năm 2020 có quy định về cổ đông, nhóm cổ đông theo quy định của pháp luật có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết Đại hội đồng cổ đông trong một số trường hợp. Về trình tự, thủ tục yêu cầu cũng như xem xét, giải quyết của Tòa án hoặc Trọng tài đã được quy định; tuy nhiên, căn cứ vào quy định nào để Tòa án hoặc Trọng tài quyết định chấp nhận hay không yêu cầu hủy bỏ chưa được quy định

cụ thể.

Về hiệu lực của nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được quy định tại Điều 152 Luật doanh nghiệp năm 2020; tuy nhiên có một quy định bất hợp lý là trong trường hợp có cổ đông, nhóm cổ đông yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài hủy bỏ nghị quyết Đại hội đồng cổ đông nhưng nghị quyết đó vẫn có hiệu lực thi hành cho đến khi quyết định hủy bỏ nghị quyết đó của Tòa án, Trọng tài có hiệu lực, trừ trường hợp áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền. Như vậy, trong trường hợp Nghị quyết đó vi phạm quy định pháp luật hoặc xâm phạm nghiêm trọng đến quyền, lợi ích hợp pháp của cá nhân, tổ chức nhưng vẫn được thực hiện thì khi quyết định hủy bỏ nghị quyết đó của Tòa án, Trọng tài có hiệu lực việc hủy bỏ nghị quyết có còn có ý nghĩa không?

* Hội đồng quản trị: Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý công ty cổ phần, có toàn quyền nhân danh công ty quyết định mọi vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông. Hội đồng quản trị có không ít hơn ba thành viên, không quá mười một thành viên, nếu Điều lệ công ty không có quy định khác. Thành viên Hội đồng quản trị không nhất thiết phải là cổ đông của công ty.

Theo quy định tại Khoản 6 Điều 157 Luật doanh nghiệp năm 2020 thì chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày họp phải gửi thông báo mời họp nếu Điều lệ công ty không có quy định khác. Thời hạn này được tính từ ngày gửi hay tính từ ngày nhận thì cũng không được quy định rõ ràng, nếu tính từ ngày gửi thì sẽ xảy ra trường hợp thành viên Hội đồng quản trị ở xa, đến khi nhận được thông báo mời họp thì đã qua ngày họp Hội đồng quản trị.

Khoản 8 Điều luật này cũng quy định cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ ba phần tư tổng số thành viên trở lên dự họp; nếu không đủ số thành viên dự họp thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất; cuộc họp lần thứ hai được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp. Vậy nếu trong trường hợp thông báo mời họp đã được gửi hợp lệ nhưng có thành viên Hội đồng quản trị cố tình cản trở việc họp Hội

đồng quản trị dẫn đến số thành viên dự cuộc họp lần hai vẫn không đủ theo quy định thì không thể tiến hành được cuộc họp Hội đồng quản trị ảnh hưởng đến việc thực hiện quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị.

* Giám đốc hoặc Tổng giám đốc công ty: Giám đốc hoặc Tổng giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của công ty. Giám đốc hoặc Tổng giám đốc công ty do Hội đồng quản trị bổ nhiệm một người trong số họ hoặc thuê người khác, chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị và chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao. Trường hợp Điều lệ công ty không quy định Chủ tịch Hội đồng quản trị là người đại diện theo pháp luật thì Giám đốc hoặc Tổng giám đốc là người đại diện theo pháp luật của công ty. Nhiệm kỳ của Giám đốc hoặc Tổng giám đốc không quá năm năm; có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

* Ban kiểm soát: Đối với công ty cổ phần có trên 11 cổ đông là cá nhân hoặc có cổ đông là tổ chức sở hữu trên 50% tổng số cổ phần của công ty phải có Ban kiểm soát. Ban kiểm soát có từ 03 đến 05 thành viên nếu Điều lệ công ty không có quy định khác; nhiệm kỳ của Ban kiểm soát không quá năm năm; thành viên Ban kiểm soát có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam. Trưởng Ban kiểm soát phải là kế toán viên hoặc kiểm toán viên chuyên nghiệp và phải làm việc chuyên trách tại công ty, trừ trường hợp Điều lệ công ty quy định tiêu chuẩn khác cao hơn.

Luật mới chỉ quy định về Tiêu chuẩn và điều kiện của Kiểm soát viên cũng như các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên chứ chưa quy định về trình tự, thủ tục bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên và cách thức để Ban kiểm soát thực hiện chức năng, nhiệm vụ của mình. Mặt khác, theo quy định tại Khoản 3 Điều 171 Luật doanh nghiệp năm 2020 thì Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc, người quản lý khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của công ty theo yêu cầu của Kiểm soát viên hoặc Ban kiểm soát. Nhưng nếu trong trường hợp những người có trách nhiệm cung cấp thông tin tài liệu cố tình gây khó khăn không cung cấp thì Ban kiểm soát sẽ giải quyết như

thể nào.

2.2.3. Thực trạng quy định pháp luật về chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, giải thể, chấm dứt hoạt động của Công ty cổ phần

Tổ chức lại CTCP theo quy định của Luật Doanh nghiệp 2020 bao gồm chia, tách, hợp nhất, sáp nhập và chuyển đổi hình thức pháp lý của công ty. Những quy định này đã tạo điều kiện thuận lợi cho CTCP phát triển, hiệu quả và đa dạng. Nhìn chung, các quy định về tổ chức lại công ty nói chung và CTCP nói riêng trong Luật Doanh nghiệp 2020 đã khá hợp lý và tương đồng với các quy định pháp luật của các quốc gia trên thế giới. Tuy nhiên, điểm thiếu sót trong các quy định về tổ chức lại công ty nằm ở chỗ, chưa có các quy định trực tiếp điều chỉnh về hoạt động mua bán CTCP trong Luật Doanh nghiệp 2020, mặc dù đã có những quy định tạo cơ sở cho hoạt động này diễn ra trên thực tế... trong khi đó, với quá trình phát triển mạnh mẽ, quá trình hội nhập sâu rộng vào kinh tế quốc tế, các quy định về mua bán công ty nói chung và CTCP nói riêng cần phải được quy định cụ thể, tạo một kênh đầu tư có quy mô vốn, một hình thức đầu tư trực tiếp được nhà đầu tư ưa chuộng, nhất là đối với các nhà đầu tư nước ngoài.

Theo quy định của Luật Doanh nghiệp 2020, CTCP có thể chấm dứt hoạt động, tồn tại thông qua thủ tục giải thể doanh nghiệp, bên cạnh đó, CTCP cũng có thể bị chấm dứt hoạt động khi bị Tòa án tuyên bố phá sản theo quy định của Luật phá sản. Giải thể CTCP trước hết là quyền của cổ đông CTCP nếu được Đại hội đồng cổ đông biểu quyết thông qua. Bên cạnh đó, trong những trường hợp sau đây, CTCP cũng sẽ bị buộc phải giải thể: (i) Kết thúc thời hạn hoạt động đã ghi trong điều lệ công ty mà không có quyết định gia hạn; (ii) Theo nghị quyết, quyết định của chủ doanh nghiệp đối với doanh nghiệp tư nhân, của Hội đồng thành viên đối với công ty hợp danh, của Hội đồng thành viên, chủ sở hữu công ty đối với công ty trách nhiệm hữu hạn, của Đại hội đồng cổ đông đối với công ty cổ phần; (iii) Công ty không còn đủ số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của Luật này trong thời hạn 06 tháng liên tục mà không làm thủ tục chuyển đổi loại hình doanh nghiệp; (iv) Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, trừ trường hợp Luật Quản lý thuế có quy định khác (Khoản 1 Điều 207 Luật Doanh nghiệp 2020). Điều kiện để

CTCP được giải thể là phải đảm bảo thanh toán hết các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác. Trình tự, thủ tục giải thể được quy định cụ thể tại Điều 158 Luật Doanh nghiệp 2020. Đối với thủ tục phá sản CTCP được quy định cụ thể tại Luật Phá sản năm 2014 với các điều kiện, trình tự, thủ tục cụ thể và chặt chẽ. Các quy định về thủ tục chấm dứt hoạt động của CTCP theo quy định của pháp luật Việt Nam tương đối tương đồng với pháp luật của các quốc gia trên thế giới, tạo điều kiện thuận lợi để các nhà đầu tư rút khỏi thị trường một cách an toàn, đảm bảo quyền lợi của các chủ thể có liên quan, nhất là các chủ nợ.

* Đối với việc giải thể doanh nghiệp thì các quy định ngoài Luật doanh nghiệp còn nằm ở nhiều văn bản quy phạm khác nhau. Để thực hiện giải thể CTCP phải thực hiện một loạt các thủ tục trong nội bộ và với cơ quan nhà nước, gây khó khăn cho CTCP trong việc thực hiện cũng như mất thời gian, tốn kém. Mặt khác, do chưa có một quy chế liên thông, chia sẻ thông tin giữa các cơ quan nhà nước cùng một loại giấy tờ nhưng CTCP lại phải cung cấp nhiều lần cho nhiều cơ quan nhà nước khác nhau.

* Quy định về phá sản doanh nghiệp:

Theo quy định tại khoản 1 Điều 4 Luật Phá sản thì “doanh nghiệp, hợp tác xã mất khả năng thanh toán là doanh nghiệp, hợp tác xã không thực hiện nghĩa vụ thanh toán khoản nợ trong thời hạn 03 tháng kể từ ngày đến hạn thanh toán”. Quy định này là chưa rõ ràng, vì có trường hợp DN vẫn còn khả năng thanh toán nhưng cố tình không thực hiện nghĩa vụ trong thời hạn luật định để được yêu cầu mở thủ tục phá sản. Hoặc có trường hợp DN vẫn còn khả năng thanh toán nhưng vì nguyên nhân khách quan dẫn đến không thực hiện được nghĩa vụ thanh toán trong thời hạn trên nên bị chủ nợ yêu cầu mở thủ tục phá sản dẫn tới hậu quả là doanh nghiệp bị đòi nợ bị thiệt hại về uy tín và thiệt hại trên thực tế.

Các khoản tiền thu được phải gửi vào vào tài khoản do Tòa án nhân dân, cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền mở tại ngân hàng theo quy định tại điểm i khoản 1 Điều 16 Luật Phá sản năm 2014. Tuy nhiên, quy định này chưa rõ ràng, cụ thể về cách thức mở tài khoản như thế nào, chủ tài khoản là ai, chỉ mở một tài

khoản cho tất cả các vụ phá sản hay mỗi vụ sẽ có một tài khoản khác nhau dẫn đến không áp dụng thống nhất.

Về thời hạn ra quyết định thi hành án chưa thống nhất giữa Luật Thi hành án dân sự và Luật Phá sản; cụ thể là Khoản 2 Điều 36 Luật Thi hành án dân sự quy định thời hạn ra quyết định thi hành án đối với quyết định tuyên bố phá sản là 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được quyết định nhưng Khoản 1 Điều 120 Luật Phá sản quy định “trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày ra quyết định tuyên bố phá sản, cơ quan thi hành án dân sự có trách nhiệm chủ động ra quyết định thi hành án”.

2.2.4. Một số vấn đề khác

Luật Doanh nghiệp 2020 quy định các hình thức xử lý kỷ luật, xử phạt hành chính, trách nhiệm bồi thường dân sự và truy cứu trách nhiệm hình sự đối với người có hành vi vi phạm Luật Doanh nghiệp. Xử lý các hành vi vi phạm quy định về góp vốn thành lập công ty cổ phần: Khoản 3, Điểm a Khoản 4, Điểm c, d Khoản 5 Điều 28. Vi phạm các quy định về thành lập doanh nghiệp, Nghị định 50/2016/NĐ-CP - Quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực kế hoạch và đầu tư²⁵. Ngoài ra, xử lý hành vi người góp vốn, mua cổ phần không có quyền góp vốn, mua cổ phần theo điểm b Khoản 1 Điều 29. Vi phạm quy định về đăng ký người thành lập

²⁵Vi phạm các quy định về thành lập doanh nghiệp

1. Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với hành vi không chuyển đổi loại hình doanh nghiệp khi công ty không còn đủ số lượng thành viên, cổ đông tối thiểu theo quy định trong thời hạn 6 tháng liên tục.
2. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi hoạt động khi đã kết thúc thời hạn ghi trong Điều lệ mà không được gia hạn.
3. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với hành vi không đăng ký thay đổi với cơ quan đăng ký kinh doanh khi không góp đủ vốn Điều lệ như đã đăng ký.
4. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:
 - a) Cố ý định giá tài sản góp vốn không đúng giá trị thực tế;
 - b) Tiếp tục kinh doanh khi đã bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp;
 - c) Hoạt động kinh doanh dưới hình thức doanh nghiệp mà không đăng ký thành lập doanh nghiệp.
5. Biện pháp khắc phục hậu quả:
 - a) Buộc đăng ký chuyển đổi loại hình doanh nghiệp phù hợp với quy định của Luật doanh nghiệp đối với hành vi vi phạm quy định tại Khoản 1 Điều này;
 - b) Buộc sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty hoặc đăng ký giải thể đối với hành vi vi phạm quy định tại Khoản 2 Điều này;
 - c) Buộc đăng ký điều chỉnh vốn Điều lệ, tỷ lệ phần vốn góp, cổ phần của các thành viên, cổ đông bằng số vốn đã góp đối với hành vi vi phạm quy định tại Khoản 3 Điều này;
 - d) Buộc định giá lại tài sản góp vốn và đăng ký vốn Điều lệ phù hợp với giá trị thực tế của tài sản góp vốn đối với hành vi vi phạm quy định tại Điểm a Khoản 4 Điều này;
 - đ) Buộc đăng ký thành lập doanh nghiệp đối với hành vi vi phạm quy định tại Điểm c Khoản 4 Điều này.

doanh nghiệp, Nghị định 50/2016/NĐ-CP - Quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực kế hoạch và đầu tư²⁶. Trường hợp hành vi vi phạm của CTCP, cổ đông và người có thẩm quyền trong CTCP gây thiệt hại đến lợi ích của các chủ thể khác thì phải bồi thường theo nguyên tắc bồi thường của Bộ luật Dân sự. Đây là cách quy định thường được áp dụng đối với các hoạt động kinh doanh, thương mại, khi các chế tài được dẫn chiếu sang các văn bản pháp luật chuyên ngành. Cách quy định này khiến việc áp dụng Luật trở nên khó khăn hơn, khi các nhà kinh doanh phải tìm hiểu nhiều văn bản khác nhau để áp dụng cho một hoạt động. Bên cạnh đó, có những hành vi vi phạm của các chủ thể trong tổ chức hoạt động của CTCP không chỉ bị áp dụng các chế tài hành chính hay chế tài dân sự mà còn có thể phải chịu trách nhiệm hình sự nếu hành vi đó đủ yếu tố cấu thành tội phạm. Tuy nhiên, khi xem xét toàn diện các văn bản này, khó có thể tìm thấy các quy định cụ thể đối với việc xử lý hành vi vi phạm của các cổ đông cũng như người quản lý công ty trong trường hợp họ vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty, trong đó phải kể đến các hành vi khai khống vốn, cổ đông không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ, không đúng hạn nghĩa vụ góp vốn; công ty vi phạm các quy định về kế toán, giả mạo hồ sơ; công ty không thông báo cho các chủ nợ của mình về quyết định chia, tách, hợp nhất, sáp nhập... Có thể sự thông thoáng trong các quy định này nhằm hướng tới mục tiêu đảm bảo hơn nữa quyền tự do kinh doanh của các nhà đầu tư và hạn chế tối đa sự can thiệp của Nhà nước. Đây là định hướng hoàn toàn cần thiết để khuyến khích và tạo điều kiện cho các nhà đầu tư khi gia nhập thị trường nhưng chính sự thiếu vắng các chế tài xử lý vi phạm khiến cho hoạt động của CTCP trên thực tế không tuân thủ pháp luật, không tạo ra môi trường kinh doanh lành mạnh để thúc đẩy hoạt động đầu tư, sản xuất kinh doanh.

²⁶Điều 29. Vi phạm quy định về đăng ký người thành lập doanh nghiệp

1. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:

a) Đăng ký thành lập doanh nghiệp mà theo quy định của pháp luật không có quyền thành lập doanh nghiệp;
b) Không có quyền góp vốn, mua cổ phần, phần vốn góp nhưng vẫn thực hiện.

2. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc đăng ký thay đổi thành viên hoặc cổ đông đối với công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do tổ chức là chủ sở hữu, công ty cổ phần và công ty hợp danh đối với hành vi vi phạm quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều này.

b) Buộc thay đổi thành viên đối với tổ chức, cá nhân góp vốn, mua cổ phần, phần vốn góp theo quy định đối với hành vi vi phạm tại Điểm b Khoản 1 Điều này.

2.3. Thực trạng các yếu tố tác động đến việc hoàn thiện pháp luật về Công ty cổ phần

2.3.1. Quan điểm, chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước

Các quy định của pháp đối với Công ty cổ phần có tác động rất lớn đến năng lực cũng như việc hoàn thiện pháp luật về công ty cổ phần được quy định cụ thể như sau:

Nghị quyết số 35/NQ-CP, ngày 16/5/2016 của Chính phủ về hỗ trợ và phát triển doanh nghiệp đến năm 2020

Luật doanh nghiệp năm 2020

Nghị định 122/2020/NĐ-CP ngày 15 tháng 10 năm 2020 thủ tục thành lập doanh nghiệp, bảo hiểm, đăng ký hóa đơn.

Các văn bản pháp luật nêu trên là hệ thống pháp lý cơ bản cho quá trình hoàn thiện hoạt động hoàn thiện pháp luật về công ty cổ phần trong thời gian qua. Đây là kim chỉ nam cho hoạt động xây dựng và phát triển doanh nghiệp nói chung và công ty cổ phần nói riêng ở nước ta trong tình hình mới.

2.3.2. Trình độ phát triển kinh tế của Việt Nam

“Việt Nam hiện đang và sẽ tiếp tục có đà tăng trưởng ấn tượng và khá vững chắc của cả quá trình đổi mới nói chung và cải thiện môi trường đầu tư, nâng cao năng lực cạnh tranh thời gian qua nói riêng. Theo đó, tăng trưởng GDP phục hồi rõ nét sau giai đoạn 2011 - 2015, duy trì được tốc độ cao, đặc biệt là trong các năm 2017 - 2019; tính chung giai đoạn 2016 - 2020, tăng trưởng GDP dự kiến khoảng 6,84%/năm (đạt mục tiêu 6,5 - 7% của Kế hoạch 2016 - 2020 đã đề ra); đóng góp của khu vực Công nghiệp xây dựng vào tăng trưởng kinh tế giai đoạn 2016 - 2020 đã tăng lên hơn 44% (so với mức tương ứng 39,9% giai đoạn 2011 - 2015). Trong đó, ngành công nghiệp chế biến, chế tạo mặc dù có dấu hiệu tăng trưởng chậm lại do sức cầu bên ngoài giảm sút, nhưng vẫn có mức tăng khá, trung bình 12,8%/năm trong giai đoạn 2016 - 2019, đóng góp 32% vào tăng trưởng GDP toàn nền kinh tế; năng suất lao động giai đoạn này tăng trung bình 5,8%/năm (so với mức tăng tương

ứng 4,3%/năm của giai đoạn 2011 - 2015)... ; theo báo cáo của U.S. News & World Report, Việt Nam đứng vị trí thứ 8 (tăng 15 bậc, từ vị trí 23 năm 2018) trong bảng xếp hạng các nền kinh tế tốt nhất thế giới để đầu tư năm 2019; Việt Nam đang có sự ổn định tích cực cả môi trường chính trị và kinh tế vĩ mô, những tiến bộ về duy trì tốc độ tăng trưởng cao GDP (2 năm 2018 và 2019 đều tăng trên 7%), kiểm soát lạm phát, thâm hụt ngân sách, cải thiện dự trữ ngoại hối, nợ xấu và hệ số tín nhiệm quốc gia; năm 2019, cơ sở hạ tầng, chất lượng dịch vụ của ngành vận tải và viễn thông không ngừng được cải tiến và giúp cộng hưởng được cả những động lực tăng trưởng từ xuất khẩu và khai thác tổng cầu thị trường nội địa của nền kinh tế gần 100 triệu dân²⁷. Trên cơ sở phát triển nền kinh tế thì việc xây dựng và phát triển đất nước cần hoàn thiện hệ thống quản lý về doanh nghiệp. Muốn kinh tế phát triển, doanh nghiệp phát triển thì việc xây dựng các thiết chế quản lý là vô cùng cần thiết. Do đó, các quy định về công ty cổ phần cần thiết phải được hoàn thiện đáp ứng với yêu cầu của nền kinh tế ở Việt Nam trong giai đoạn hội nhập.

2.3.3. Trình độ, kỹ thuật lập pháp ở Việt Nam

Nghị quyết số 48-NQ/TW, ngày 24/5/2005 của Bộ Chính trị về “Chiến lược xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật Việt Nam đến năm 2010, định hướng đến năm 2020” là văn kiện chính trị quan trọng của Đảng trong lĩnh vực xây dựng và thi hành pháp luật. Nghị quyết ra đời đã đánh dấu bước phát triển mới trong tư duy lý luận của Đảng ta về việc xây dựng một chiến lược dài hạn, toàn diện với những định hướng và giải pháp lớn, tạo sự phát triển đồng bộ cho công tác xây dựng và thi hành pháp luật. Trong bối cảnh mới hiện nay, trước sự phát triển ngày càng mạnh mẽ của đời sống kinh tế - xã hội, việc đánh giá, nhìn lại những kết quả đạt được trong việc thực hiện các quan điểm, định hướng, mục tiêu, giải pháp của Nghị quyết 48-NQ/TW trong công tác xây dựng pháp luật. Quy định chặt chẽ hơn việc ban hành văn bản quy định chi tiết. Quy định dự thảo văn bản quy định chi tiết phải được chuẩn bị và trình đồng thời với dự án luật và phải được ban hành để có hiệu lực thi hành cùng thời điểm với luật. Văn bản quy phạm pháp luật hết hiệu lực thì văn bản quy phạm pháp luật quy định chi tiết thi hành văn bản đó cũng đồng thời

²⁷<http://lapphap.vn/Pages/tintuc/tinchitiet.aspx?tintucid=210469>

hết hiệu lực; qua đó, góp phần làm cho việc ban hành văn bản quy định chi tiết thi hành luật, pháp lệnh kịp thời hơn, nâng cao hiệu lực thực tế của hệ thống pháp luật, từng bước khắc phục tình trạng nợ đọng văn bản, luật có hiệu lực mà chưa được thực hiện do chưa có văn bản quy định chi tiết.

Hiện nay, các quy định, kỹ thuật về quản lý công ty cổ phần ở Việt Nam đã và đang tạo nền tảng cần thiết cho quá trình áp dụng trong thực tế. Bổ sung kỹ thuật một văn bản sửa nhiều văn bản giúp cho việc sửa đổi, bổ sung các nội dung liên quan đến nhau trong nhiều văn bản được thực hiện dễ dàng và giảm chi phí trong công tác xây dựng pháp luật. Hiện nay, với các quy định của.

2.3.4. Quan điểm lập pháp của Việt Nam

Lập pháp là một trong những chức năng cơ bản của Quốc hội và là hoạt động thực hiện quyền lực nhà nước - quyền lập pháp. Hoạt động lập pháp là hoạt động mang tính sáng tạo, là quá trình nhận thức các quy luật xã hội, đặc biệt là vấn đề lợi ích, xác định tầm quan trọng của các quan hệ xã hội, từ đó xác định phạm vi và phương pháp điều chỉnh đúng đắn đối với chúng. Bài viết trình bày hoạt động lập pháp của Quốc hội thời gian qua và những định hướng tiếp tục đổi mới trong thời gian tới.

Trong những năm qua, Đảng ta luôn quan tâm lãnh đạo việc đẩy mạnh và nâng cao chất lượng hoạt động lập pháp. Các nghị quyết của Đảng, đặc biệt là Nghị quyết 2 và Nghị quyết 8 của Ban chấp hành Trung ương khóa VII “về xây dựng và hoàn thiện Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam” và các báo cáo chính trị của Ban chấp hành Trung ương trình Đại hội Đảng lần thứ VIII, IX, X, XI đã xác lập quan điểm cơ bản làm cơ sở quan trọng để đẩy mạnh hoạt động lập pháp của Quốc hội; phần đầu trong những năm tới dần dần có đủ các đạo luật điều chỉnh các lĩnh vực của đời sống xã hội theo đường lối, quan điểm của Đảng, bảo đảm định hướng xã hội chủ nghĩa, dựa trên cơ sở tổng kết kinh nghiệm thực tiễn Việt Nam, có nghiên cứu tham khảo chọn lọc kinh nghiệm nước ngoài, nhưng không sao chép rập khuôn. Trên tinh thần đó, trong những năm qua, đối với pháp luật doanh nghiệp nói chung và quy định về thành lập và hoạt động công ty cổ phần nói riêng đã và đang

có nhiều thay đổi cụ thể. Thông qua việc kiện toàn pháp luật thì hoạt động nghiêm túc nhận xét và tiếp thu pháp luật nước ngoài vào Việt Nam đã chú trọng. Đồng thời có những thay đổi đáng kể để cho quá trình xây dựng và phát triển thì Việt Nam phù hợp với quy định của pháp luật quốc tế.

2.3.5. Quá trình hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam

Liên kết kinh tế quốc tế tiếp tục được thúc đẩy sâu rộng, trên các tầng nấc, phản ánh cục diện quốc tế trong quá trình điều chỉnh, định hình. Mặc dù gặp nhiều khó khăn, song các nước vẫn đẩy mạnh nỗ lực hợp tác và liên kết kinh tế. Nổi bật là ký kết và thực thi các Hiệp định Thương mại tự do (FTA), xây dựng và thông qua những định hướng dài hạn như Tầm nhìn ASEAN sau năm 2025... Đây là những tiến triển tích cực, phản ánh nhu cầu gia tăng hợp tác, thúc đẩy các “sợi dây liên kết” nhằm bảo đảm sự bền vững của thị trường và các chuỗi cung ứng, ứng phó với các thách thức toàn cầu và phục hồi kinh tế. Khi hội nhập và phát triển kinh tế thì một điều dễ nhận thấy rằng đó là việc các doanh nghiệp có thể có mối quan hệ liên kết cụ thể với nhau thông qua các giao dịch hoặc bắt tay hợp tác. Tuy nhiên, một trong những vướng mắc chính là liệu có sự tương thích hay không tương thích trong quá trình hợp tác. Để có thể thực hiện tốt thì việc kiện toàn pháp luật để tạo hành lang cho quá trình thi hành trên thực tế.

2.4. Nghiên cứu thực tiễn tại Tổng công ty Thủy sản Việt Nam – CTCP (Seaprodex)

2.4.1. Tổng quan sơ lược về Tổng công ty Thủy sản Việt Nam – CTCP (Seaprodex)

Năm 1978, Công ty Xuất Nhập Khẩu Thủy Sản được thành lập, tiền thân của SEAPRODEX, với nhiệm vụ kinh tế là thống nhất các đầu mối, tập trung lực lượng đẩy mạnh xuất khẩu thủy sản trong bối cảnh ngành thủy sản đang vận hành theo cơ chế hành chính bao cấp. Trải qua 36 năm phát triển, SEAPRODEX thay đổi mô hình hoạt động qua từng giai đoạn đổi mới đất nước. Năm 2001, Tổng công ty thực hiện chuyển đổi mô hình “Công ty mẹ - con” theo Quyết định số 243/QĐ/2003/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ. Năm 2010, Tổng công ty chính thức được đổi tên thành

Tổng Công Ty Thủy Sản Việt Nam - Công ty TNHH MTV (SEAPRODEX). Vào ngày 14/03/2011, Tổng Công Ty Thủy Sản Việt Nam được thành lập lại theo quyết định số 456/QĐ-BN nhà nước-ĐM doanh nghiệp của Bộ Nông Nghiệp & Phát Triển Nông Thôn trên cơ sở hợp nhất 03 Tổng Công Ty ngành thủy hải sản là Tổng Công ty Thủy sản Việt Nam - TNHH Một thành viên; Tổng Công ty Thủy sản Hạ Long - TNHH Một thành viên và Tổng Công ty Hải sản Biên Đông - TNHH Một thành viên, hoạt động theo mô hình Công ty mẹ - Công ty con với công ty mẹ là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước sở hữu 100% vốn điều lệ. SEAPRODEX là công ty của Việt Nam đầu tiên đã đăng ký nhãn hiệu với Tổ chức thế giới về Quyền Sở hữu Trí tuệ OMPI - Geneve (Thụy Sĩ). Hiện nay thương hiệu SEAPRODEX đã được đăng ký bảo hộ tại EU, Mỹ, Châu Á và đã trở thành biểu tượng chất lượng cho sản phẩm thủy sản Việt Nam.

Ngành nghề hoạt động kinh doanh: Khai thác và nuôi trồng thủy sản biển, thủy sản nội địa; Sản xuất giống thủy sản; dầu, mỡ động vật, mỡ thực vật; thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản; rượu vang; bia và mạch nha ù men bia; đồ uống không cồn, nước khoáng; sản phẩm từ plastic. Chung, tinh cất và pha chế các loại rượu mạnh; Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại; đóng tàu và cấu kiện nổi; sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải; Xây dựng; bán buôn; bán lẻ thực phẩm, đồ uống, nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh; kinh doanh bất động sản; tư vấn đầu thầu; quảng cáo; nghiên cứu thị trường; thiết kế phương tiện thủy nội địa; cung ứng và quản lý nguồn lao động; đại lý du lịch; dạy nghề; tư vấn đầu tư (trừ tư vấn tài chính, kế toán, pháp lý); dịch vụ hậu cần nghề cá; Vận tải hàng hóa, hành khách; kho bãi và lưu giữ hàng hóa; bốc xếp; dịch vụ lưu trú; nhà hàng và các dịch vụ ăn uống lưu động; Và một số ngành nghề kinh doanh khác theo Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

2.4.2. Về thành lập Tổng công ty Thủy sản Việt Nam – CTCP (Seaprodex)

Tổng công ty thủy sản Việt Nam hình thành và phát triển qua nhiều giai đoạn: Giai đoạn từ năm 1978 đến 1995: Công ty xuất nhập khẩu thủy sản (tiền thân của Tổng công ty thủy sản Việt Nam) được thành lập theo Quyết định số 155/CP ngày 26-6-1978 của Chính phủ. Từ năm 1978 đến 1980, hoạt động xuất nhập khẩu

thủy sản trong cơ chế bao cấp, doanh nghiệp kinh doanh sa sút, đứng trước nguy cơ phá sản. Giai đoạn từ năm 1981 đến 1992, thực hiện cơ chế "tự cân đối, tự trang trải", là thời kỳ "hoàng kim" của Seaprodex, tạo ra sinh khí mới cho hoạt động nuôi trồng, chế biến, xuất khẩu thủy sản và kinh doanh đa dạng. Đồng thời mở ra hình thức đầu tư liên doanh, liên kết với nước ngoài đạt hiệu quả kinh tế cao. Seaprodex góp phần tăng kim ngạch xuất khẩu, tăng ngoại tệ cho Nhà nước, thu hút đầu tư bên ngoài, các khoản nộp ngân sách Nhà nước đều tăng, đời sống cho hàng vạn cán bộ, công nhân, viên chức và hàng triệu ngư dân được cải thiện. Từ năm 1993 đến 1995, thực hiện Nghị định 388 của Chính phủ, các đơn vị thành viên của Seaprodex được thành lập lại và hạch toán độc lập, trực thuộc Bộ Thủy sản. Bộ Thủy sản giao cho Seaprodex theo dõi, tổng hợp tình hình của các đơn vị này báo cáo bộ.

Ngày 14/3/2011 Bộ NN&PTNT có Quyết định số 456/QĐ-BNN-ĐMDN về việc hợp nhất 3 tổng công ty gồm: Tổng công ty Thủy sản Việt Nam, Tổng công ty Thủy sản Hạ Long và Tổng công ty Hải quan Biên Đông thành Tổng công ty Thủy sản Việt Nam – công ty TNHH MTV nay là Tổng công ty Thủy sản Việt Nam.

Ngày 17/10/2014, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 1880/QĐ-TTg về việc phê duyệt phương án cổ phần hóa công ty mẹ - Tổng công ty thủy sản Việt Nam. Theo đó, sơ đồ tổ chức của công ty được thể hiện qua biểu đồ sau:

- **Đại hội đồng cổ đông**
- **Ban kiểm soát**

- **Hội đồng quản trị**
- **Ban giám đốc**
- **Văn phòng hành chính nhân sự**

- **Phòng Tài chính kế toán**

- **Phòng kế hoạch tổng hợp**

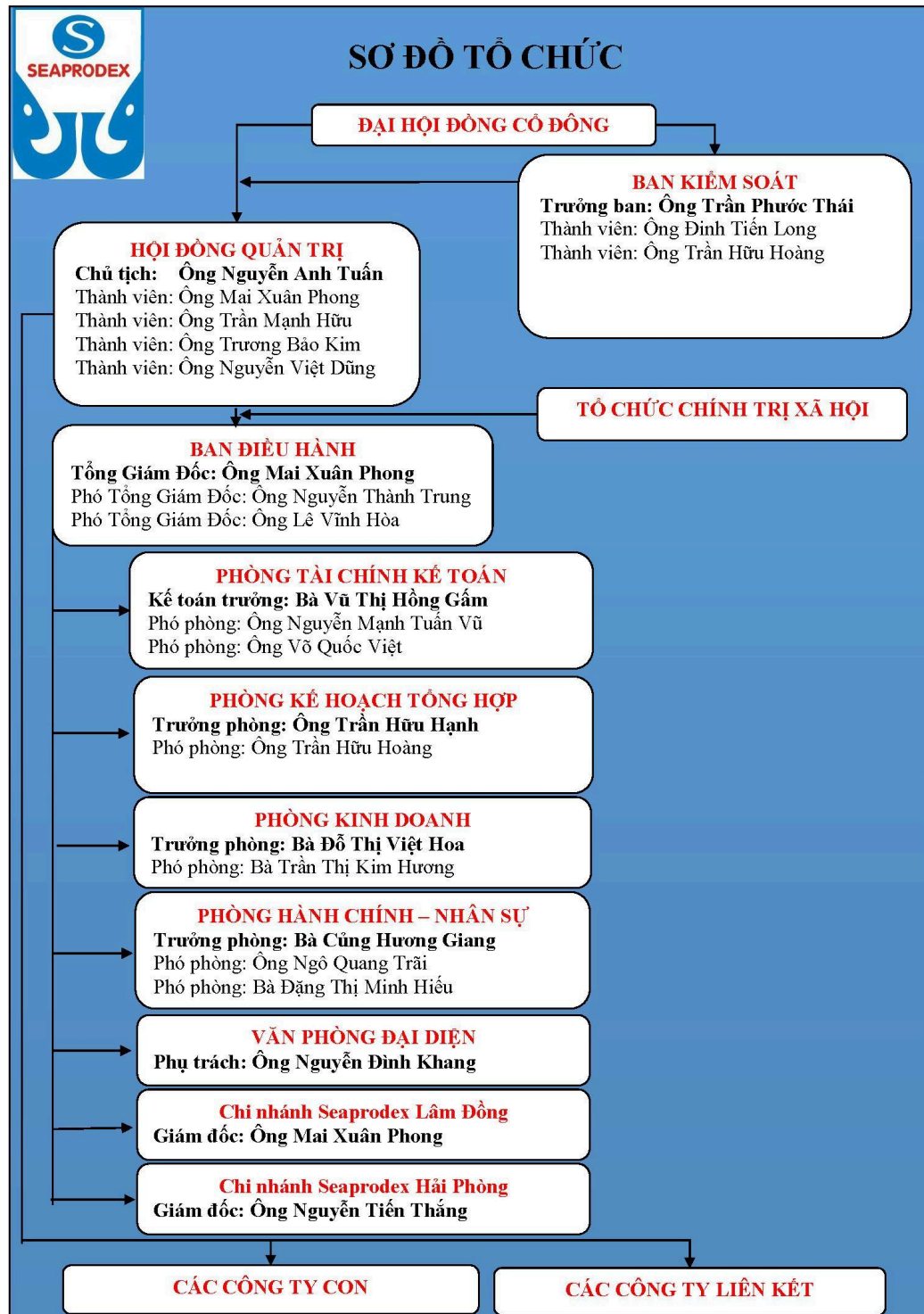
- **Phòng kinh doanh**

- **Các chi nhánh và văn phòng khác**

Hình 2.1. Mô hình quản lý của công ty

(Nguồn: Văn phòng hành chính nhân sự Công ty SeaProdex, 2021)

Hiện mô hình quản lý công ty được duy trì và hoàn chỉnh theo quy định của Luật Doanh nghiệp hiện hành để từ đó đảm bảo cho quá trình áp dụng trong thực tế của doanh nghiệp nói chung.



Hình 2.2.Sơ đồ tổ chức Tổng công ty Thủy sản Việt Nam

(Nguồn: Văn phòng hành chính nhân sự Công ty SeaProDEX, 2021)

2.4.3. Về hoạt động của Tổng công ty Thủy sản Việt Nam – CTCP (Seaprodex)

Tổng công ty thủy sản Việt Nam được thành lập theo Quyết định số 909 ngày 18-11-1995 của Bộ Thủy sản, trên cơ sở tập hợp 17 đơn vị thành viên được Nhà nước (Bộ Tài chính) giao vốn 374 tỷ đồng. Seaprodex Việt Nam được tổ chức và hoạt động theo điều lệ đã được Bộ Thủy sản phê duyệt tại Quyết định 309 ngày 24-2-1996. Đến tháng 7-1997, Bộ Thủy sản giao cho Tổng công ty tiếp nhận thêm 11 đơn vị trực thuộc bộ, nhưng chưa được giao vốn. Lãnh đạo của Tổng công ty thủy sản Việt Nam từ khi thành lập đến nay qua nhiều lớp cán bộ lãnh đạo: Từ tháng 12-1995 đến năm 1998, ông Võ Văn Trác, Chủ tịch Hội đồng quản trị (HĐQT), ông Lê Văn Phát, Tổng giám đốc; từ năm 1998 đến 2000, ông Lê Văn Phát, Chủ tịch HĐQT; từ tháng 11-1998, đến ngày 5-7-2004 ông Nguyễn Đình Phương, Tổng giám đốc (hiện đang bị đình chỉ chức vụ ủy viên HĐQT, Tổng giám đốc); từ năm 2000 đến nay, ông Phạm Mạnh Hoạt, quyền Chủ tịch HĐQT. Tính đến ngày 31/12/2019 thì công ty đang đầu tư vốn tại 24 công ty, trong đó 03 công ty con, 09 công ty liên doanh liên kết và 12 công ty đầu tư dài hạn. Trong đó, vai trò của các tổ chức bộ phận chủ yếu được thực hiện như sau:

Đối với ĐHĐCĐ, có thể nhận thấy, “một trong những đặc điểm của CTCP là quản lý tập trung thông qua cơ cấu Hội đồng. Về nguyên tắc, cơ cấu tổ chức và phân phối quyền lực trong cơ cấu tổ chức là công việc nội bộ của các nhà đầu tư”. Còn theo quy định tại Điều 135 Luật Doanh nghiệp năm 2014, ĐHĐCĐ gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết và đây chính là cơ quan có thẩm quyền quyết định cao nhất của CTCP. Về nguyên tắc, “cổ đông không có quyền biểu quyết thì không được tham dự Đại hội đó là cổ đông ưu đãi cổ tức và cổ đông ưu đãi hoàn lại”[6]. Mặc dù vậy, ĐHĐCĐ lại không thường xuyên hoạt động như HĐQT mà chỉ họp thường niên mỗi năm một lần. Tuy nhiên, trong một số trường hợp nếu xét thấy cần thiết thì ĐHĐCĐ có thể họp bất thường.

Về HĐQT, có ý kiến cho rằng, “HĐQT là cơ quan quyền lực mang tính hạt nhân trong CTCP”. Điều này thể hiện tầm quan trọng và vai trò đặc biệt của HĐQT đối với CTCP. Bởi lẽ, đây chính là cơ quan quản lý của CTCP và là cơ quan có toàn quyền nhân danh công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của CTCP

nếu không thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ[8]. Trên thực tế, HĐQT là cơ quan chịu trách nhiệm duy trì mọi hoạt động của CTCP, nên quyền hạn của cơ quan này rất lớn. Theo quy định hiện nay, HĐQT sẽ có từ 03 đến 11 thành viên và hoạt động trong nhiệm kỳ không quá 05 năm nhưng thành viên có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Do chịu trách nhiệm quản lý điều hành mọi công việc quan trọng của CTCP, nên vai trò, khả năng, trình độ hay đạo đức của từng thành viên HĐQT rất được đề cao. Về nguyên tắc, các thành viên phải đáp ứng khá nhiều tiêu chuẩn và điều kiện để có thể trở thành thành viên của HĐQT. Nhìn chung, nếu các thành viên HĐQT hoạt động cần mẫn và có tinh thần, ý thức trách nhiệm cao với công việc thì công ty và các cổ đông hoặc nhóm cổ đông thiểu số sẽ được hưởng lợi. Ngược lại, nếu như thành viên HĐQT cấu kết với nhau để chuyên quyền, tư lợi thì sẽ gây ảnh hưởng và thiệt hại rất lớn cho công ty cũng như ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của cổ đông hoặc nhóm cổ đông thiểu số. Chính vì vậy, hầu hết các CTCP hiện nay đều quy định sự tham gia của Ban kiểm soát để kiểm tra, giám sát hoạt động của các thành viên HĐQT.

Đối với Ban kiểm soát, có thể khẳng định, “trong các CTCP, đặc biệt là các công ty đại chúng và công ty niêm yết, vai trò của Ban kiểm soát là hết sức quan trọng”. Bởi đây là cơ quan chịu trách nhiệm thường xuyên giám sát mọi hoạt động của HĐQT và các chức danh lãnh đạo khác của CTCP. Về nguyên tắc, “Ban kiểm soát là một cơ quan do ĐHĐCĐ bầu ra, có số lượng từ 03 đến 05 thành viên, trong đó, có ít nhất một thành viên là kế toán viên hoặc kiểm toán viên”. Nhiệm vụ, quyền hạn chủ yếu của Ban kiểm soát chính là thực hiện các công việc liên quan đến việc giám sát hoạt động của HĐQT, Giám đốc/Tổng giám đốc trong việc quản lý và điều hành của CTCP. Chính vì vậy, Ban kiểm soát phải được quyền tiếp cận mọi thông tin liên quan đến hoạt động của các chủ thể trên.

Đối với các chức danh Giám đốc/Tổng giám đốc, về nguyên tắc, Giám đốc/Tổng giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của CTCP và chịu sự giám sát cũng như chịu trách nhiệm trước HĐQT. Luật Doanh nghiệp năm 2014 cho phép HĐQT được quyền bổ nhiệm một thành viên trong số họ hoặc thuê người khác làm Giám đốc/Tổng giám đốc của CTCP. Ngoài ra, “Chủ tịch

HĐQT có thể kiêm nhiệm Giám đốc (Tổng giám đốc) công ty”. Nhiệm kỳ của Giám đốc/Tổng giám đốc sẽ là 05 năm nhưng tương tự thành viên của HĐQT, Giám đốc/Tổng giám đốc có thể được bổ nhiệm lại và không bị hạn chế về số nhiệm kỳ. Về cơ bản, nhiệm vụ và quyền hạn của Giám đốc/Tổng giám đốc liên quan đến việc quyết định công việc kinh doanh hằng ngày của CTCP mà các công việc đó không cần phải có quyết định của HĐQT.

Tình hình hoạt động của doanh nghiệp theo bảng số liệu sau:

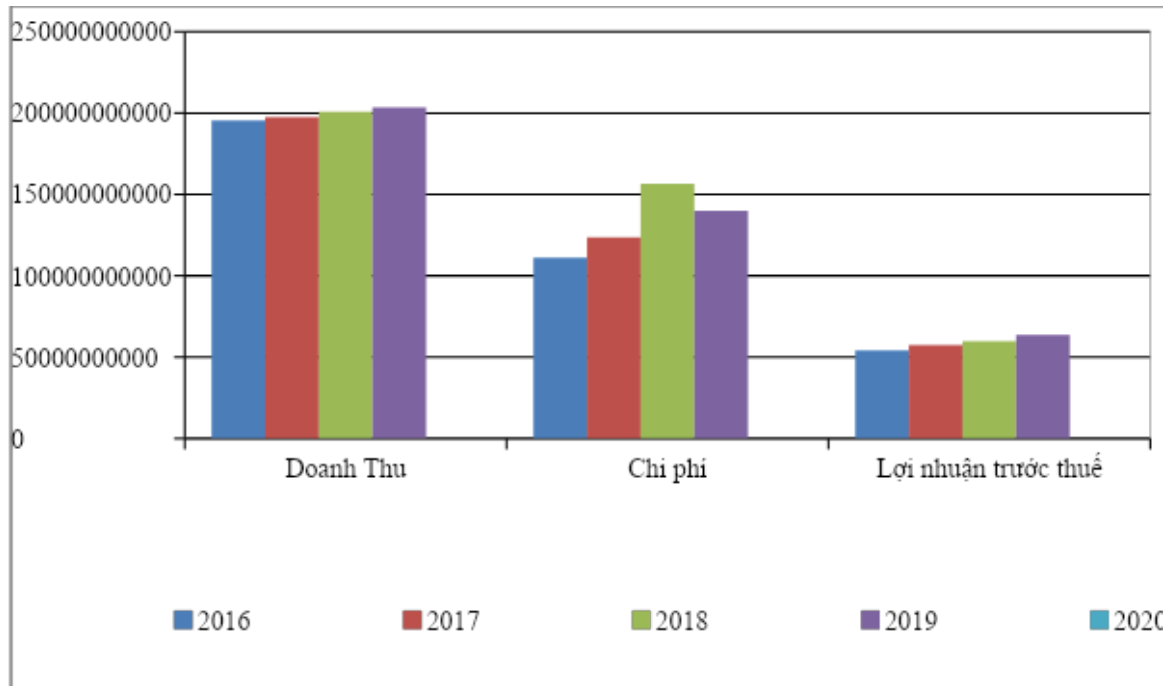
Bảng 2.1. Doanh thu của công ty mẹ SEAPRODEX từ 2016-2019²⁸

Đơn vị: Tỷ đồng

ST T	2016	2017	2018	2019
Do anh Thu	195.312.41 2.032	197.411.53 1.001	200.657.43 3.454	203.337.42 4.038
Ch i phí	111.231.12 1.811	123.734.41 2.243	156.563.76 4.876	139.781.61 7.806
Lợ i nhuận trước thuế	54.125.806 .232	57.523.324 .142	59.875.760 .755	63.555.806 .232

(Nguồn: Báo cáo hoạt động kinh doanh của Công ty SeaProdex, giai đoạn 2016-2019)

²⁸Báo cáo tài chính SEAPRODEX giai đoạn từ 2016-2019



Biểu đồ 2.3. Doanh thu của công ty mẹ SEAPRODEX từ 2016-2019

(Nguồn: Báo cáo hoạt động kinh doanh của Công ty SeaProdex, giai đoạn 2016-2019)

Tồn tại về tài chính khi Nhà nước giao vốn cho Tổng công ty (năm 1995): nợ khó đòi 76,541 tỷ đồng; nợ đến hạn không có khả năng thanh toán: 24,600 tỷ đồng; lỗ lũy kế: 26,938 tỷ đồng; tài sản kém phẩm chất: 9,912 tỷ đồng. Tồn tại về tài chính đến ngày 31-12-1998: nợ khó đòi: 102 tỷ đồng; nợ đến hạn không có khả năng thanh toán: 168 tỷ đồng; lỗ lũy kế: 85 tỷ đồng; tài sản kém phẩm chất: 6,8 tỷ đồng. Có bảy đơn vị thành viên có tồn tại lớn về tài chính (thuộc diện phá sản, giải thể) gồm: Công ty nuôi trồng thủy sản, Công ty vận tải biển và xuất nhập khẩu thủy sản Hà Nội; Công ty cung ứng vật tư và dịch vụ nuôi tôm xuất khẩu; Công ty cơ khí II Đà Nẵng; Công ty khai thác đặc sản biển; Công ty nuôi trồng thủy sản trung ương; Công ty thủy sản Khu vực II Đà Nẵng.

Về tình hình tài chính của 11 đơn vị thành viên gia nhập Tổng công ty năm 1997: Tổng số vốn xác định là: 26.069.431.418 đồng (Bộ Tài chính chưa giao và Tổng công ty cũng chưa được nhận vốn); lỗ lũy kế (đến 31-12-1998) là: 16.405.405.343 đồng.

2.5. Đánh giá thực trạng pháp luật về thành lập và hoạt động của công ty cổ phần tại Việt Nam

2.5.1. Thành công

Trong những năm gần đây, lượng doanh nghiệp nói chung và công ty cổ phần nói riêng thành lập mới ngày càng tăng và trở thành yếu tố quan trọng trong quá trình phát triển của nền kinh tế ở Việt Nam trong giai đoạn mới. Các quy định pháp luật về thành lập và hoạt động của công ty cổ phần ngày càng hoàn thiện hơn, thể hiện ở một số điểm như sau:

Thứ nhất, các quy định pháp luật về thành lập CTCP đã đơn giản, thông thoáng hơn và áp dụng có hiệu quả trong thực tiễn, việc thực hiện thủ tục đăng ký kinh doanh, thành lập CTCP trực tuyến đã giúp nhà đầu tư không phải đến trực tiếp cơ quan đăng ký kinh doanh vừa tiết kiệm thời gian, công sức, chi phí lại vừa giải quyết tình trạng quá tải tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Bên cạnh đó, quy định về cơ cấu tổ chức cũng như hoạt động của CTCP đã tương đối đầy đủ, cụ thể để các CTCP lựa chọn và áp dụng hiệu quả trên thực tiễn.

Thứ hai, các cơ quan nhà nước quản lý về thành lập và hoạt động công ty cổ phần nói chung đã ban hành chủ trương trong tổng thể phát triển kinh tế - xã hội trong giai đoạn mới. Thông qua công tác này tạo sự thống nhất về ý chí và hành động trong toàn Đảng, toàn dân và toàn quân; tăng cường hoạt động trong thực tiễn thi hành pháp luật doanh nghiệp ở nước ta trong thời kỳ mới – hội nhập và phát triển.

Thứ ba, các nghị quyết, chỉ thị của Đảng bộ pháp luật thành lập và hoạt động công ty cổ phần cũng như các nội dung có liên quan được tổ chức triển khai thực hiện kịp thời, sâu rộng trong công tác quản lý về doanh nghiệp. Việc triển khai các chủ trương nói chung là điều kiện quan trọng trong quá trình quản lý Nhà nước về thành lập và hoạt động công ty cổ phần tạo điều kiện để định hướng phát triển cho hoạt động trong thực tế.

Thứ tư, cùng với sự ra đời và áp dụng vào thực tiễn pháp luật thành lập và hoạt động công ty cổ phần thì cùng với đó đã hình thành các cơ quan Nhà nước về

quản lý và thực thi pháp luật về lĩnh vực này. Sở kế hoạch đầu tư các địa phương là cơ quan có chức năng quản lý và báo cáo tình hình lên cơ quan cấp trên. Sự ra đời của các cơ quan chuyên trách nói trên đã góp phần quan trọng trong việc đưa các văn bản pháp luật thành lập và hoạt động công ty cổ phần áp dụng vào hoàn cảnh thực tiễn tại pháp luật thành lập và hoạt động công ty cổ phần nói riêng và cả nước nói chung trong thời gian qua. Đồng thời, nhằm kết nối các thông tin của cơ quan Nhà nước với cá nhân, tổ chức để có sự thông tin hai chiều thì Sở Kế hoạch đầu tư đã xây dựng hệ thống cổng thông tin điện tử, trong đó đã có mục rõ ràng về các vấn đề này.

Thứ năm, những buổi tọa đàm về pháp luật Thành lập và hoạt động công ty cổ phần nói chung đã được các cơ quan và ban ngành triển khai là kênh cung cấp thông tin cho các cá nhân, tổ chức, doanh nghiệp nhằm tiếp cận và hiểu rõ với hệ thống pháp luật của quốc gia về lĩnh vực này. Qua đó, trang bị cho các chủ thể những kiến thức cần thiết về thông tin về pháp luật, thực tiễn phù hợp với chiến lược phát triển ở nước ta trong giai đoạn mới. Xây dựng và phát triển đội ngũ cán bộ được đào tạo cơ bản, có tâm huyết, nhiệt tình. Ngoài ra, thông qua công tác thực hiện thì đã phát hiện những sơ hở thiếu sót trong hệ thống pháp luật, cơ chế chính sách, quản lý điều hành và tham mưu cho Lãnh đạo các cấp báo cáo Quốc hội, Chính phủ, các bộ, ngành từng bước xây dựng và hoàn thiện pháp luật, cơ chế chính sách, quản lý điều hành phục vụ ngày càng hiệu quả cho công tác Thành lập và hoạt động công ty cổ phần.

Thứ sáu, qua việc thực hiện chức năng nhiệm vụ, lực lượng quản lý Nhà nước về thành lập và hoạt động công ty cổ phần đã hình thành được mối quan hệ phối hợp với các ban ngành hữu quan. Có cơ chế phối hợp quan trọng nhằm quản lý và thực hiện có hiệu quả tình hình thành lập và hoạt động công ty cổ phần nói chung trong thời gian qua. Triển khai nhiều nội dung phối hợp có hiệu quả, nhất là hoạt động thanh tra, kiểm tra và xử lý vi phạm pháp luật thành lập và hoạt động công ty cổ phần có sự tham gia của cả nhiều lực lượng có liên quan nhằm xử lý các hành vi vi phạm pháp luật trong pháp luật thành lập và hoạt động công ty cổ phần trong thời gian qua.

2.5.2. Hạn chế

Các quy định pháp luật về DN nói chung và CTCP nói riêng không ngừng sửa đổi, hoàn thiện để phù hợp với tình hình mới góp phần trong việc tạo hành lang pháp lý an toàn, thông thoáng đối với việc thành lập, tổ chức và hoạt động của doanh nghiệp, cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh ở nước ta hiện nay. Tuy nhiên, vẫn còn một số vấn đề bất cập, hạn chế như:

Thứ nhất, về quy định đối với Ban kiểm soát, với những quyền và nghĩa vụ quy định tại Luật doanh nghiệp thì công việc của Ban kiểm soát trong một doanh nghiệp là rất lớn. Pháp luật có quy định Kiểm soát viên không phải là người quản lý công ty; không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của công ty, trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác nhưng thực tế thì hầu hết các kiểm soát viên làm việc kiêm nhiệm tại công ty. Bên cạnh đó, tiền lương, thù lao cũng như các lợi ích khác của Kiểm soát viên do công ty chi trả nên khó mà để Ban kiểm soát thực hiện được đúng chức năng của mình là giám sát Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc trong việc quản lý và điều hành công ty.

Thứ hai, theo quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 167 Luật doanh nghiệp năm 2020 thì hợp đồng, giao dịch giữa công ty với Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức sở hữu trên 10% tổng số cổ phần phổ thông của công ty và người có liên quan của họ phải được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận. Tuy nhiên, có những trường hợp do tính cấp thiết của hợp đồng, giao dịch mà nếu đợi triệu tập được cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị thì sẽ không thể thực hiện, từ đó đã làm mất đi một khoản lợi nhuận đáng kể, làm giảm tính hiệu quả của quá trình kinh doanh.

Thứ ba, thực tế cho thấy, quyền lợi của cổ đông thiểu số chưa được bảo vệ hiệu quả là do từ nhiều nguyên nhân khác như việc không nắm rõ các quyền của mình, tâm lý phó thác cho cổ đông lớn và thiếu động lực đấu tranh cho quyền lợi của chính các cổ đông thiểu số. Đồng thời, các cổ đông lớn có khuynh hướng thao túng việc quản trị, điều hành công ty, cũng như lạm dụng quyền cổ đông, thành viên lớn để loại bỏ hoặc ngăn cản thực hiện quyền của cổ đông thiểu số. Bên cạnh

đó, các quy định của pháp luật hiện hành chưa tạo những điều kiện thuận lợi nhất để cổ đông thực hiện quyền khởi kiện này của mình, trình tự thủ tục khởi kiện còn nhiều phức tạp, tốn kém rất nhiều về thời gian và tiền bạc của các cổ đông thiểu số khi họ phát hiện những sai sót, gian lận trong quá trình điều hành của các cấp quản lý công ty đều có quyền khởi kiện. Ngoài ra, các quy định pháp luật về quyền của cổ đông trong công ty cổ phần chưa được thực hiện một cách đầy đủ và nghiêm túc, chưa có nghị định hướng dẫn thi hành Luật Doanh nghiệp năm 2020 về việc bỏ phiếu từ xa đối với các cổ đông. Do vậy, xảy ra tình trạng nhiều công ty cổ phần tiến hành đại hội đồng cổ đông ở những nơi xa xôi, điều kiện đi lại khó khăn, thủ tục ủy quyền phức tạp nhằm hạn chế sự tham gia của các cổ đông thiểu số.

Thứ tư, hiện nay, yêu cầu về công khai và minh bạch hóa thông tin đối với doanh nghiệp nói chung còn yếu, chưa thật đầy đủ và tương thích với thông lệ quốc tế; chưa có cơ chế kiểm tra và giám sát hiệu quả chất lượng của các thông tin được công bố. Bên cạnh đó, các quy định của pháp luật về công khai, minh bạch hóa thông tin trong còn mang tính hình thức, sơ sài. Các quy định của pháp luật cũng cho thấy sự hạn chế rất lớn trong cơ chế kiểm tra và giám sát các thông tin công bố ra ngoài của các công ty cổ phần gây ra rất nhiều thiệt hại cho thị trường, cho các cổ đông, cho các nhà đầu tư và cho tất cả các bên liên quan.

Thứ năm, khoản 5 Điều 167 Luật Doanh nghiệp năm 2020 quy định: “Hợp đồng, giao dịch bị vô hiệu theo quyết định của Tòa án và xử lý theo quy định của pháp luật khi được ký kết không đúng với quy định tại Điều này; người ký kết hợp đồng, giao dịch, cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị hoặc Giám đốc hoặc Tổng giám đốc có liên quan phải liên đới bồi thường thiệt hại phát sinh, hoàn trả cho công ty khoản lợi thu được từ việc thực hiện hợp đồng, giao dịch đó.” Theo quy định trên thì cổ đông chỉ có thể yêu cầu bồi thường thiệt hại nếu hợp đồng, giao dịch được thực hiện không đúng với quy định của pháp luật, hay nói cách khác là có yếu tố phạm tội hoặc cố ý gây thiệt hại. Hơn nữa, cổ đông chỉ có thể yêu cầu người quản lý có liên quan phải chịu trách nhiệm bồi thường nếu có thiệt hại phát sinh, các thành viên khác không phải chịu trách nhiệm liên đới. Điều này cũng chưa phù hợp với nguyên tắc quản trị doanh nghiệp tốt (nguyên tắc là người quản lý doanh

ng nghiệp/doanh nghiệp phải làm việc/hoạt động vì lợi ích cao nhất của cổ đông, quyền lợi của cổ đông cũng cần phải được bảo vệ ở mức cao nhất).

2.5.3. Nguyên nhân

Nguyên nhân đầu tiên: Hệ thống các quy định pháp luật về thành lập và hoạt động công ty cổ phần chưa thật sự chặt chẽ và hoàn thiện. Đó là do xã hội không ngừng phát triển nên đôi khi các quy định pháp luật được ban hành còn chưa theo kịp. Các chế tài chỉ dừng ở mức xử phạt mà chưa mang tính chất răn đe, giáo dục.

Nguyên nhân thứ hai: Việc đăng ký doanh nghiệp trực tuyến tương đối phức tạp, để sử dụng công cụ trực tuyến để đăng ký doanh nghiệp thì nhà đầu tư phải đọc toàn bộ Hướng dẫn quy trình đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử và phải nắm luật, phải biết điền chọn đúng ngành nghề trong hệ thống ngành nghề kinh doanh... Điều này khiến cho người dân lúng túng và không thực hiện được gây lãng phí nguồn lực và không đạt được những hiệu quả như kỳ vọng.

Nguyên nhân thứ ba: Hoạt động kiểm tra, kiểm sát việc thi hành pháp luật về thành lập và hoạt động công ty cổ phần nói chung trong thực tế chưa được quan tâm đúng mực và còn nhiều hạn chế, thiếu sót. Ở một số cơ quan có liên quan như các đơn vị trực thuộc chưa thực hiện tốt chức năng kiểm tra, giám sát để từ đó tiến hành xử lý các hành vi vi phạm một cách có hiệu quả. Nhìn chung, đội ngũ cán bộ làm công tác kiểm tra, giám sát còn thiếu, chưa đáp ứng yêu cầu. Từ việc chưa thực sự quan tâm của lãnh đạo, đến việc đào tạo, bồi dưỡng các cán bộ chuyên trách còn mang tính chất hình thức, thiếu nhiệt tình trong công việc nên dẫn đến tình trạng công tác tại một số địa phương còn qua quýt, sơ sài hoặc kết thúc quá trình kiểm tra thì chưa tiến hành lại công tác phúc tra lại các lỗi vi phạm từ đó ảnh hưởng đến quá trình khắc phục những vi phạm của đơn vị được kiểm tra, làm giảm hiệu quả công tác thi hành pháp luật về bảo vệ môi trường cũng như xử lý các hành vi vi phạm thành lập và hoạt động công ty cổ phần trong thực tế chưa đạt hiệu quả cao.

Vì vậy, trong nền kinh tế thị trường hiện nay thì phát triển và hội nhập quốc tế thì những quy định về hoạt động này đã tạo nền tảng cơ sở cho sự chủ động của hộ kinh doanh tiến hành các hoạt động trong thực tiễn cũng như nâng cao vai trò

quản lý Nhà nước về vấn đề này trong thực tế. Hy vọng, việc ban hành những quy định về thành lập và hoạt động công ty cổ phần tạo cơ sở nhằm quản lý chặt chẽ các hộ kinh doanh một cách chính xác hơn, giúp Việt Nam trong tiến trình hội nhập và phát triển đất nước. Việc thi hành quy định thành lập và hoạt động công ty cổ phần đã đạt được những kết quả khả quan, đem lại lợi ích cho xã hội nói chung và cho cộng đồng nói riêng. Tuy nhiên, vẫn còn tồn tại những hạn chế và bất cập trong công tác này trong thực tế. Các quy định của pháp luật trong lĩnh vực này chưa được cấp có thẩm quyền triển khai kịp thời cho các xã, phường, thị trấn. Ở một số địa phương, sự phối hợp giữa các cơ quan có thẩm quyền như ủy ban nhân dân các cấp, các đơn vị chưa thực sự đạt hiệu quả; công tác quản lý còn lỏng lẻo, chưa thực sự quan tâm tới công tác tuyên truyền và phổ biến pháp luật đến quần chúng nhân dân. Nguyên nhân là do hệ thống các quy định pháp luật về thành lập và hoạt động công ty cổ phần chưa thật sự chặt chẽ và hoàn thiện; chưa có sự phối hợp, kết hợp chặt chẽ giữa các cơ quan, tổ chức còn chưa được quan tâm đúng mực và còn nhiều hạn chế, thiếu sót. Chương 3 dưới đây tác giả sẽ đưa ra số phương hướng và giải pháp nâng cao hiệu quả thành lập và hoạt động công ty cổ phần trong thời gian tới.

CHƯƠNG 3: GIẢI PHÁP NHẪM HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT VỀ THÀNH LẬP VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN TẠI VIỆT NAM

3.1. Định hướng chung nhằm tiếp tục hoàn thiện pháp luật về thành lập và hoạt động của Công ty cổ phần

3.1.1. Xu hướng hoàn thiện

Cùng với công cuộc đổi mới đất nước và hội nhập kinh tế quốc tế, pháp Luật Doanh nghiệp nói chung và quy định về CTCP nói riêng ngày càng được hoàn thiện, nhất là kể từ khi Luật Doanh nghiệp 2014 đã thi hành nhiều năm và được Luật doanh nghiệp 2020 được ban hành về cơ bản đã tạo điều kiện thuận lợi cho các nhà kinh doanh gia nhập và thực hiện các hoạt động kinh doanh trên thị trường với các nguyên tắc tổ chức và hoạt động ngày càng tương thích với thông lệ quốc tế cũng như pháp luật của các quốc gia có nền kinh tế phát triển trên thế giới. Việc hoàn thiện pháp luật về CTCP ở Việt Nam trong giai đoạn hiện nay xuất phát từ những lý do sau:

* Hoàn thiện pháp luật về CTCP nhằm bảo vệ quyền lợi của nhà đầu tư

Bảo vệ quyền lợi chính đáng cho các nhà đầu tư là một yếu tố quan trọng cho sự phát triển của nền kinh tế. Các công trình nghiên cứu của các nhà nghiên cứu trên thế giới đã chứng minh được mối quan hệ nhân quả rõ ràng giữa mức độ bảo vệ nhà đầu tư và sự phát triển của thị trường tài chính. Đối với các nhà đầu tư, nhất là nhà đầu tư nước ngoài, yếu tố ổn định về chính trị và khả năng được bảo vệ bằng các công cụ pháp luật là vấn đề luôn được quan tâm. Rõ ràng, không một nhà đầu tư nào mạo hiểm tiến hành đầu tư kinh doanh ở những quốc gia mà quyền và lợi ích của họ không được bảo vệ. Kinh nghiệm của các quốc gia Nhật Bản, Singapo và Thái Lan... cho thấy việc bảo vệ cổ đông, bảo vệ các nhà đầu tư là một yếu tố quan trọng cho sự phát triển của thị trường vốn của một quốc gia. Khi nhà đầu tư được bảo vệ thì quy mô đầu tư cũng được tăng lên bởi họ sẽ tin tưởng để đầu tư vốn kinh doanh. Vì vậy, việc hoàn thiện các quy định của pháp luật trong đó có hoàn thiện các quy định nhằm đảm bảo quyền lợi của nhà đầu tư là việc làm cần thiết.

* Hoàn thiện pháp luật về CTCP nhằm khắc phục những hạn chế, bất cập của Luật Doanh nghiệp 2014 về CTCP. Mặc dù các quy định của pháp luật Việt Nam về CTCP quy định trong Luật Doanh nghiệp 2020 cần dần hướng tới chuẩn mực chung của các quốc gia trên thế giới, song bên cạnh những mặt đạt được, vẫn còn nhiều hạn chế, bất cập, nhiều quy định còn chung chung, dẫn đến khó khăn trong việc áp dụng trên thực tế, giữa các văn bản còn mâu thuẫn với nhau khi cùng quy định về một vấn đề... (đã được phân tích ở chương 2 Luận văn). Cùng với đó, nhận thức và hiểu biết của các nhà đầu tư liên quan đến tổ chức hoạt động của công ty, nhất là CTCP chưa cao, các cổ đông chưa biết vận dụng những quyền năng pháp luật trao cho để bảo vệ lợi ích hợp pháp của mình... Vì vậy, pháp luật về CTCP ở Việt Nam, ngoài những điểm tương thích với pháp luật một số nước trên thế giới, cần có sự thay đổi để điều chỉnh tốt hơn hoạt động này trong tương lai, tạo môi trường kinh doanh lành mạnh, thu hút không chỉ nhà đầu tư trong nước mà cả những nhà đầu tư đến từ các quốc gia phát triển trên thế giới. Thực tế cho thấy, pháp luật về doanh nghiệp nói chung và CTCP nói riêng của các quốc gia trên thế giới thường xuyên được sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với thực tiễn hoạt động kinh doanh. Vì vậy, việc sửa đổi, bổ sung khắc phục những hạn chế, thiếu sót trên cơ sở học hỏi kinh nghiệm của các quốc gia trên thế giới nhằm tạo ra một môi trường pháp lý cần thiết để khuyến khích và thu hút đầu tư, nhất là đầu tư nước ngoài vào Việt Nam là việc làm cần thiết.

* Hoàn thiện pháp luật về CTCP nhằm đáp ứng yêu cầu của hội nhập kinh tế quốc tế.

Hội nhập kinh tế quốc tế là xu thế tất yếu của các quốc gia trên thế giới trong giai đoạn hiện nay. Tuy nhiên, bên cạnh những mặt tích cực đem lại, hội nhập kinh tế quốc tế cũng chứa đựng những mặt trái của nó... Ngoài việc thúc đẩy sự phát triển và xã hội hóa lực lượng sản xuất, tăng trưởng kinh tế nói chung; làm tăng thêm sự tác động và thúc đẩy lẫn nhau của các nền kinh tế; thúc đẩy quá trình cạnh tranh đối với mỗi nước và với từng doanh nghiệp trên thương trường, đòi hỏi phải cải tiến kỹ thuật, tăng năng suất lao động, tăng hiệu quả sản xuất, kinh doanh; mở ra những địa bàn và thị trường mới, những đối tác mới cho tất cả các nước, hội nhập kinh tế

quốc tế đòi hỏi các quốc gia phải chấp nhận xóa bỏ toàn bộ hay một phần các rào cản thuế quan về thương mại, đầu tư trong phạm vi lãnh thổ của nước mình để hàng hóa, dịch vụ, vốn đầu tư của nước ngoài có thể được dễ dàng trao đổi và thực hiện tại nước mình. Theo lộ trình, Việt Nam phải từng bước mở cửa thị trường, cho phép nhà đầu tư nước ngoài được kinh doanh, được thành lập công ty, góp vốn, mua cổ phần của các công ty Việt Nam trong hầu hết các lĩnh vực của nền kinh tế. Cùng với đó, hội nhập kinh tế quốc tế đặt ra cho Việt Nam phải thực thi nghiêm chỉnh các cam kết quốc tế, nhất là các qui định của Tổ chức thương mại thế giới (WTO). Pháp luật của chúng ta, nhất là pháp luật kinh doanh nói chung và pháp luật về CTCP nói riêng đòi hỏi phải được xây dựng gần hơn với pháp luật của các nền kinh tế phát triển và các thông lệ chung trên thế giới, tạo cơ sở pháp lý vững chắc cho hoạt động đầu tư kinh doanh của các nhà đầu tư khi gia nhập thị trường.

3.1.2. Định hướng, quan điểm của Đảng

Sau gần ba mươi năm tiến hành sự nghiệp đổi mới, dưới sự lãnh đạo của Đảng, công tác xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật đã có những tiến bộ quan trọng. Quy trình ban hành các thủ tục thành lập CTCP được đổi mới. Nhiều luật, nghị định, thông tư được ban hành đã tạo khuôn khổ pháp lý ngày càng hoàn chỉnh hơn để Nhà nước quản lý kinh tế bằng pháp luật. Nguyên tắc pháp quyền xã hội chủ nghĩa từng bước được đề cao và phát huy trên thực tế. Công tác phổ biến và giáo dục pháp luật được tăng cường đáng kể. Những tiến bộ đó đã góp phần thể chế hoá đường lối của Đảng, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý điều hành của Nhà nước, đẩy mạnh phát triển kinh tế, giữ vững ổn định chính trị - xã hội của đất nước.

Tuy nhiên, nhìn chung hệ thống pháp luật nước ta vẫn chưa đồng bộ, thiếu thống nhất, tính khả thi thấp, chậm đi vào cuộc sống. Cơ chế xây dựng, sửa đổi pháp luật còn nhiều bất hợp lý và chưa được coi trọng đổi mới, hoàn thiện. Tiến độ xây dựng luật và pháp lệnh còn chậm, chất lượng các văn bản pháp luật chưa cao. Việc nghiên cứu và tổ chức thực hiện các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên chưa được quan tâm đầy đủ. Hiệu quả công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật còn hạn chế. Thiết chế bảo đảm thi hành pháp luật còn thiếu và yếu.

Nguyên nhân của những yếu kém nêu trên là do chưa hoạch định được một chương trình xây dựng pháp luật toàn diện, tổng thể, có tầm nhìn chiến lược; việc đào tạo, nâng cao trình độ cán bộ pháp luật và công tác nghiên cứu lý luận về pháp luật chưa theo kịp đòi hỏi của thực tiễn; việc tổ chức thi hành pháp luật còn thiếu chặt chẽ; ý thức pháp luật của một bộ phận không nhỏ cán bộ, công chức và nhân dân còn nhiều hạn chế. Đại hội VI đã khẳng định cần phải đổi mới tư duy lý luận, trước hết là tư duy kinh tế; hai là, đổi mới cơ cấu kinh tế; ba là, đổi mới cơ chế quản lý; bốn là, đổi mới nội dung phương thức lãnh đạo của Đảng trên cơ sở nhận thức rõ hơn về thời kỳ quá độ, đặc điểm, hoàn cảnh đất nước; năm là, đổi mới quan hệ đối ngoại. Trên lĩnh vực kinh tế, Đảng ta đề ra chủ trương đổi mới cơ cấu kinh tế, thừa nhận sự tồn tại của nhiều thành phần kinh tế. Thực hiện ba chương trình kinh tế lớn: lương thực-thực phẩm, hàng tiêu dùng và hàng xuất khẩu.

Tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI của Đảng (năm 1986), Đảng Cộng sản Việt Nam đã khẳng định đường lối đổi mới, xác định “nền kinh tế có nhiều thành phần là một đặc trưng của thời kỳ quá độ”, chỉ rõ 6 thành phần kinh tế: kinh tế quốc doanh, kinh tế tập thể, kinh tế gia đình, kinh tế tiểu sản xuất hàng hóa, kinh tế tư bản tư nhân, kinh tế tư bản nhà nước; đồng thời khẳng định “Cần sửa đổi, bổ sung và công bố rộng rãi chính sách nhất quán đối với các thành phần kinh tế... Xóa bỏ những thành kiến lệch lạc...”.

Tiếp tục tư tưởng của Đại hội VI, Đại hội VII của Đảng (năm 1991) đưa ra quan điểm rõ ràng hơn về việc khuyến khích và tạo điều kiện cho kinh tế tư nhân phát triển. Đại hội nêu rõ: “Kinh tế tư nhân được phát triển, đặc biệt trong lĩnh vực sản xuất, theo sự quản lý, hướng dẫn của Nhà nước, trong đó, kinh tế cá thể và tiểu chủ có phạm vi hoạt động tương đối rộng ở những nơi chưa có điều kiện tổ chức kinh tế tập thể, hướng kinh tế tư bản tư nhân phát triển theo con đường tư bản nhà nước dưới nhiều hình thức” và “Mọi người được tự do kinh doanh theo pháp luật, được bảo hộ quyền sở hữu và thu nhập hợp pháp”. Đại hội VII cũng khẳng định: “Kinh tế tư bản tư nhân được phát triển không hạn chế về quy mô và địa bàn hoạt động trong những ngành, nghề mà luật pháp không cấm”.

Đại hội lần thứ VIII của Đảng (năm 1996) quyết định “kinh tế nhà nước đóng vai trò chủ đạo, cùng với kinh tế hợp tác xã dần dần trở thành nền tảng. Tạo điều kiện kinh tế và pháp lý thuận lợi để các nhà kinh doanh tư nhân yên tâm đầu tư làm ăn lâu dài”.

Đại hội IX của Đảng (năm 2001) khẳng định: “Kinh tế thị trường định hướng XHCN có nhiều hình thức sở hữu, nhiều thành phần kinh tế, trong đó, kinh tế nhà nước giữ vai trò chủ đạo; kinh tế nhà nước cùng với kinh tế tập thể ngày càng trở thành nền tảng vững chắc”. Đại hội quyết định “Khuyến khích phát triển kinh tế tư bản tư nhân rộng rãi trong những ngành, nghề sản xuất, kinh doanh mà pháp luật không cấm. Tạo môi trường kinh doanh thuận lợi về chính sách, pháp lý để kinh tế tư bản tư nhân phát triển trên những định hướng ưu tiên của Nhà nước, kể cả đầu tư ra nước ngoài; khuyến khích chuyển thành doanh nghiệp cổ phần, bán cổ phần cho người lao động, liên doanh, liên kết với nhau, với kinh tế tập thể và kinh tế nhà nước. xây dựng quan hệ tốt giữa chủ doanh nghiệp và người lao động”.

Cụ thể hóa quan điểm của Đại hội IX, Hội nghị lần thứ năm ban Chấp hành Trung ương khóa IX (năm 2002) thông qua Nghị quyết “Về tiếp tục đổi mới cơ chế, chính sách, khuyến khích, tạo điều kiện phát triển kinh tế tư nhân”. Đây là lần đầu tiên kể từ khi Đổi mới, Trung ương có một nghị quyết chuyên đề về kinh tế tư nhân. Trên cơ sở nhận định về thực trạng kinh tế tư nhân, Nghị quyết Hội nghị Trung ương 5 khóa IX thống nhất chủ trương và đề ra các giải pháp cụ thể nhằm tạo môi trường kinh doanh thuận lợi về chính sách, pháp lý và tâm lý xã hội để các doanh nghiệp của tư nhân phát triển rộng rãi trong những ngành, nghề sản xuất, kinh doanh mà pháp luật không cấm, không hạn chế về quy mô, nhất là trên những định hướng ưu tiên của Nhà nước.

Tại Đại hội X (năm 2006), Đảng ta có những khẳng định mới về vai trò của kinh tế tư nhân khi coi kinh tế tư nhân là bộ phận cấu thành không thể thiếu, có vị trí quan trọng đặc biệt và ý nghĩa chiến lược trong nền kinh tế thị trường định

hướng XHCN; đồng thời, khuyến khích thành phần kinh tế này phát triển mạnh mẽ hơn nữa trong những năm tiếp theo của công cuộc đổi mới đất nước.

Đại hội XI của Đảng (năm 2011) tiếp tục xác định phải hoàn thiện cơ chế, chính sách để phát triển mạnh kinh tế tư nhân trở thành một trong những động lực của nền kinh tế. Có thể thấy, quan niệm coi kinh tế tư nhân là “một trong những động lực của nền kinh tế” trong 2 kỳ Đại hội X và XI phản ánh bước tiến mới trong tư duy của Đảng về vị trí, vai trò của kinh tế tư nhân trong nền kinh tế nước ta.

Tại Đại hội XII (năm 2016), Đảng tiếp tục khẳng định kinh tế tư nhân là một động lực quan trọng của nền kinh tế. Văn kiện Đại hội XII nhấn mạnh việc: “Hoàn thiện cơ chế, chính sách khuyến khích, tạo thuận lợi phát triển mạnh kinh tế tư nhân ở hầu hết các ngành và lĩnh vực kinh tế, trở thành một động lực quan trọng của nền kinh tế. Hoàn thiện chính sách hỗ trợ phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa, doanh nghiệp khởi nghiệp. khuyến khích hình thành các tập đoàn kinh tế tư nhân đa sở hữu và tư nhân góp vốn vào các tập đoàn kinh tế nhà nước. Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương 4 khóa XII tiếp tục xác định rõ việc phát triển mạnh khu vực kinh tế tư nhân Việt Nam cả về số lượng, chất lượng, thực sự là một động lực quan trọng trong phát triển kinh tế.

Tiến hành đồng bộ với cải cách hành chính, cải cách tư pháp, với những bước đi vững chắc; coi trọng số lượng và chất lượng, có trọng tâm, trọng điểm; dự tính đầy đủ các điều kiện bảo đảm hiệu lực, hiệu quả thi hành của pháp luật. Thực hiện các thủ tục thành lập CTCP có ý nghĩa vô cùng quan trọng không chỉ đối với việc đảm bảo quyền lợi cho bản thân các doanh nghiệp mà còn có ý nghĩa đối với việc đảm bảo trật tự quản lý Nhà nước, bảo vệ lợi ích cho các chủ thể khác trong xã hội cũng như góp phần tác động vào sự phát triển nền kinh tế của toàn xã hội.

3.2. Một số đề xuất về giải pháp nhằm tiếp tục hoàn thiện pháp luật về thành lập và hoạt động của công ty cổ phần

3.2.1. Đề xuất về giải pháp nhằm hoàn thiện pháp luật về thành lập Công ty cổ phần

Luật Doanh nghiệp 2020 vừa tiếp tục kế thừa, luật hóa những quy định còn

phù hợp đã và đang đi vào cuộc sống của Luật Doanh nghiệp 2020, nhưng đồng thời đã sửa đổi, bổ sung nhiều quy định mới nhằm tháo gỡ những hạn chế, bất cập của Luật cũ, tiếp tục tạo lập môi trường đầu tư, kinh doanh thuận lợi, phù hợp với thông lệ quốc tế.

Thứ nhất, cần thay đổi nội dung của giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp. Luật Doanh nghiệp 2014 quy định nội dung giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp bao gồm cả ngành, nghề kinh doanh kinh doanh và danh sách cổ đông sáng lập. Như vậy, trong giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp sẽ không có nội dung ngành, nghề kinh doanh kinh doanh và danh sách cổ đông sáng lập (đối với Công ty cổ phần). Điều này dẫn đến việc khi thay đổi ngành, nghề kinh doanh; thay đổi cổ đông sáng lập đối với công ty cổ phần và cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài, doanh nghiệp chỉ phải thông báo với cơ quan đăng ký kinh doanh để được bổ sung trong hồ sơ đăng ký doanh nghiệp mà không phải đăng ký thay đổi nội dung đăng ký kinh doanh để được 2 năm 2010), Hy Lạp (từ năm 2013), Hồng Kông (từ tháng 3/2014),...ương quốc Anh bãi bỏ việc doanh nghiệp bắt buộc phải sử dụng con dấu kể từ năm 1989. Theo quy định của Luật Công ty 2006 của Anh: doanh nghiệp không bắt buộc phải có con dấu; tuy nhiên, nếu doanh nghiệp có con dấu thì nội dung của con dấu phải tuân thủ một số nguyên tắc chung. Luật này cũng quy định con dấu doanh nghiệp và chữ ký của người có thẩm quyền có giá trị ngang nhau trong việc khẳng định giá trị pháp lý của văn bản do doanh nghiệp ban hành. Tuy nhiên, theo tác giả nên dỡ bỏ hoàn toàn việc sử dụng con dấu doanh nghiệp để tránh tình trạng làm giả con dấu diễn ra phổ biến như hiện nay, bên cạnh đó tạo ra sự đồng bộ trong công tác quản lý của Nhà nước. Muốn làm được điều đó, Nhà nước ta cần phát triển hệ thống thông tin cũng như kiểm soát chặt chẽ vấn đề an ninh mạng để mang lại môi trường kinh doanh hấp dẫn hơn cho các nhà đầu tư.

Thứ hai, cần bỏ phiếu lý lịch tư pháp trong Hồ sơ đăng kí doanh nghiệp. Theo quy định: trong một số trường hợp, khi đăng ký thành lập doanh nghiệp, Cơ quan Đăng ký kinh doanh có thể yêu cầu người đăng ký thành lập doanh nghiệp phải nộp Phiếu lý lịch tư pháp cho Cơ quan đăng ký kinh doanh. Tuy nhiên theo quan điểm tác giả, quy định này chưa thực sự hợp lý, về cơ bản phiếu lý lịch tư

pháp không phải là tài liệu bắt buộc trong Hồ sơ đăng ký thành lập doanh nghiệp bởi nếu bắt buộc sẽ làm tăng thêm thời gian thành lập doanh nghiệp tạo ra gánh nặng chi phí tuân thủ rất lớn cho cả cơ quan nhà nước và doanh nghiệp, sẽ có tác động không thuận lợi cho môi trường đầu tư, kinh doanh ở nước ta.

Cần phải xây dựng một hệ thống cơ quan có thẩm quyền đăng kí kinh doanh tập trung, thống nhất từ trung ương đến địa phương để tránh việc hàng loạt hồ sơ các doanh nghiệp xin đăng kí kinh doanh tồn đọng, chồng chéo.

Về vấn đề tên doanh nghiệp, thiết nghĩ cần phải có quy định cụ thể và chặt chẽ hơn. Qua đó cũng cần có những chế tài thật nghiêm khắc đối với hành vi sai trái trong việc đặt tên doanh nghiệp.

3.2.2. Đề xuất về giải pháp nhằm hoàn thiện pháp luật về hoạt động của Công ty cổ phần

Thứ nhất, nâng cao vai trò của các cơ quan Ban ngành như Bộ kế hoạch và đầu tư từ trung ương xuống địa phương, các cán bộ liên quan đến quá trình thành lập CTCP. Các Ban ngành và cán bộ giữ vai trò nòng cốt, chủ động trong công tác cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nêu cao trách nhiệm của mình trong công tác tiếp nhận và xử lý hồ sơ, chủ động rà soát kỹ nội dung, giải quyết những vấn đề còn vướng mắc, chưa đúng quy định của pháp luật giúp cho các tổ chức, cá nhân có nhu cầu thành lập nắm rõ thông tin. Bên cạnh đó, các cán bộ tăng cường đi thực tế, theo dõi giám sát việc quy trình thực hiện của các chủ thể trong việc thực hiện quy định của pháp luật để đảm bảo tính công bằng, minh bạch và nhất quán.

Thứ hai, xây dựng mối quan hệ chặt chẽ giữa các cán bộ cấp thủ tục và tổ chức, cá nhân có nhu cầu thành lập CTCP. Các cán bộ cần phải tạo ra môi trường làm việc lành mạnh, nhiệt tình giúp đỡ giải quyết thắc mắc của người dân một cách chu đáo. Các tổ chức, cá nhân khi đến cơ quan đăng ký cũng phải có thái độ cư xử đúng mực, nghiêm túc làm theo hướng dẫn của người có thẩm quyền. Như vậy, quá trình làm thủ tục mới có thể diễn ra nhanh chóng, hiệu quả theo đúng quy định của pháp luật.

Thứ ba, cần phải xây dựng các văn bản pháp luật liên quan đến thủ tục CTCP

một cách chắc chắn trong đó chú trọng xử lý các thủ tục đầu vào, chú trọng thực thi kiểm tra, giám sát các giấy tờ trong đăng ký doanh nghiệp, bám sát tình hình thực tế đồng thời mang tính định hướng lâu dài. Thực tế cho thấy có một số quy định ban hành không sát với thực tế hay chỉ vừa mới ban hành được một thời gian đã lỗi thời. Thiết nghĩ, các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cần có sự quan tâm sâu sắc hơn nữa vào công tác xây dựng và hoàn thiện pháp luật để không làm cản trở quá trình thành lập CTCP của các chủ thể.

* Những vấn đề đặt ra cần tiếp tục nghiên cứu

* Kiện toàn tổ chức bộ máy và nâng cao trách nhiệm, năng lực cho đội ngũ cán bộ chuyên trách đăng ký kinh doanh cho doanh nghiệp nói chung

Trong công tác quản lý nhà nước về đăng ký thành lập CTCP thì việc kiện toàn tổ chức bộ máy và nâng cao trách nhiệm, năng lực cho đội ngũ cán bộ chuyên trách thực hiện các chức năng, nhiệm vụ trong công tác là điều hoàn toàn cần thiết. Để có thể thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ thì cần hoàn thiện các vấn đề của công tác cán bộ về các phương diện sau:

Thứ nhất, đối với cán bộ, công chức bên cạnh yêu cầu lựa chọn đúng chuyên ngành, cần xác định chuyên ngành cơ bản và các ngành bổ sung để có tỷ lệ tuyển dụng hợp lý nhằm đa dạng hóa chuyên môn và nguồn tuyển dụng, trong đó ưu tiên cán bộ đào tạo chuyên ngành, có chuyên môn cơ bản nhằm đáp ứng với yêu cầu của công tác quản lý, đảm bảo cho hoạt động đăng ký thành lập CTCP đạt hiệu quả cao.

Thứ hai xây dựng cơ chế chi trả lương hợp lý, các chế độ ưu tiên làm việc nhằm tạo động lực làm việc, thu hút, sử dụng người có tài, có đức trong công tác quản lý nhà nước thông qua xã hội hóa việc xây dựng chính sách, tổ chức đấu thầu dự án ban hành văn bản pháp luật. Có phương hướng đào tạo cán bộ, công chức có năng lực quản lý nhà nước về đăng ký thành lập CTCP đáp ứng yêu cầu, đặc biệt là ở cấp huyện. Qua đó, thực hiện thống nhất quản lý Nhà nước ở cả Trung ương và địa phương trong lĩnh vực đăng ký thành lập CTCP nói riêng và đăng ký thành lập doanh nghiệp nói chung, phát huy được sức mạnh tổng thể của cả hệ thống.

* Nâng cao nhận thức của các chủ thể thực hiện pháp luật về đăng ký kinh

doanh cũng như nâng cao ý thức của cộng đồng về thực hiện quy định trong thành lập và hoạt động công ty cổ phần

Việc áp dụng các biện pháp nhằm nâng cao hiểu biết pháp luật của chủ thể cũng như ý thức pháp luật của cộng đồng trong vấn đề thành lập và hoạt động công ty cổ phần. Có thể thấy, tuyên truyền pháp luật là một trong những biện pháp hữu hiệu nhất để nâng cao hiểu biết và ý thức pháp luật cho các chủ thể. Hoạt động tuyên truyền có thể thực hiện qua nhiều cách thức khác nhau như tổ chức giảng dạy khi học tập ở các trường, phổ biến, tuyên truyền pháp luật...; thông qua việc tổ chức hội nghị phổ biến, cập nhật nội dung các văn bản pháp luật mới, tổ chức các cuộc thi tìm hiểu về pháp luật với nội dung liên quan đến thành lập và hoạt động công ty cổ phần., xử lý các hành vi vi phạm trong quá trình thực hiện thành lập và hoạt động công ty cổ phần... Đối với các chủ thể thực hiện pháp luật cần nâng cao ý thức chấp hành pháp luật của lực lượng này cần tuyên truyền để các chủ thể nhận thức được lợi ích, vai trò quan trọng khi thực hiện đúng các quy định của pháp luật về thành lập và hoạt động công ty cổ phần. Từ đó, đảm bảo việc Nhà nước bảo vệ quyền lợi cho các CTCP trong quá trình tham gia hoạt động sản xuất kinh doanh trên tại các địa phương những năm trở lại đây.

* Tăng cường hoạt động kiểm tra, giám sát việc xử lý vi phạm pháp luật thành lập và hoạt động công ty cổ phần

Đối với quá trình kiểm tra, giám sát việc xử lý vi phạm pháp luật thành lập và hoạt động công ty cổ phần cần có cơ sở pháp lý để đánh giá trình độ của cơ quan, cán bộ, công chức, lực lượng có thẩm quyền. Có kế hoạch bồi dưỡng, nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ cho lực lượng này. Đồng thời nghiêm khắc xử lý những trường hợp các đối tượng thực hiện pháp luật về xử lý vi phạm pháp luật thành lập và hoạt động công ty cổ phần lợi dụng quyền hạn của mình để làm lợi bất hợp pháp. Thường xuyên tiến hành kiểm tra tình hình thực hiện pháp luật về ĐKKD theo quy định của Luật doanh nghiệp 2020. Ngoài ra, tăng cường rà soát, sửa đổi bổ sung, hoàn thiện chính sách pháp luật về thành lập và hoạt động công ty cổ phần theo hướng ổn định; kế thừa những quy định đã đi vào cuộc sống; nghiên cứu, lược bỏ những quy định không phù hợp, xa rời thực tế, hạn chế quy định mang

tính thủ tục hành chính không cần thiết, giảm phiền hà cho CTCP nhưng vẫn đảm bảo quản lý chặt chẽ, hiệu quả.

* Tăng cường công tác quản lý nhà nước đối với hoạt động thành lập và hoạt động công ty cổ phần ở cả nước nói chung

Theo Luật Doanh nghiệp hiện hành, doanh nghiệp phải đăng ký ngành, nghề kinh doanh và sau đó, được quyền kinh doanh theo đúng ngành nghề đã đăng ký và được ghi trong Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp. Thực tế cho thấy, nếu như cơ quan nhà nước không thể thống kê và liệt kê ra hết những ngành nghề được phép kinh doanh, thì tại sao không lựa chọn phương án chỉ thống kê các ngành nghề cấm đăng ký kinh doanh.

Tóm lại, những vấn đề cần tiếp tục nghiên cứu là:

- Định nghĩa về giấy phép kinh doanh và vai trò của nó trong việc đăng kí thành lập CTCP
- Quy định pháp luật cụ thể bảo vệ sức mạnh của CTCP trong nước đứng trước sự cạnh tranh của các doanh nghiệp nước ngoài.
- Quy định tổ chức, cá nhân được kinh doanh ngành, nghề pháp luật không cấm đã thực sự phù hợp với thực tế hay chưa?

3.3. Một số kiến nghị cụ thể

3.3.1. Kiến nghị đối với Quốc hội

Để thực hiện các quy định về thành lập và hoạt động công ty cổ phần trong thực tế thì cần thiết Quốc hội thực hiện các giải pháp sau:

Thứ nhất, cần ban hành nghị quyết để làm nền tảng cho quá trình phát triển của từng loại hình doanh nghiệp trong tình hình mới. Trong đó, chú trọng vào từng giải pháp mang tính chất đột phá nhằm đảm bảo cho quá trình xây dựng và phát triển doanh nghiệp để từ đó chỉ đạo cho Chính phủ phối hợp với cơ quan liên quan nhằm thực hiện và áp dụng trong thực tế.

Thứ hai, đề xuất với Ủy ban thường vụ quốc hội chỉ đạo rà soát các quy định

có liên quan đến doanh nghiệp nói chung và doanh nghiệp cổ phần nói riêng trên cơ sở xem xét những văn bản hướng dẫn hiện hành. Từ đó, tổng hợp các quy định và xây dựng hệ thống pháp luật làm nền tảng cơ bản cho quá trình áp dụng pháp luật của các cấp, các ngành trong thực tế. Chỉ đạo Chính phủ rà soát các thủ tục hành chính trong thành lập doanh nghiệp và tăng cường công tác “hậu kiểm” để đảm bảo cho quá trình áp dụng pháp luật. Xem xét ý kiến góp ý của doanh nghiệp để từ đó xem xét thủ tục hành chính nào rườm rà, cần cắt bỏ và góp phần hình thành hệ thống thông thoáng nhằm thực thi trong thực tế.

Thứ ba, chỉ đạo cho Chính phủ để tiến hành xây dựng khung pháp lý nhằm xử lý các hành vi vi phạm của các doanh nghiệp trong thực tế. Đối tượng hướng đến chính là các doanh nghiệp, các cơ quan thực thi pháp luật trên thực tế nhằm đảm bảo cho quá trình áp dụng phù hợp với hoạt động thu hút đầu tư ở nước ta trong quá trình hội nhập và phát triển.

3.3.2. Kiến nghị đối với Chính phủ

Chính phủ thống nhất và định hướng cho doanh nghiệp trong việc thực hiện các quy định về thành lập và hoạt động công ty cổ phần. Thông qua hiệp hội ngành hàng, Chính phủ có thể đưa ra các quyết định mang tính định hướng cho các doanh nghiệp việc tăng cường quản lý nhà nước đối với hoạt động thành lập và hoạt động của công ty cổ phần .

Đề ra những biện pháp hỗ trợ các doanh nghiệp, đầu tư trang các kiến thức mang tính pháp lý. Xây dựng các cơ chế liên quan đến thành lập doanh nghiệp và hoạt động doanh nghiệp. Các cơ quan hữu quan vừa là cơ quan tăng cường hoạt động quản lý nhà nước vừa là cơ quan hỗ trợ doanh nghiệp nói chung. Bên cạnh đó, nâng cao hơn nữa hệ thống thông tin hỗ trợ sớm ở nước ta giúp cho các doanh nghiệp. Đầu tư những phương tiện kỹ thuật hỗ trợ cho các cán bộ, chuyên gia nhằm tiết kiệm thời gian, công sức con người trong quá trình thực hiện quản lý về doanh nghiệp nói chung.

Xây dựng và đào tạo đội ngũ luật sư, cán bộ, chuyên gia giỏi trong công tác thành lập và hoạt động công ty cổ phần nhằm mục đích tư vấn cho doanh nghiệp, hỗ

trợ cho cơ quan có thẩm quyền khi cần thiết. Quá trình thực hiện quy định của Việt Nam thành lập và hoạt động công ty cổ phần rất cần có một đội ngũ cán bộ, chuyên gia giỏi. Tuy nhiên, trước tình hình đội ngũ cán bộ, chuyên gia và luật sư chưa có nhiều kinh nghiệm thực tiễn về hoạt động thành lập và hoạt động công ty cổ phần cũng như có thể đảm đương được vai trò bảo vệ quyền lợi cho doanh nghiệp nói riêng và các ngành sản xuất nói chung. Vì vậy, cần đào tạo và bồi dưỡng chuyên ngành về Luật Doanh nghiệp và quản lý Nhà nước về doanh nghiệp, qua đó sẽ xây dựng được một đội ngũ cán bộ chủ chốt trong công tác này giúp cho các doanh nghiệp bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình khi tham gia vào các hoạt động thương mại trong nước và ngoài nước.

Đối với quá trình kiểm tra, giám sát việc xử lý vi phạm về thành lập và hoạt động công ty cổ phần cần có cơ sở pháp lý để đánh giá trình độ của cơ quan, cán bộ, công chức, lực lượng có thẩm quyền. Có kế hoạch bồi dưỡng, nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ cho lực lượng này. Đồng thời nghiêm khắc xử lý những trường hợp các đối tượng thực hiện pháp luật lợi dụng quyền hạn của mình để làm lợi bất hợp pháp. Ngoài ra, tăng cường rà soát, sửa đổi bổ sung, hoàn thiện chính sách pháp luật về doanh nghiệp theo hướng ổn định; kế thừa những quy định đã đi vào cuộc sống; nghiên cứu, lược bỏ những quy định không phù hợp, xa rời thực tế, hạn chế quy định mang tính thủ tục hành chính không cần thiết, giảm phiền hà cho doanh nghiệp nhưng vẫn đảm bảo quản lý môi trường chặt chẽ, hiệu quả.

Thường xuyên tổ chức những đợt tập huấn, triển khai luật doanh nghiệp, các quy định về thành lập và hoạt động công ty cổ phần và các văn bản hướng dẫn thi hành cho cơ quan quản lý các cấp và doanh nghiệp, đẩy mạnh công tác truyền thông về môi trường với hình thức và nội dung đa dạng, phong phú để từng bước nâng cao nhận thức cho cộng đồng về doanh nghiệp.

3.3.3. Kiến nghị đối với Hiệp hội doanh nghiệp Việt Nam

Các hiệp hội doanh nghiệp cần xác định mục tiêu trong hoạt động quản lý doanh nghiệp nói chung và doanh nghiệp cổ phần nói chung ở nước ta. Đồng thời, xác định tâm lý trước hoạt động đầu tư nước ngoài: Khi đã tham gia giao thương

quốc tế cũng như trong nước, xây dựng đội ngũ doanh nghiệp đáp ứng với yêu cầu h mạnh. Các hiệp hội doanh nghiệp cần thiết phải có những buổi tọa đàm về quá trình đăng ký thành lập doanh nghiệp và công ty cổ phần nói riêng. CHÚ trọng vào các quy định pháp luật và thực tiễn áp dụng. Trên cơ sở nghiên cứu thì chỉ rõ hướng giải quyết và tập hợp đề xuất với cơ quan chức năng để sửa đổi, bổ sung nhằm đáp ứng với yêu cầu áp dụng trong thực tiễn.

Đối với đội ngũ nhân sự tham vấn trực tiếp cho hoạt động có liên quan đến vụ kiện phải có đủ năng lực, trình độ và được tạo điều kiện thuận lợi trong nghiên cứu các quy định thành lập và hoạt động công ty cổ phần tại thị trường trong nước. Từ đó, giúp doanh nghiệp không còn phải dựa dẫm nhiều vào các tổ chức tư vấn pháp lý nước ngoài như hiện nay.

Tạo mối quan hệ chặt chẽ với hiệp hội ngành hàng và các cơ quan chức năng trong nước nhằm giúp các doanh nghiệp tìm được tiếng nói chung. Ngoài ra, chủ động học tập và nắm bắt các thông tin thiết yếu, cơ bản cũng như những kiến thức cần thiết về hệ thống pháp luật thành lập và hoạt động công ty cổ phần trong nước cũng như các quốc gia trên thế giới khi tham gia vào hoạt động TMQT hiện nay.

KẾT LUẬN

Thành lập và hoạt động công ty cổ phần là một trong những lĩnh vực quan trọng trong hệ thống pháp luật nước ta. Đồng thời có vị trí, vai trò vô cùng quan trọng góp phần hoàn thiện các quy định pháp luật, đáp ứng với chương trình cải cách tư pháp trong tình hình mới. Pháp luật – công cụ quản lý xã hội của nhà nước cũng phát huy tốt ý nghĩa của mình trong việc thành lập và hoạt động công ty cổ phần và xử lý các hành vi vi phạm trong vấn đề này. Nhìn chung Luật Doanh nghiệp 2020 cũng như các văn bản hướng dẫn thi hành đã quy định tương đối đầy đủ, hợp lý những vấn đề cần thiết, là cơ sở pháp lý quan trọng để Thành lập và hoạt động công ty cổ phần trong thực tế. Tuy nhiên, trong thực tế, khi triển khai, do nhiều nguyên nhân khác nhau, các quy định trên chưa thực sự được áp dụng phổ biến, nhiều vi phạm về vấn đề này đã có những tác động không nhỏ đến các chủ thể là CTCP thực hiện hoạt động sản xuất – kinh doanh trong thực tế. Do đó, các cơ quan chức năng cần có những biện pháp hữu hiệu để thực hiện có hiệu quả những quy định của pháp luật về vấn đề này một cách chính xác các quyền lợi mà pháp luật đã trao. Từ đó, khẳng định tính tất yếu về việc thực hiện các quy định trong lĩnh vực này được thực hiện một cách chặt chẽ và đầy đủ, giúp cho các cơ quan thực thi pháp luật có thể áp dụng pháp luật một cách linh hoạt, hợp lý bảo vệ quyền và lợi ích của các chủ thể được pháp luật quy định.

Việc áp dụng các quy định về thành lập và hoạt động công ty cổ phần đã đạt được nhiều kết quả tốt, cần tiếp tục phát huy. Tuy nhiên bên cạnh những ưu điểm, vẫn còn những khó khăn và hạn chế xuất phát từ các cơ quan có thẩm quyền thi hành pháp luật, các cơ quan, tổ chức chịu trách nhiệm thi hành, các lực lượng được giao quyền tiến hành các hoạt động xử lý những hành vi vi phạm. ... Để khắc phục được những hạn chế này, luận văn đã đưa ra được một số giải pháp bên cạnh việc hoàn thiện các quy định của pháp luật về xử lý vi phạm pháp luật về môi trường như: Định hướng về hoàn thiện pháp luật về thành lập và hoạt động công ty cổ phần, tăng cường sự phối hợp giữa các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền, tăng cường sự chỉ đạo của Đảng; Tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật về thành lập và hoạt động công ty cổ phần trong lĩnh vực này.

Trên đây là công trình nghiên cứu của tác giả về Thành lập và hoạt động công ty cổ phần và thực tiễn ở nước ta hiện nay. Việc nghiên cứu đề tài này đã mang lại ý nghĩa, góp phần trong việc xây dựng và hoàn thiện pháp luật về thành lập và hoạt động công ty cổ phần và giúp đánh giá được thực tiễn thi hành pháp luật ở nước ta trong giai đoạn hiện nay. Trong khuôn khổ của luận văn thạc sĩ, người viết không có tham vọng trình bày được đầy đủ tất cả những vấn đề liên quan đến vấn đề thành lập và hoạt động công ty cổ phần mà chỉ tập trung giải quyết những vấn đề nổi bật và cơ bản nhất. Hy vọng bằng những giải pháp tích cực sẽ tạo nên một hành lang pháp lý vững chắc, thông suốt, phát huy tính tích cực, khắc phục những hạn chế của các quy định về thành lập và hoạt động công ty cổ phần ở nước ta. Mặt khác, nâng cao hiệu quả công tác tổ chức thực hiện pháp luật thành lập và hoạt động công ty cổ phần nói riêng và pháp luật doanh nghiệp nói chung, góp phần hoàn thiện hệ thống pháp luật ở nước ta đáp ứng với yêu cầu của công cuộc xây dựng nhà nước pháp quyền trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO**VĂN BẢN PHÁP LUẬT**

1. Quốc Hội (2020), Luật Doanh nghiệp 2020
2. Quốc Hội (2014), Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2014, Hà Nội.
3. Quốc Hội (2005), *Luật Doanh nghiệp số 60/2005/QH11 ngày 29 tháng 11 năm 2005*, Hà Nội.
4. Quốc Hội (1999), *Luật Doanh nghiệp số 13/1999/QH10 ngày 12 tháng 6 năm 1999*, Hà Nội.
5. Quốc Hội (2005), *Bộ luật Dân sự*, Hà Nội.
6. Quốc Hội (2015), *Bộ luật Dân sự*, Hà Nội.
7. Chính phủ (2015), Nghị định số 96/2015/NĐ-CP ngày 08 tháng 12 năm 2015 hướng dẫn chi tiết thi hành một số điều Luật Doanh nghiệp, Hà Nội.
8. Nghị định 78/2015/NĐ-CP Về đăng kí doanh nghiệp
9. Bộ Chính trị (2005), Nghị quyết số 48/NQ-TW ngày 24/5/2005 của Bộ Chính trị về Chiến lược xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật Việt Nam đến năm 2010, định hướng đến năm 2020, Hà Nội.
10. Bộ Chính trị (2005), Nghị quyết số 49/NQ-TW ngày 02/6/2005 của Bộ Chính trị về Chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020, Hà Nội.
11. Nghị định 50/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 6 năm 2016 quy định về xử phạt hành chính trong lĩnh vực kế hoạch và đầu tư
12. Phạm Duy Nghĩa (2004), *Chuyên khảo Luật kinh tế*, tr. 250-270, NXB Đại học quốc gia Hà Nội, Hà Nội.
13. Trường Đại học Luật Hà Nội (2014), *Giáo trình Luật thương mại*, NXB Công an nhân dân, Hà Nội.

14. Viện nghiên cứu phát triển doanh nghiệp (2012), *Báo cáo thường niên doanh nghiệp Việt Nam năm 2011*, NXB Thông tin và truyền thông, Hà Nội.
15. Viện nghiên cứu phát triển doanh nghiệp (2013), *Báo cáo thường niên doanh nghiệp Việt Nam năm 2012*, NXB Thông tin và truyền thông, Hà Nội.
16. Viện Ngôn Ngữ (2007), *Từ điển Tiếng Việt*, Nxb Từ điển bách khoa, Hà Nội.
17. Giáo trình Luật thương mại của Trường Đại học Luật Hà Nội - Nxb Công an nhân dân, Hà Nội, 2006;
18. Giáo trình Luật kinh tế của Khoa Luật Đại học Quốc gia Hà Nội - Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội, 2001;
19. Chuyên khảo Một số quy định mới về công ty cổ phần nhỏ, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2003. Hay
20. Phân tích pháp luật về công ty cổ phần để tìm ra các bất cập của TS. Ngô Huy Cương - Tạp chí Khoa học, Đại học Quốc gia Hà Nội, số 25 (2009)...
21. “*Pháp luật về thành lập và hoạt động của công ty cổ phần ở Việt Nam thực trạng và phương hướng hoàn thiện*” - Luận văn Thạc sĩ Luật học của tác giả Trần Tố Uyên (Khoa Luật Đại học Quốc gia Hà Nội, năm 2005)
22. TS. Bùi Ngọc Cường (2004), *Một số vấn đề về quyền tự do kinh doanh trong pháp luật kinh tế hiện hành ở Việt Nam*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
23. TS. Nguyễn Văn Hậu, TS. Nguyễn Thị Như Hà (2009), *Hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa trong điều kiện Việt Nam là thành viên của tổ chức thương mại thế giới*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.

24. TS. Nguyễn Hữu Thắng (2008), *Nâng cao năng lực cạnh tranh của các doanh nghiệp trong xu thế hội nhập kinh tế quốc tế hiện nay*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
25. TS. Trần Thị Tuyết (2006), *Một số giải pháp hoàn thiện quản lí Nhà nước đối với doanh nghiệp*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
26. Kết quả điều tra cơ sở sản xuất kinh doanh cá thể phi nông năm 2010 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
27. Kết quả điều tra, khảo sát tình hình phát triển của công ty cổ phần tại tỉnh Bắc Ninh và Vĩnh Phúc năm 2011 của Viện Chính sách và Chiến lược phát triển nông nghiệp nông thôn (Ipsard) thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.